

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY BGG LẠNG GIANG

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

DỰ ÁN: XÂY DỰNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT NGÀNH MAY MẶC BGG

*Địa điểm: Lô A3, A7, Cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, thị trấn Kép,
huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang*

Bắc Giang, năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY BGG LẠNG GIANG

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

DỰ ÁN: XÂY DỰNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT NGÀNH MAY MẶC BGG

*Địa điểm: Lô A3+A7, Cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, thị trấn Kép,
huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang*



ĐƠN VỊ TƯ VẤN

TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN HỮU HÙNG

Bắc Giang, năm 2024

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG	IV
DANH MỤC HÌNH	I
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	II
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	3
1. Tên chủ dự án đầu tư:	3
2. Tên dự án đầu tư:.....	3
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư.....	3
3.1. Quy mô, công suất hoạt động của cơ sở.....	3
3.2. Công nghệ sản xuất của nhà máy:.....	5
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư.....	8
4.1. Nguyên, nhiên, vật liệu, máy móc phục vụ giai đoạn hoạt động của dự án	8
5. Các thông tin khác liên quan tới cơ sở	12
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NẲNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	15
1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	15
2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	16
2.1. Đánh giá tác động của việc xả nước thải đến chế độ thủy văn của nguồn nước tiếp nhận.....	16
2.2. Đánh giá tác động của việc xả nước thải đến chất lượng nguồn nước	17
2.3. Đánh giá tác động của việc xả nước thải đến hệ sinh thái thủy sinh.....	17
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	19
1. Công trình, biện pháp thu gom, thoát nước mưa và thu gom, xử lý nước thải	19
1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	19
1.2. Hệ thống thu gom, xử lý nước thải	20
1.3. Công trình xử lý nước thải.....	22
2. Công trình xử lý bụi, khí thải.....	32
3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	34
3.1. Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt.....	34

GPMT dự án: “Xây dựng nhà máy sản xuất ngành may mặc BGG”

3.2. Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải rắn công nghiệp.....	34
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:	35
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu, tiếng ồn, độ rung.	36
5.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung.....	36
5.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	36
5.3. Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung của cơ sở:.....	37
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	37
6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với công trình xử lý nước thải.....	37
6.2. Phương án phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường khác	38
CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	45
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	45
1.1. Nguồn phát sinh nước thải:.....	45
1.2. Lưu lượng xả thải tối đa.....	45
1.3. Dòng nước thải.....	45
1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải	45
1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải.....	46
2. Nội dung cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	47
2.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung.....	47
2.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung	47
2.3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung.....	47
3. Thời gian đề nghị cấp phép:.....	47
CHƯƠNG V: KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	48
1. Kết quả quan trắc môi trường đối với nước thải.....	48
2. Kết quả quan trắc môi trường đối với không khí làm việc.	49
2.1. Không khí khu vực nhà cắt.....	49
2.2. Không khí khu vực xưởng may 1.....	49
2.3. Không khí khu vực văn phòng.....	50
2.4. Không khí khu vực nhà may 2.....	51
3. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo	52

CHƯƠNG VI: TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	54
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	54
2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật.....	54
2.1. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật.....	54
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	54
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm:	54
CHƯƠNG VII: KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....	55
CHƯƠNG VIII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	56
1. KẾT LUẬN.....	56
2. KIẾN NGHỊ	56
3. CAM KẾT.....	57

GPMT dự án: “Xây dựng nhà máy sản xuất ngành may mặc BGG”

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Nguyên vật liệu phục vụ hoạt động may mặc tại dự án.....	9
Bảng 1.2. Nhu cầu sử dụng lao động của dự án	10
Bảng 1.3. Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất của dự án.....	10
Bảng 1.4. Các hạng mục công trình hiện trạng của dự án	13
Bảng 3.1. Danh mục vật tư phục vụ hoạt động trạm XLNT	30
Bảng 3.2. Danh mục CTNH phát sinh tại dự án.....	35
Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải	45
Bảng 5.1. Kết quả quan trắc nước thải của dự án.....	48
Bảng 5.2. Kết quả quan trắc không khí khu vực nhà cắt	49
Bảng 5.3. Kết quả quan trắc không khí tại nhà xưởng 01	50
Bảng 5.4. Kết quả quan trắc không khí khu vực văn phòng	50
Bảng 5.5. Kết quả quan trắc không khí khu vực nhà may 2	51
Bảng 5.6. Kết quả phân tích mẫu không khí xung quanh dự án	52
Bảng 5.7. Kết quả quan trắc nước mặt	53

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Quy trình sản xuất hàng may mặc của nhà máy	5
Hình 1.2. Quy trình nhồi lông vũ.....	7
Hình 1.3. Quy trình sản xuất, gia công phụ kiện ngành may.....	8
Hình 1.4. Định vị dự án trên bản đồ vệ tinh.....	13
Hình 3.1. Sơ đồ hệ thống thoát nước mưa.....	19
Hình 3.2. Sơ đồ thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn.....	20
Hình 3.3. Sơ đồ quy trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở	21
Hình 3.4. Bể tách dầu mỡ	23
Hình 3.5 Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn.....	24
Hình 3.6. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải AO-MBBR.....	25

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BVMT	:	Bảo vệ môi trường
BOD	:	Nhu cầu ôxi hóa sinh học
BTNM	:	Bộ Tài nguyên Môi trường
BXD	:	Bộ Xây dựng
BYT	:	Bộ Y tế
COD	:	Nhu cầu ôxi hóa hóa học
CTNH	:	Chất thải nguy hại
CTR	:	Chất thải rắn
PCCC	:	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	:	Quy chuẩn Việt Nam
QĐ	:	Quyết định
QLNN	:	Quản lý nhà nước
TCVN	:	Tiêu chuẩn Việt Nam
TCXDVN	:	Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
TT	:	Thông tư
UBND	:	Ủy ban nhân dân
VOC	:	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi
WHO	:	Tổ chức Y tế Thế giới

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên chủ dự án đầu tư:

- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần may BGG Lạng Giang.
- Địa chỉ liên hệ: Lô A3+A7, cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, thị trấn Kép, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư:
(Ông) Nguyễn Hữu Hùng Chức vụ: Tổng giám đốc
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 2400889524 đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 06 năm 2020, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 04 tháng 01 năm 2024, do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp.

2. Tên dự án đầu tư:

- Tên dự án: **Xây dựng nhà máy sản xuất ngành may mặc BGG.**
- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: Lô A3 + A7 cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, thị trấn Kép, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.
- Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 1830/GXN-TNMT ngày 11 tháng 07 năm 2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang.
- Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): **48.000.000.000 đồng**. Dự án là Dự án nhóm C (Căn cứ điều 10, Luật đầu tư công số 29/2019/QH14 ngày 13/06/2019 của Chính phủ).
- Dự án là dự án nhóm III (căn cứ STT-02 mục II phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP), dự án thuộc đối tượng phải lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường trình Ủy ban nhân dân huyện Lạng Giang phê duyệt (căn cứ khoản 4, điều 41 Luật Bảo vệ môi trường 2020). Nội dung cấu trúc báo cáo được lập theo mẫu của phụ lục XII kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư

3.1. Quy mô, công suất hoạt động của cơ sở

- **Diện tích thực hiện dự án: 25.424 m², trong đó:**
 - + Diện tích nhà xưởng số 1: 5.560 m²;
 - + Diện tích nhà xưởng số 2: 6.540 m²;
 - + Diện tích nhà cầu: 540 m²;
 - + Nhà để xe: 1.080 m²;

GPMT dự án: “Xây dựng nhà máy sản xuất ngành may mặc BGG”

- + Nhà nổi hơi: 90 m²;
- + Bể xử lý nước thải: 72 m²;
- + Đất cây xanh: 5.197 m²;
- + Sân đường nội bộ: 6.345 m²;

- Công suất của dự án:

- + Sản xuất Phéc-mơ-tuya: 600.000 sản phẩm/năm.
- + Sản xuất khóa, cúc quần áo: 500.000 sản phẩm/năm.
- + Sản xuất tất tay, caravat: 800.000 sản phẩm/năm.
- + Sản xuất bao bì, thùng carton, túi đựng: 100.000 sản phẩm/năm.
- + May áo jacket: 2.000.000 sản phẩm/năm.
- + May trang phục: 2.000.000 sản phẩm/năm.

- Sản phẩm đầu ra: Sản xuất hàng may mặc, phụ kiện ngành may.

- Số lượng nhân viên: 2.700 người

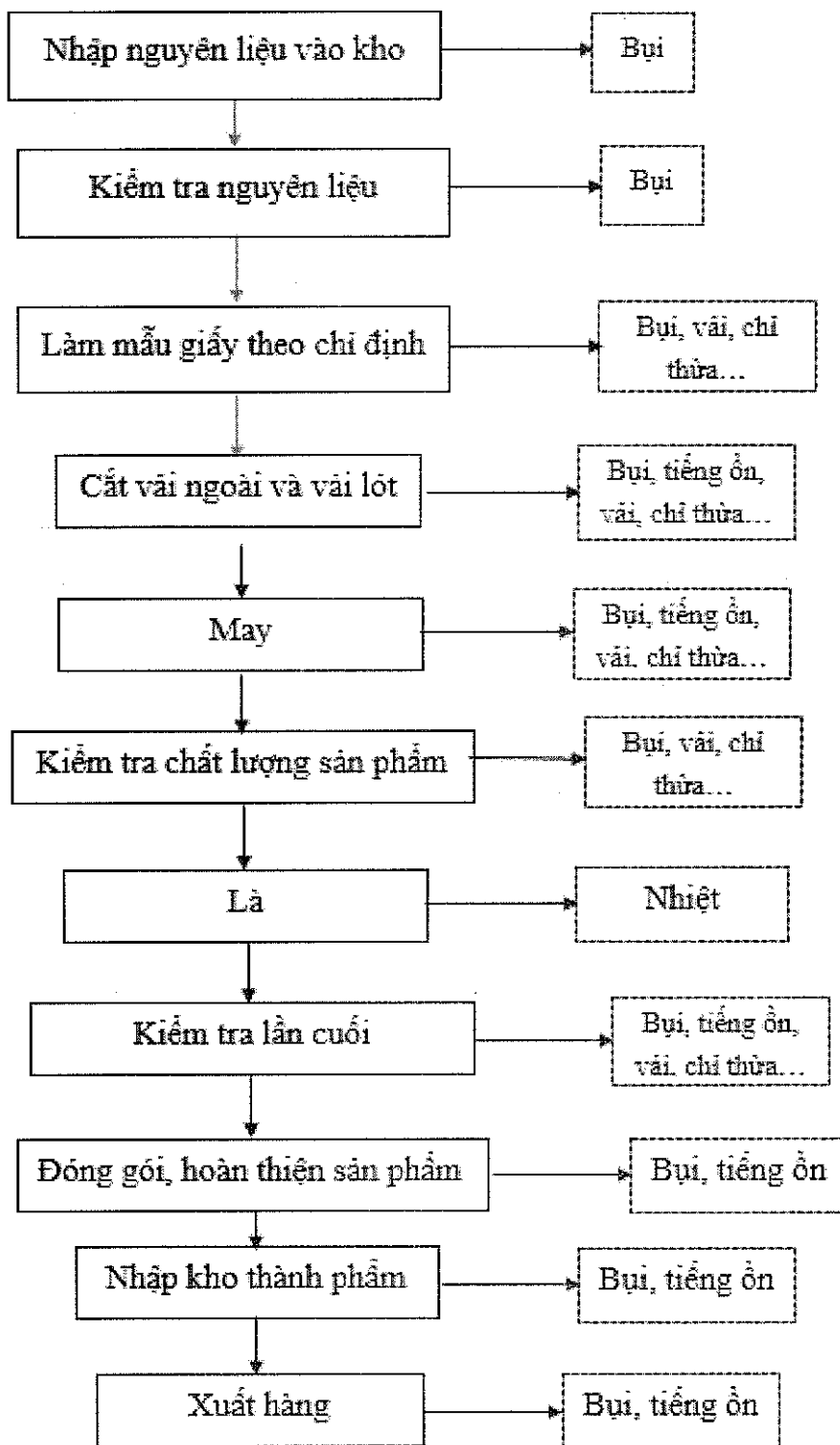
- + Ban lãnh đạo: 3 người.
- + Văn phòng, hành chính – nhân sự: 15 người.
- + Phòng kinh doanh – XNK: 6 người.
- + Phòng kỹ thuật: 8 người.
- + Bộ phận sản xuất, công nhân: 2668 người.

- Tổng số vốn đầu tư dự án: 48.000.000.000 đồng (Mười hai tỷ đồng), trong đó:

- + Vốn cố định: 40.000.000.000 đồng (Bốn mươi tỷ đồng).
- + Vốn lưu động: 8.000.000.000 đồng (Tám tỷ đồng).

3.2. Công nghệ sản xuất của nhà máy:

3.2.1. Quy trình sản xuất hàng may mặc:



Hình 1.1. Quy trình sản xuất hàng may mặc của nhà máy

* Thuyết minh quy trình:

GPMT dự án: “Xây dựng nhà máy sản xuất ngành may mặc BGG”

- Quy trình sản xuất hàng may mặc: Hàng may mặc sản xuất theo chu trình khép kín gồm: Thiết kế, duyệt mẫu, chuẩn bị nguyên liệu, vật tư, cắt may và ráp sản phẩm, kiểm tra, đóng gói, xuất hàng.

Nguyên phụ liệu sau khi nhập khẩu và mua vào được chứa vào kho theo yêu cầu thiết kế, sử dụng được đưa qua toàn bộ kỹ thuật may và hoàn thành mẫu. Mẫu sau khi may tạo thành sản phẩm hoàn chỉnh được kiểm tra rồi tiến hành cắt may hàng loạt. Sản phẩm sau công đoạn cắt, may được đưa sang bộ phận kiểm tra chất lượng, nếu sản phẩm đạt yêu cầu về chất lượng sẽ được chuyển qua công đoạn đính khuy, cắt chỉ thừa và là ủi. Sau đó sản phẩm được kiểm tra lần cuối được đưa đến bộ phận đóng gói, nhập kho và xuất kho.

Các chất thải phát sinh từ quá trình sản xuất gồm có bụi, vải thừa, chỉ thừa, vật liệu may dư thừa, cuộn chỉ, phần may... từ công đoạn nhập kho, cắt, may, đóng gói, hoàn thiện sản phẩm, sản phẩm lỗi hỏng từ công đoạn kiểm tra, kiểm soát chất lượng sản phẩm trước khi xuất hàng. Ngoài ra còn phát sinh chất thải rắn như túi nilong, bao bì cát tông... từ công đoạn đóng gói sản phẩm.

Trong quá trình sản xuất, sử dụng lò hơi sử dụng điện sinh hơi để là sản phẩm, lò hơi không sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu để đốt nên không phát sinh bụi, khí thải từ quá trình đốt tại lò hơi.

Đặc điểm của quy trình sản xuất:

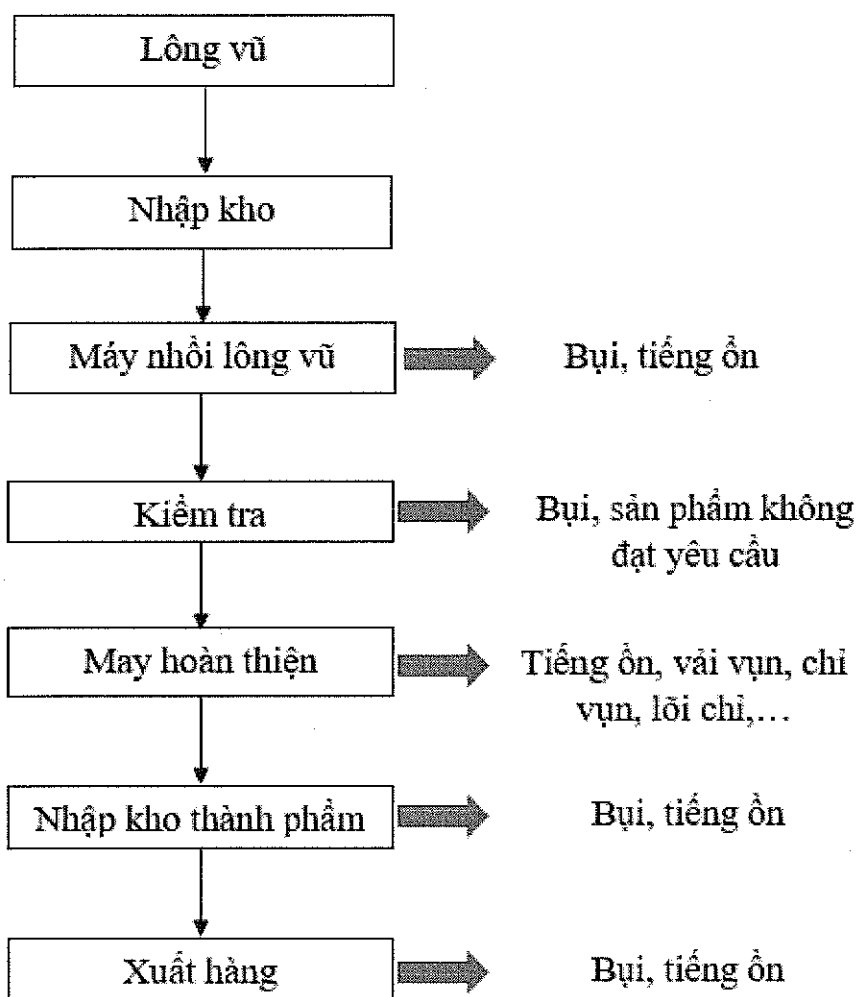
Quy trình sản xuất của công ty được tổ chức một cách chặt chẽ theo một quy trình khép kín, đảm bảo quá trình sản xuất được thực hiện một cách đồng bộ giảm thiểu chi phí sản xuất, nâng cao năng suất lao động đồng thời đảm bảo chất lượng sản phẩm đầu ra.

Dây chuyền công nghệ sản xuất được áp dụng cho công ty tiên tiến, hiện đại và đồng bộ, được sử dụng hiệu quả và rộng rãi. Đặc điểm nổi bật của dây chuyền sản xuất này là:

- Công nghệ sản xuất tiên tiến, độ chính xác cao;
- Phù hợp với quy mô đầu tư đã được lựa chọn;
- Sử dụng lao động, năng lượng, nguyên vật liệu hợp lý;
- Chất lượng sản phẩm được kiểm nghiệm trong suốt quá trình sản xuất;
- Đảm bảo an toàn môi trường;

Công ty không sử dụng nước để phục vụ quá trình sản xuất. Nước sạch được sử dụng để cấp cho mục đích sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên trong công ty. Do đó nước thải của Công ty thải ra là nước thải sinh hoạt (từ nhà vệ sinh, nhà ăn ca).

3.2.2. Quy trình nhồi lông vũ kèm dòng thải

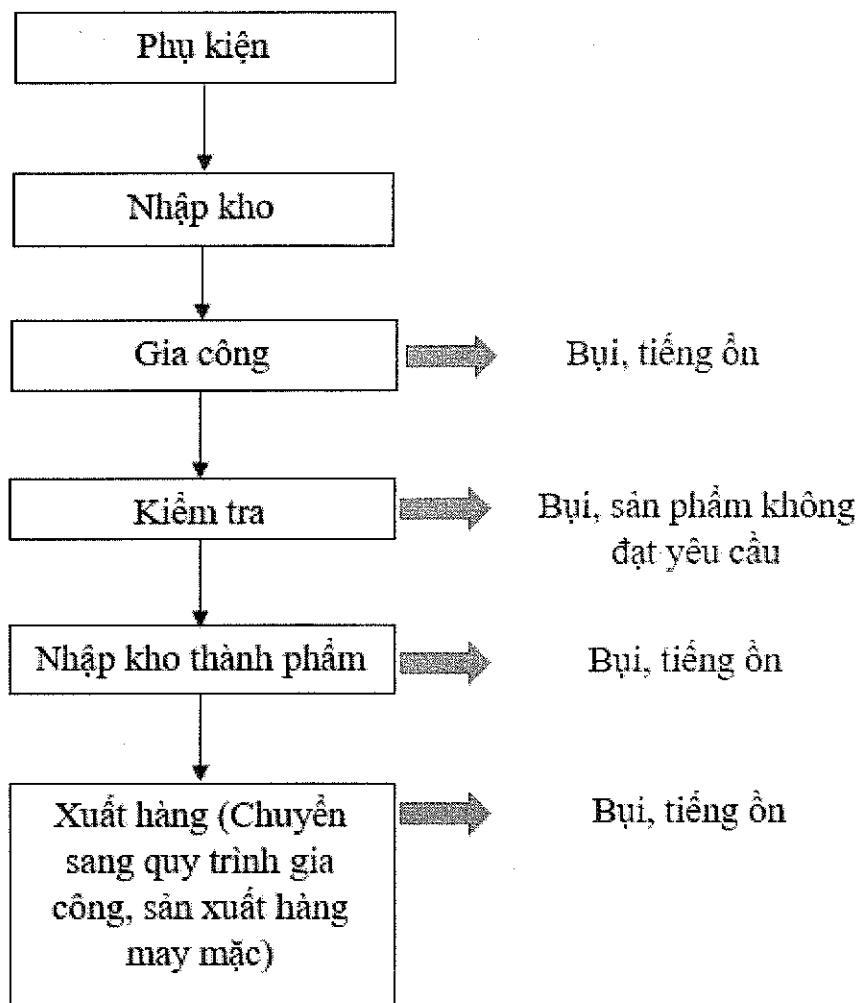


Hình 1.2. Quy trình nhồi lông vũ

*** Thuyết minh quy trình:**

- Chủ dự án nhập nguyên liệu lông vũ từ các đơn vị cung ứng đưa về kho, máy nhồi lông vũ được lập trình tiến hành quá trình nhồi lông vũ vào thành phẩm hoặc bán thành phẩm theo yêu cầu của khách hàng. Sau đó thành phẩm sẽ được chuyển qua công đoạn kiểm tra đạt yêu cầu sẽ được đưa sang công đoạn may để hoàn thiện sản phẩm. Tiếp theo sẽ đến công đoạn hoàn thiện nhập kho và xuất hàng.

3.2.3. Quy trình sản xuất, gia công phụ kiện ngành may



Hình 1.3. Quy trình sản xuất, gia công phụ kiện ngành may

*** Thuyết minh quy trình:**

- Công ty không tiến hành sản xuất phụ kiện ngành may (Phéc-mo-tuya; khóa, cúc quần áo; tất tay, caravat; bao bì, thùng carton, túi đựng), toàn bộ phụ kiện được nhập về sau đó kiểm tra, gia công rồi đóng gói lưu kho rồi chuyển sang quy trình gia công, sản xuất hàng may mặc.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư

4.1. Nguyên, nhiên, vật liệu, máy móc phục vụ giai đoạn hoạt động của dự án

a. Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu

Để phục vụ cho việc sản xuất theo công suất trong chủ trương đầu tư, nguyên liệu cần thiết để phục vụ cho quá trình sản xuất của nhà máy như sau:

GPMT dự án: “Xây dựng nhà máy sản xuất ngành may mặc BGG”

- Nguyên liệu chính là vải. Các loại vải trong nước và vải cao cấp nhập khẩu từ nước ngoài khoảng 14.000.000 m²/năm.

- Phụ liệu phục vụ cho may mặc quần áo bao gồm (Kim, chỉ, khóa, vải lót, chót, mex, băng dính, thước kẻ, thước dây, phấn dưỡng,...). Các phụ kiện này nhập, mua trong nước và nước ngoài. Nhu cầu sử dụng trung bình 1 tháng như sau:

Bảng 1.1. Nguyên vật liệu phục vụ hoạt động may mặc tại dự án

STT	Tên nguyên liệu	Số lượng	Đơn vị
1	Kim may	5.000	Chiếc
2	Chỉ các loại	40.000	Cuộn
3	Cúc các loại	1.500.000	Chiếc
4	Khuy các loại	25.000	Chiếc
5	Vải lót	1.500	Kg
6	Chốt	130	Chiếc
7	Mex	300.000	M
8	Băng dính	1.000	Cuộn
9	Thước kẻ	600	Chiếc
10	Thước dây	500	Chiếc
11	Phấn dưỡng	150	Hộp
12	Bông, lông vũ	200	Tấn
13	Thùng carton	40.000	Thùng

- Công ty cam kết tất cả các nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu trên đều không thuộc danh mục chất cấm sử dụng ở Việt Nam theo quy định hiện hành.

b. Nhu cầu dùng nước

*** Nhu cầu dùng nước của dự án:**

- Căn cứ hóa đơn nước sạch 3 tháng (tháng 2, 3, 4 năm 2024) nhu cầu sử dụng nước trung bình hiện tại khoảng 3.900 m³/tháng tương đương khoảng 150 m³/ngày.

+ Nước phục vụ sinh hoạt, nấu ăn khoảng 150 m³/ngày. Trong đó:

Nước cấp cho sinh hoạt: theo bảng 3.4 TCXDVN 33:2006 cấp nước-mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế: Tiêu chuẩn dùng nước cho sinh hoạt của phân xưởng sản xuất không có tỏa nhiệt là 25 lít/người.ca; công nhân làm việc trung bình 8 tiếng/ngày.

Nhu cầu nước cho sinh hoạt của công nhân viên làm việc (số công nhân viên 380 người): 2.700 người x 25lít/người.ca x 2 ca=135 m³/ngày.

GPMT dự án: “Xây dựng nhà máy sản xuất ngành may mặc BGG”

+ Nước phục vụ sản xuất cấp nước lò hơi (121 lò hơi đốt điện công suất sinh hơi 25 kg/h trong thời gian hoạt động trung bình 8 giờ/ngày), lượng nước sử dụng cho lò hơi khoảng **15 m³/ngày**.

* **Nguồn cung cấp nước:** Công ty sử dụng nước sạch thông qua hệ thống cấp nước sạch chung của thị trấn Kép, đường ống cấp nước sạch hiện trạng chạy dọc tuyến đường 292 trước công dự án.

c. Nhu cầu sử dụng điện

Căn cứ vào hóa đơn điện tháng tháng 2, 3, 4/2024 thì lượng điện năng trung bình tiêu thụ hàng tháng của công ty là: 185.000 kWh/tháng.

Điện của dự án phục vụ cho các nhu cầu sau:

- Phục vụ cho các dây chuyền sản xuất;
- Phục vụ cho nhu cầu của nhân viên, chiếu sáng xung quanh.

Nguồn điện: Sử dụng nguồn điện cấp chung cho huyện Lạng Giang do Công ty Điện lực Bắc Giang cung cấp. Do nhu cầu sử dụng điện lớn và đảm bảo nguồn điện sử dụng ổn định nên chủ cơ sở đã đầu tư xây dựng Trạm biến áp công suất trạm 2x630KVA – 35(22)/0,4KV tại khu vực góc phía Tây Bắc của nhà xưởng số 01.

d. Nhu cầu sử dụng lao động

Bảng 1.2. Nhu cầu sử dụng lao động của dự án

STT	Vị trí	Số lượng
1	Ban lãnh đạo	3
2	Văn phòng- hành chính	15
3	Phòng kinh doanh – XNK	6
4	Phòng kỹ thuật	8
5	Công nhân	2668
	Tổng	2.700

e. Danh mục thiết bị phục vụ sản xuất

Bảng 1.3. Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất của dự án

STT	Nội dung	Đơn vị	Số Lượng	Tình trạng
	Máy móc thiết bị phục vụ công đoạn may trang phục, áo jacket			

GPMT dự án: “Xây dựng nhà máy sản xuất ngành may mặc BGG”

1	Máy may 2 kim cơ động GEMSY 8420M	Chiếc	100	80% - 85%
2	Máy may công nghiệp Gem 9300 D3-Y	Chiếc	200	80% - 85%
3	Máy vắt sổ công nghiệp 5 chỉ GEMSY model GEN 757F	Chiếc	200	80% - 85%
4	Máy cắt 8 inch	Chiếc	5	80% - 85%
5	Máy phay dưỡng meca Đài Loan	Chiếc	5	80% - 85%
6	Máy khâu công nghiệp 2 kim GEMSY model GEM 8450 – M	Chiếc	100	80% - 85%
7	Máy cắt 10 inch	Chiếc	10	80% - 85%
8	Máy vắt sổ công nghiệp 4 chỉ GEMSY model GEM 747F	Chiếc	15	80% - 85%
9	Máy xém 1 kim GEMSY 5200	Chiếc	10	80% - 85%
10	Máy Zic Zắc CSN – 2383	Chiếc	10	80% - 85%
11	Máy vắt sổ công nghiệp 5 chỉ GEMSY model GEM 7700 – 05	Chiếc	10	80% - 85%
12	Máy vắt sổ công nghiệp 4 chỉ GEMSY model GEM 757F	Chiếc	4	80% - 85%
13	Máy 1 kim điện tử HIKARI H8800D	Chiếc	200	80% - 85%
14	Máy đính cúc	Chiếc	15	80% - 85%
15	Máy 2 kim chỉ tết 5900	Chiếc	10	80% - 85%
16	Máy cắt đầu bàn Hikari	Chiếc	10	80% - 85%
17	Máy trần đê CNB – 2000C	Chiếc	10	80% - 85%
18	Máy may công nghiệp CS – 5910	Chiếc	10	80% - 85%
19	Xe đẩy hàng	Chiếc	20	80% - 85%
20	Máy may 2 kim động cơ GEMSY 8420M	Chiếc	10	80% - 85%
21	Bàn hút chân không DH – 800	Chiếc	15	80% - 85%
22	Máy may công nghiệp B – 2000C	Chiếc	10	80% - 85%

GPMT dự án: “Xây dựng nhà máy sản xuất ngành may mặc BGG”

23	Máy cắt nhám	Chiếc	10	80% - 85%
Máy móc thiết bị phục vụ gia công, sản xuất phụ kiện ngành may				
1	Máy may công nghiệp GEM 9300 D3 – Y	Chiếc	50	80% - 85%
2	Máy may 2 kim động cơ GEMSY 8420M	Chiếc	20	80% - 85%
3	Máy may công nghiệp CS – 5910	Chiếc	10	80% - 85%
4	Máy cắt đầu bàn Hikari	Chiếc	5	80% - 85%
5	Máy vắt sủ công nghiệp 5 chỉ GEMSY model GEM 7700 - 05	Chiếc	10	80% - 85%
6	Máy vắt sủ công nghiệp 4 chỉ GEMSY model GEM 757F	Chiếc	4	80% - 85%
7	Máy xén 1 kim GEMSY 5200	Chiếc	10	80% - 85%
8	Máy Zic Zác CSN – 2383	Chiếc	10	80% - 85%
9	Máy cắt nhám	Chiếc	10	80% - 85%
10	Máy may công nghiệp CS - 5910	Chiếc	10	80% - 85%
11	Xe đẩy hàng	Chiếc	20	80% - 85%
12	Máy may 2 kim động cơ GEMSY 8420M	Chiếc	10	80% - 85%

** Ngoài ra, công ty còn sử dụng 121 nồi hơi điện phục vụ sản xuất may mặc, thông số cụ thể như sau:*

- Năng suất sinh hơi: 25 kg/h;
- Áp suất làm việc max: 10 kg/cm²;
- Diện tích truyền nhiệt: 23,7 m²;
- Nhiệt độ nước cấp: 30°C;
- Nhiệt độ hơi nước bão hòa max: 183°C;
- Nhiên liệu đốt: Điện;
- Hiệu suất: 81 %.

5. Các thông tin khác liên quan tới cơ sở

Dự án “Xây dựng nhà máy sản xuất ngành may mặc BGG” được thực hiện tại lô A3 + A7 Cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, thị trấn Kép, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang với tổng diện tích 25.424 m² và các vị trí tiếp giáp như sau:

- + Phía Bắc có chiều dài khoảng 77,5m, giáp với ruộng canh tác của thôn Đồng 3;
- + Phía Nam có chiều dài 72,6m, giáp với đường ĐT.292;

GPMT dự án: “Xây dựng nhà máy sản xuất ngành may mặc BGG”

+ Phía Đông có chiều dài khoảng 339,7m, giáp với đường giao thông trong cụm công nghiệp và giáp với công ty cổ phần Casablanca;

+ Phía Tây có chiều dài 339,9m, giáp với Tổng Công ty may Bắc Giang LGG.



Hình 1.4. Định vị dự án trên bản đồ vệ tinh

* Các hạng mục công trình của dự án được trình bày chi tiết dưới đây:

Bảng 1.4. Các hạng mục công trình hiện trạng của dự án

STT	Công trình	Đơn vị	Số lượng	Tình trạng
Hạng mục công trình chính				
1	Nhà xưởng số 1	m ²	5.560	Đã xây dựng và hoạt động từ tháng 02/2019
2	Nhà xưởng số 2	m ²	6.540	Đã xây dựng và hoạt động từ tháng 02/2020
3	Nhà cầu	m ²	540	Đã xây dựng và hoạt động từ tháng 02/2020
4	Nhà để xe	m ²	1080	Đã xây dựng và hoạt động từ tháng 02/2020
5	Nhà nồi hơi	m ²	100	Đã xây dựng và hoạt động từ tháng 02/2020

Chủ dự án: Công ty cổ phần may BGG Lạng Giang

Đơn vị tư vấn: Công ty cổ phần môi trường xanh TBT

GPMT dự án: “Xây dựng nhà máy sản xuất ngành may mặc BGG”

6	Cây xanh	m ²	5.197	Đã xây dựng và hoạt động từ tháng 02/2020
7	Sân đường nội bộ	m ²	6.345	Đã xây dựng và hoạt động từ tháng 02/2020
8	Hệ thống cấp nước, PCCC	Hệ thống	01	Đã xây dựng và hoạt động từ tháng 02/2020
9	Hệ thống hàng rào	Hệ thống	01	Đã xây dựng và hoạt động từ tháng 02/2020
Hạng mục công trình bảo vệ môi trường				
10	Nhà vệ sinh công nhân	m ²	149	Đã xây dựng và hoạt động từ tháng 02/2020
11	Trạm XLNT công suất 200 m ³ /ng.đ	Hệ thống	01	Đã xây dựng và hoạt động từ tháng 02/2020
12	Hệ thống thu gom, thoát nước thải	Hệ thống	01	Đã xây dựng và hoạt động từ tháng 02/2020
13	Hệ thống thu gom, thoát nước mưa	Hệ thống	01	Đã xây dựng và hoạt động từ tháng 02/2020

(Nguồn: Chủ dự án – Công ty cổ phần may BGG Lạng Giang)

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

(1) Sự phù hợp của dự án với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia

Tại thời điểm lập báo cáo, Quy hoạch BVMT Quốc gia đang được Bộ tài nguyên và môi trường triển khai, chưa được phê duyệt.

(2) Sự phù hợp của dự án với Quy hoạch tỉnh

Tại Quyết định 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính Phủ về việc Phê duyệt quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021 – 2030 tầm nhìn đến năm 2050 đã nêu rõ:

*** Ngành công nghiệp:**

Phát triển công nghiệp theo hướng bền vững, đưa Bắc Giang trở thành một trong những trung tâm phát triển công nghiệp của vùng; duy trì tốc độ tăng trưởng cao, tiếp tục là động lực chính cho tăng trưởng kinh tế.

*** Vùng trọng điểm kinh tế trọng điểm:**

Phát triển vùng trọng điểm kinh tế với động lực phát triển chính là công nghiệp, dịch vụ, đô thị, có sức lan tỏa mạnh, lôi kéo phát triển các vùng khác. Hướng đến thành trung tâm công nghiệp, dịch vụ, đô thị có quy mô vùng, liên kết không gian công nghiệp, dịch vụ, đô thị hóa với các tỉnh, thành phố, khu vực xung quanh và để khai thác hiệu quả các nguồn lực bên ngoài.

Trung tâm lan tỏa phát triển của vùng trọng điểm kinh tế là thành phố Bắc Giang và khu vực tập trung công nghiệp, đô thị hóa thuộc các huyện Việt Yên, Hiệp Hòa, Tân Yên, Yên Dũng, Lạng Giang và Lục Nam.

=> Tầm nhìn phát triển đến năm 2050:

Đến năm 2050, Bắc Giang là tỉnh công nghiệp hiện đại, phát triển toàn diện, bền vững. Phát triển công nghiệp xanh, công nghiệp sinh thái, tổ chức sản xuất với các khu, cụm công nghiệp tập trung, chuyên nghiệp; dịch vụ phát triển đa dạng, hiện đại, tỷ trọng ngày càng cao trong cơ cấu kinh tế; nông nghiệp sạch, chất lượng, hiệu quả. Tổ chức không gian phát triển khoa học; hệ thống đô thị hiện đại, thông minh; khu vực nông thôn phát triển hài hòa; hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, con người Bắc Giang. Giáo dục và đào tạo phát triển; chăm sóc sức khỏe nhân dân và an sinh xã hội không ngừng được cải thiện; tạo dựng cho

người dân có cuộc sống tốt, mức sống cao. An ninh chính trị, quốc phòng và trật tự an toàn xã hội được bảo đảm.

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

Trong quá trình hoạt động của dự án phát sinh chủ yếu là nước thải sinh hoạt và nước mưa chảy tràn. Nước thải sinh hoạt sẽ được thu gom dẫn về trạm XLNT tập trung có công suất 200 m³/ngày.đêm để xử lý đảm bảo đạt tiêu chuẩn theo QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B trước khi xả thải ra môi trường. Nguồn tiếp nhận nước thải của dự án là rãnh xây phía Đông Bắc dự án thuộc hệ thống mương thoát nước chung của cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, sau đó đổ ra sông Cầu Đồng cách vị trí xả thải khoảng 300m.

2.1. Đánh giá tác động của việc xả nước thải đến chế độ thủy văn của nguồn nước tiếp nhận

Lưu vực tiếp nhận nước thải của dự án là lưu vực sông Cầu Đồng, tại địa phận chảy qua khu vực Cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, thị trấn Kép, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Vị trí thoát nước thải của dự án cách sông Cầu Đồng khoảng 300m.

Sông Cầu Đồng là 1 phụ lưu của Sông Thương, có tổng chiều dài khoảng 50km. Vị trí thượng nguồn bắt đầu từ thôn Phú Lợi, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Điểm cuối kết thúc tại xã Quỳnh Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Nó nhận nước từ sông Thương đoạn chảy qua thôn Phú Lợi, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Sông Cầu Đồng chảy qua huyện Lạng Giang và huyện Yên Dũng. Chế độ thủy văn của các sông phụ lưu sông Thương được chia thành 2 mùa:

- Mùa lũ trùng với mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 10 và chiếm 70-80% tổng lưu lượng dòng chảy trong năm.

- Mùa kiệt từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, chỉ chiếm 20-30% tổng lưu lượng dòng chảy của năm.

Lưu lượng dòng chảy trung bình các tháng trong năm chênh lệch nhau tới 10 lần, mực nước cao và thấp nhất chênh nhau khá lớn, có thể tới 4–5 m.

Dòng chảy mùa lũ: Mùa lũ thường kéo dài khoảng 6 tháng từ tháng V đến tháng X, tổng lượng nước mùa lũ chuyển qua Bắc Giang đạt từ 25 - 28 tỷ m³, chiếm xấp xỉ 80% lượng nước cả năm, trong đó có lượng nước mặt chiếm 90% lượng nước này. Lượng nước phân bố giữa các tháng không đều nhau.

Dòng chảy mùa kiệt: Mùa kiệt trên các sông suối thường bắt đầu từ tháng 11 và kéo dài đến tháng 4 năm sau. Tổng lượng dòng chảy trong mùa kiệt chỉ chiếm từ 20 ÷ 30% tổng lượng dòng chảy năm do chế độ mưa phân bố trong năm không đều.

Theo đánh giá thực tế tại thời điểm khảo sát, lưu lượng nước sông Cầu Đồng tại vị trí lấy mẫu khoảng 8-10 m³/s, có thể thấy rằng việc xả thải với lưu lượng khoảng 135m³/ngày đêm (tương đương khoảng 0,0015 m³/s) hầu như không ảnh hưởng đến đến chế độ thủy văn và dòng chảy của sông Cầu Đồng cũng như lưu vực sông, ngòi xung quanh Dự án.

Nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của Dự án với lưu lượng lớn nhất là khoảng 135 m³/ngày.đêm tương đương 1,5 lít/s. Với nguồn tiếp nhận nước thải của Dự án là rãnh xây phía Đông Bắc dự án thuộc hệ thống mương thoát nước chung của cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, sau đó đổ ra sông Cầu Đồng cách vị trí xả thải khoảng 300m, thì lưu lượng xả của dự án là cực kỳ nhỏ và không làm ảnh hưởng đến chế độ của dòng chảy thủy văn trong khu vực.

2.2. Đánh giá tác động của việc xả nước thải đến chất lượng nguồn nước

Nguồn nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án là nước thải sinh hoạt. Chủ dự án đã lắp đặt 1 trạm XLNT công suất 200 m³/ngày.đêm. Nước thải phát sinh từ dự án được xử lý qua trạm XLNT đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

Căn cứ vào STT5, mục III, Phụ lục 1, Quyết định số 48 /2022/QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang, nguồn tiếp nhận nước thải của dự án là rãnh xây phía Đông Bắc dự án thuộc hệ thống mương thoát nước chung của cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, sau đó đổ ra sông Cầu Đồng cần đạt cột B₁, QCVN 08:2023/BTNMT, vì vậy nước thải phát sinh từ dự án được xử lý qua trạm XLNT đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B hoàn toàn phù hợp.

Do đó việc xả nước thải sau xử lý của dự án vào nguồn nước không gây tác động lớn đến môi trường xung quanh và khả năng tự làm sạch cũng như chất lượng của nguồn nước tiếp nhận.

2.3. Đánh giá tác động của việc xả nước thải đến hệ sinh thái thủy sinh

Hệ sinh thái thủy sinh khu vực dự án thuộc hệ sinh thái vùng trung du với đặc trưng bởi các mương tiêu thoát nước. Mương có mực nước thay đổi theo mùa và không

ổn định lên hệ sinh thái dưới nước ở đây thuộc loại nghèo với đặc trưng chủ yếu là các loài cá nhỏ, bò sát lưỡng cư.

*** Tác động của hoạt động xả thải đến hệ sinh thái thủy sinh:**

Khi so sánh nếu không có trạm XLNT và có trạm XLNT với hiệu quả xử lý như hiện tại của Dự án thì việc xử lý nước thải đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B) được phép xả vào nguồn nước bảo tồn động vật thủy sinh, thì ảnh hưởng của hoạt động xả thải đến hệ sinh thái chỉ ở mức độ nhỏ, trong phạm vi chịu tải của nguồn tiếp nhận.

Tuy nhiên, trường hợp sự cố nước thải xử lý không đạt quy chuẩn trước khi xả vào nguồn nước sẽ gây ảnh hưởng xấu đến đời sống động thực vật thủy sinh tại đây.

Đặc biệt, khi nước thải có hàm lượng TSS cao, sẽ tác động làm tăng độ đục cho mương, ảnh hưởng đến khả năng trao đổi ôxy, khả năng truyền sáng trong nước và tác động đến hệ sinh thái thủy sinh trong mương.

Với hoạt động xả thải với lưu lượng 135 m³/ngày.đêm thì hệ sinh thái thủy sinh tại nguồn nước còn giúp duy trì dòng chảy tối thiểu. Do đó việc xả nước thải đã qua xử lý đạt quy chuẩn cho phép từ Dự án không gây tác động đến cây trồng xung quanh và hệ sinh thái thủy sinh.

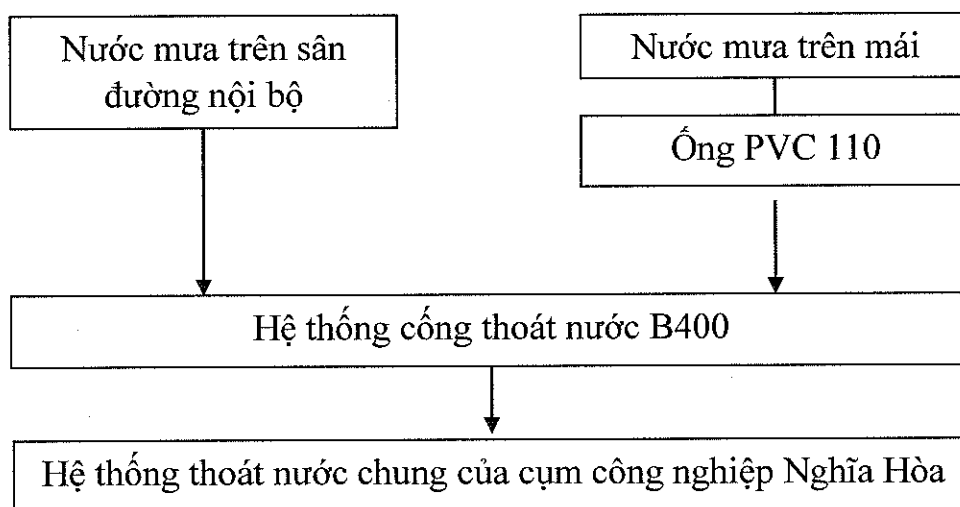
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Công trình, biện pháp thu gom, thoát nước mưa và thu gom, xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

- Hệ thống thoát nước mưa được nhà máy thiết kế riêng biệt với hệ thống thoát nước thải, hoạt động theo chế độ tự chảy. Trong suốt quá trình hoạt động đến nay việc tiêu thoát nước mưa chảy tràn vẫn luôn được đảm bảo: rãnh, cống tiêu thoát nước, thường xuyên nạo vét, khơi thông tránh tình trạng nước tù đọng.

- Sơ đồ thu gom nước mưa:



Hình 3.1. Sơ đồ hệ thống thoát nước mưa

- Hệ thống thu gom, tiêu thoát nước mưa được bố trí trên toàn bộ bề mặt của nhà máy, các đường cống thoát nước chạy xung quanh các khu nhà xưởng, khu nhà văn phòng, sân bê tông, ...

- Nước mưa được thu gom bao gồm nước mưa trên mái nhà xưởng, nước mưa chảy tràn trên bề mặt sân đường trong phạm vi nhà máy. Cách thức thu gom như sau:

- Đường dẫn nước mưa: Hệ thống thoát nước mưa của cơ sở được thiết kế theo TCVN 7957:2008 – Thoát nước – Mạng lưới công trình bên ngoài – Tiêu chuẩn thiết kế.

- Toàn bộ nước mưa trên mái nhà xưởng thu gom vào ống nước PVC 110 bố trí dọc hai bên nhà xưởng xuống và chảy vào hệ thống cống gạch, hố ga thu nước của nhà máy.

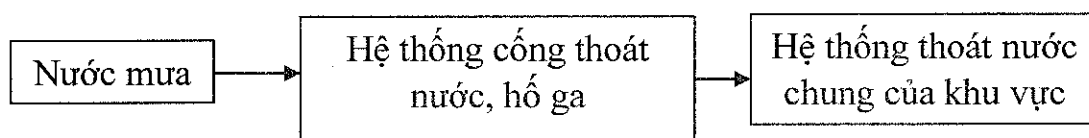
- Nước mưa chảy tràn trên bề mặt sân đường được thu vào các hố ga qua các cửa thu nước có song chắn rác hoặc các lỗ tròn trên nắp cống và chảy theo cống thoát nước mặt của nhà máy.

- Cống thoát nước mưa với độ dốc của cống thoát nước 0,2%. Hệ thống thu, thoát nước mặt có các hố ga kích thước: Dài 1m, rộng 1m, sâu 1m cách nhau tối thiểu 30m để lắng đọng nước. Tổng chiều dài các tuyến thu gom nước mưa khoảng 1000m.

- Điểm xả: 01 vị trí xả nước mưa từ hệ thống thu gom, thoát nước mưa của cơ sở vào rãnh xây phía Đông Bắc dự án thuộc hệ thống thoát nước chung của Cụm công nghiệp Nghĩa Hòa.

- Hình thức xả thải: Tự chảy.

- Hệ thống thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn được mô tả bằng sơ đồ sau:



Hình 3.2. Sơ đồ thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn

Nước mưa chảy tràn bề mặt và nước mưa trên mái được qua hệ thống cống thoát nước mưa và hố ga của cơ sở chảy vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

Định kỳ (3 tháng/lần) chủ cơ sở sẽ đi kiểm tra, nạo vét hệ thống dẫn nước mưa, kiểm tra phát hiện hỏng hóc để sửa chữa kịp thời. Đảm bảo duy trì các tuyến hành lang an toàn cho hệ thống thoát nước mưa. Không để các loại rác thải, chất thải lỏng độc hại xâm nhập vào đường thoát nước. Cặn lắng sau mỗi trận mưa lớn sẽ được nạo vét đi đổ thải theo đúng quy định.

1.2. Hệ thống thu gom, xử lý nước thải

1.2.1. Công trình thu gom nước thải

*** Tải lượng nước thải sinh hoạt phát sinh:**

Đặc thù hoạt động sản xuất hàng may mặc không phát sinh nước thải sản xuất, Công ty chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà vệ sinh, nhà ăn ca phát sinh khoảng 135 m³/ngày (theo hóa đơn nước 3 tháng tháng 1,2,3 năm 2024).

- Hiện tại, công trình, hệ thống thu gom nước thải của cơ sở như sau:

+ Nước thải từ 07 nhà vệ sinh của công nhân được thu gom bằng đường ống uPVC D110 đưa về các bể tự hoại 3 ngăn được xây ngầm ngay tại dưới các nhà vệ sinh công nhân để xử lý sơ bộ.

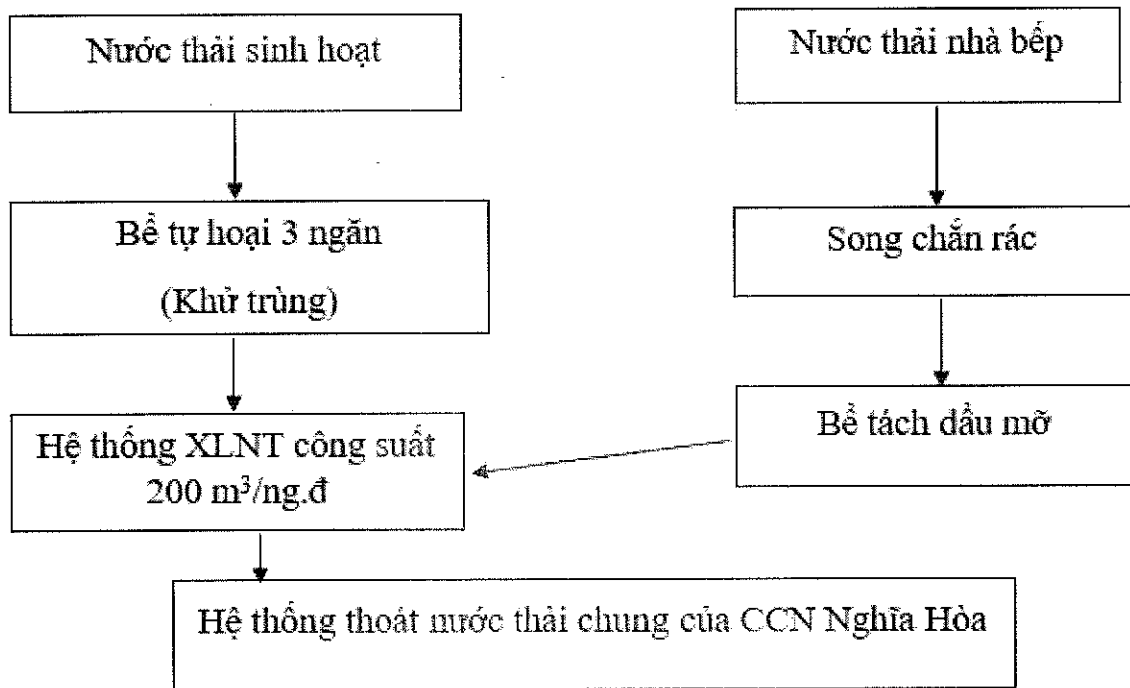
GPMT dự án: “Xây dựng nhà máy sản xuất ngành may mặc BGG”

+ Nước thải từ 04 nhà vệ sinh của khu vực văn phòng, nhà bảo vệ được thu gom bằng đường ống uPVC D90 đưa về bể tự hoại 3 ngăn được xây ngầm ngay tại khu nhà vệ sinh của khu vực văn phòng và nhà bảo vệ để xử lý sơ bộ.

=> Toàn bộ nước thải nhà vệ sinh sau khi được xử lý sơ bộ qua các bể tự hoại 3 ngăn sẽ theo đường ống uPVC D200 có tổng chiều dài khoảng 310m dẫn về trạm XLNT công suất 200 m³/ng.đêm để tiếp tục xử lý để đạt cột B, QCVN 14:2008.

+ Nước thải từ nhà ăn ca được theo đường ống uPVC D90 chiều dài khoảng 10 m đưa vào bể tách dầu mỡ thể tích 24m³ (dài x rộng x cao = 4m x 3m x 2m) xây ngầm gần khu vực nhà ăn ca. Sau đó theo đường ống uPVC D110 dài khoảng 30m đấu nối vào đường ống thoát nước thải dẫn về trạm XLNT công suất 200 m³/ng.đêm để tiếp tục xử lý để đạt cột B, QCVN 14:2008.

Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt hiện tại của cơ sở như sau:



Hình 3.3. Sơ đồ quy trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở

1.2.2. Công trình thoát nước thải

*** Nước thải nhà bếp:**

- Nước thải phát sinh từ hoạt động nấu ăn của cơ sở tại nhà ăn ca được lọc sơ bộ qua song chắn rác để loại bỏ cặn bã, thức ăn dư thừa. Sau đó được đưa về xử lý qua bể tách dầu mỡ được xây ngầm, dung tích 24m³ rồi theo đường ống uPVC D110 dài khoảng 30m đấu nối vào đường ống thoát nước thải dẫn về trạm XLNT để xử lý chung với nước thải sinh hoạt đạt QCVN 14:2008, cột B.

*** Nước thải nhà vệ sinh:**

- Nước thải sinh hoạt của cơ sở tại 11 nhà vệ sinh được thu gom bằng đường ống uPVC D90 và uPVC D110 để đưa về các bể tự hoại 03 ngăn (*đáy, tấm đan đổ BTCT M200#, đá 1x2cm, tường xây gạch BTXM KT 220x105x60mm, vỉa XM M75#, trát tường vỉa XM M75# dày 20mm*) để xử lý sơ bộ.

- Toàn bộ nước thải sau khi được xử lý sơ bộ qua các bể tự hoại 3 ngăn sẽ theo đường ống uPVC D200 có tổng chiều dài khoảng 310m dẫn về trạm XLNT công suất 200 m³/ng.đêm để tiếp tục xử lý để đạt QCVN 14:2008, cột B.

*** Nước thải sau xử lý:**

- Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý qua trạm XLNT công suất 200 m³/ng.đêm đạt QCVN 14:2008, cột B theo đường ống uPVC D200 dài 85m thoát ra rãnh xây phía Đông Bắc dự án thuộc hệ thống thoát nước chung của Cụm công nghiệp Nghĩa Hòa.

1.2.3. Điểm xả nước thải sau xử lý:

- Điểm xả nước thải: 01 điểm xả thải có kết cấu ống tròn, kích thước D200 tại vị trí gần nhà cơ điện ở phía Đông Bắc dự án, cách trạm XLNT khoảng 85m. Tọa độ vị trí điểm xả nước thải (*theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107°, múi chiếu 3⁰*): X=2350629; Y=489062.

Chế độ xả thải: Liên tục.

Phương thức xả thải: Tự chảy.

Nguồn tiếp nhận nước thải là rãnh xây phía Đông Bắc dự án thuộc hệ thống thoát nước chung của Cụm công nghiệp Nghĩa Hòa.

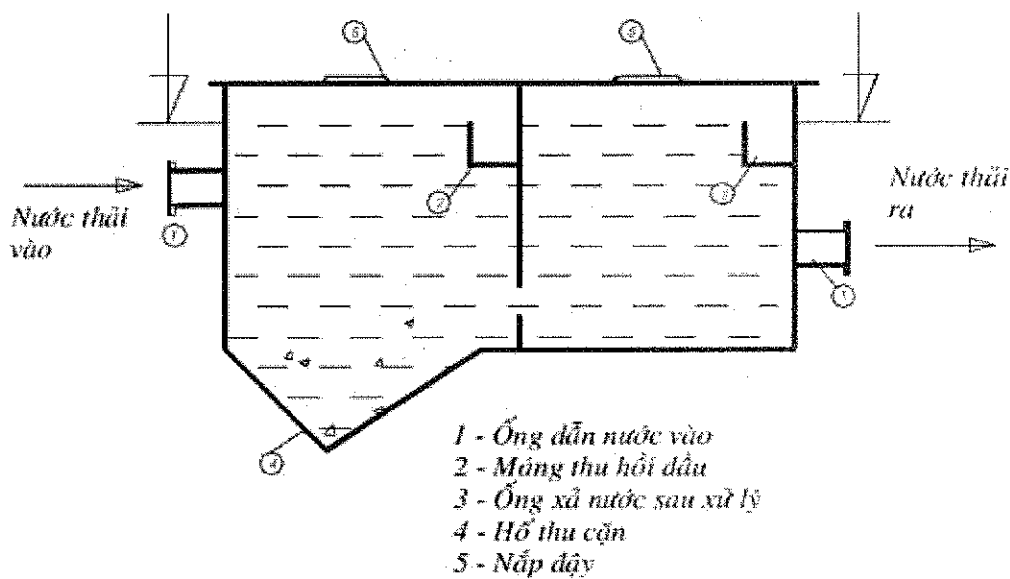
Vị trí xả nước thải đảm bảo quy định có bố trí biển báo ghi rõ Điểm xả nước thải của Công ty cổ phần may BGG Lạng Giang, vị trí điểm xả thải thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát.

1.3. Công trình xử lý nước thải

*** Xử lý nước thải nhà bếp:**

- Nước thải phát sinh từ hoạt động nấu ăn của cơ sở được lọc sơ bộ qua song chắn rác để loại bỏ cặn bã, thức ăn dư thừa. Sau đó toàn bộ được đưa về và xử lý qua hệ thống bể tách dầu mỡ thể tích 24 m³ để loại bỏ hoàn toàn cặn bã và dầu mỡ sau đó được dẫn ra hệ thống thoát nước thải thoát ra nguồn tiếp nhận.

Hình 3.4. Bể tách dầu mỡ



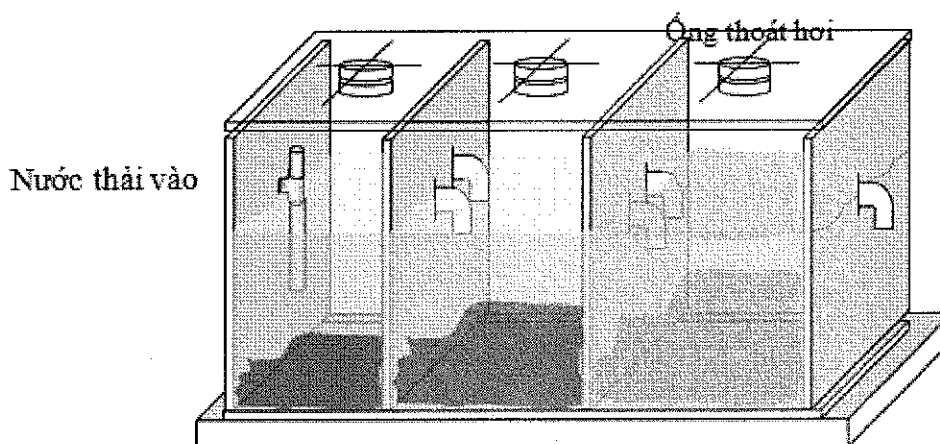
- Nguyên lý hoạt động: bể tách dầu mỡ gồm 2 ngăn là ngăn lọc rác, lọc mỡ và ngăn nước sạch. Nước thải qua sọt rác, giữ lại các cặn bẩn và tạp chất lớn như rau củ thừa,... Tại đây thời gian lưu cho phép đủ để dầu mỡ nổi lên, lớp mỡ tích tụ dần tạo một màng váng trên bề mặt nước, định kỳ xả van để lấy mỡ ra. Lượng dầu mỡ tách ra sẽ được thu gom vào kho chứa chất thải sinh hoạt của cơ sở, bản chất nước thải nhà bếp không chứa thành phần nguy hại. Còn phần nước được tách ra sẽ thoát ra hệ thống thu gom nước thải của dự án. Váng dầu, mỡ nổi được vớt định kỳ 1 tháng/lần và cặn lắng định kỳ được nạo vét (6 tháng/lần).

- Hóa chất sử dụng cho bể tách dầu mỡ là vi sinh Microbe –Life DGTT: 5 lít/tháng.

*** Xử lý nước thải sinh hoạt:**

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ 11 nhà vệ sinh của cơ sở được xử lý sơ bộ qua các bể tự hoại kết cấu 03 ngăn (xây ngầm; kết cấu bê tông cốt thép). Toàn bộ nước thải sau khi được xử lý sơ bộ qua các bể 3 ngăn sẽ theo đường ống uPVC D200 dẫn về trạm XLNT công suất 200 m³/ng.đêm. Nước thải sinh hoạt được xử lý qua trạm XLNT công suất 200 m³/ng.đêm đạt QCVN 14:2008, cột B sau đó theo đường ống uPVC D200 thoát ra rãnh xây phía Đông Bắc dự án thuộc hệ thống thoát nước chung của Cụm công nghiệp Nghĩa Hòa.

*** Cấu tạo, nguyên lý hoạt động của bể tự hoại 3 ngăn:**



Hình 3.5 Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn

- Thuyết minh quy trình công nghệ bể tự hoại 3 ngăn:

+ Nguyên tắc hoạt động của loại công trình này lắng cặn và phân hủy, lên men cặn lắng hữu cơ. Phần cặn được lưu lại phân hủy kỵ khí trong bể, phần nước được thoát vào hệ thống thoát nước thải chung. Phần cặn thải chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng hút bể phốt theo định kỳ hàng năm.

+ Toàn bộ nước thải nhà vệ sinh của dự án được dẫn theo đường ống thoát đến hệ thống xử lý. Nước thải cặn bã sẽ được xử lý sinh học yếm khí tại ngăn lên men, cặn có trong nước thải được lên men sẽ lắng đọng xuống đáy bể và nước sẽ được tách chảy sang ngăn lọc, tại đây xảy ra quá trình ngưng đọng lại những chất vẫn còn theo nước ra tích tụ lại thành bùn và nước thải sẽ được thải ra ngoài theo hệ thống cống thoát nước chung. Đường ống được bố trí theo nguyên lý chảy tràn chênh lệch mực nước từ trên xuống dưới.

+ Khi cặn bã tại ngăn lên men đầy cần tiến hành hút bỏ để tránh cặn bã dồn ứ sang bể lắng gây ra tắc cống nước. Định kỳ 6 tháng/lần bổ sung chế phẩm vi sinh Microphot vào bể tự hoại để nâng cao hiệu quả phân hủy làm sạch nhanh của công trình. Nước thải sau khi được xử lý sơ bộ qua bể 3 ngăn sẽ được đầu nối với trạm xử lý nước thải tập chung công suất 200 m³/ng.đ đảm bảo nước thải sau xử lý đạt Cột B, QCVN 14:2008/BTNMT trước khi thoát ra ngoài môi trường.

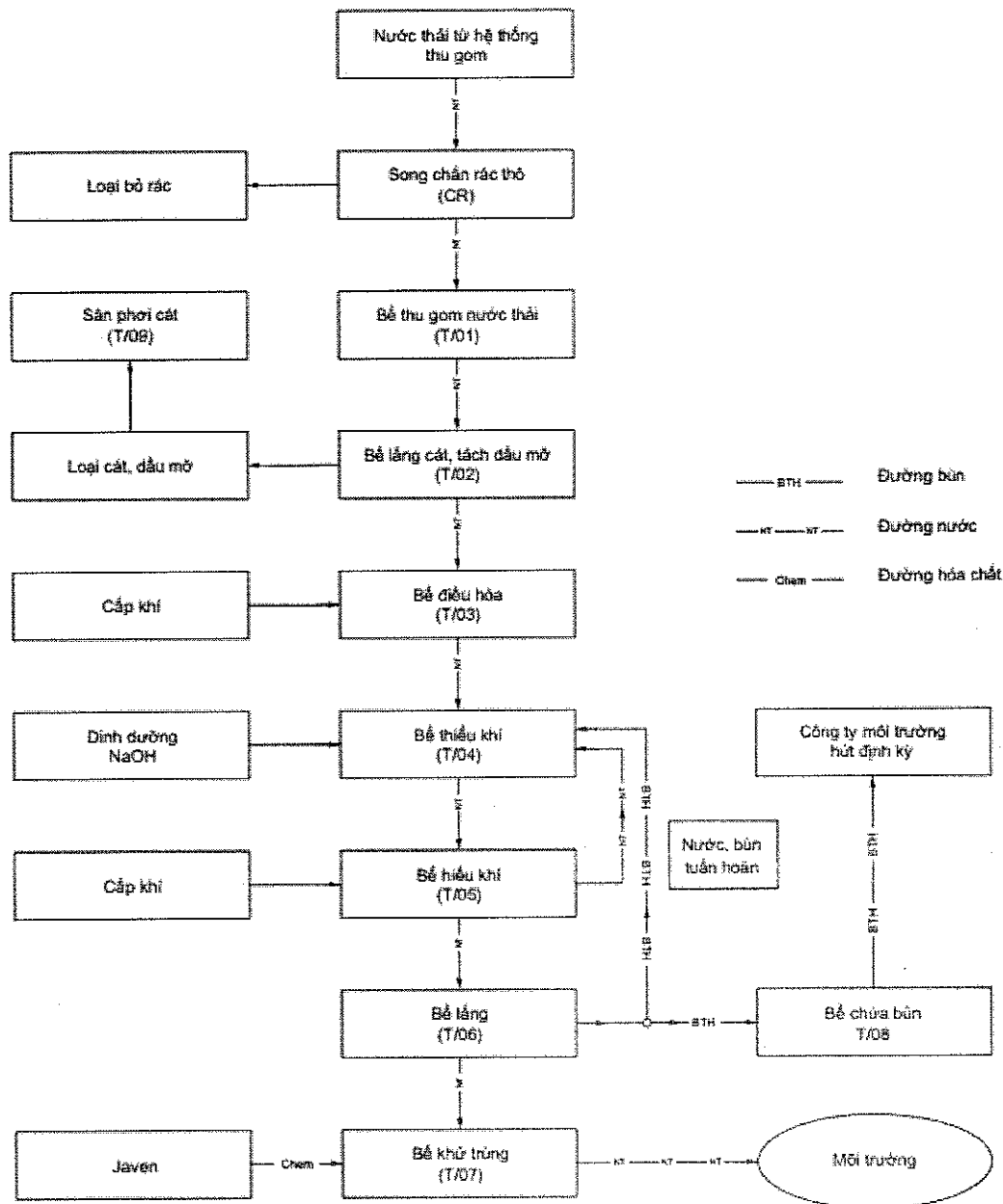
*** Trạm XLNT công suất 200 m³/ng.đêm: Công nghệ AO-MBBR**

Để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải ổn định, nước thải được xử lý đạt Quy chuẩn Việt Nam cho phép QCVN 14:2008/BTNMT cột B, Công ty cổ phần may BGG Lạng Giang đã đầu tư xây dựng 01 trạm XLNT công suất 200 m³/ngày.đêm để xử lý toàn bộ nước thải phát sinh tại cơ sở.

GPMT dự án: “Xây dựng nhà máy sản xuất ngành may mặc BGG”

- Tóm tắt quy trình công nghệ trạm xử lý nước thải công suất 200m³/ngày. đêm: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ → Bể gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí MBBR → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → nguồn tiếp nhận. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B trước khi xả thải ra môi trường.

- Công nghệ xử lý nước thải: Công nghệ xử lý sinh học-MBBR
- Công suất thiết kế: Trạm xử lý nước thải công suất 200m³/ngày đêm.



Hình 3.6. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải AO-MBBR

Thuyết minh quy trình công nghệ:

* **Bể thu gom tập trung:** có nhiệm vụ tập trung các nguồn nước thải ổn định lưu lượng và được dùng bơm về bể điều hòa

* **Bể điều hòa:** Bể điều hòa có nhiệm vụ điều hòa lưu lượng và nồng độ, khắc phục các vấn đề sinh ra do sự dao động của lưu lượng, để cải thiện hiệu quả hoạt động của các quá trình tiếp theo.

Bể điều hòa được cung cấp khí từ các đĩa phân phối khí tinh và máy thổi khí (AP01/02) để hòa tan và cân bằng nồng độ và lưu lượng nước thải

* **Bể thiếu khí Anoxic:** Xử lý tổng nitơ và photpho có trong nước dưới điều kiện thiếu khí (dưới sự vắng mặt của oxy).

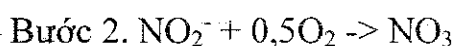
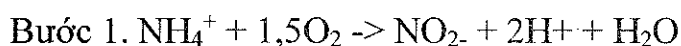
Tại đây lắp 1 hệ thống đo và kiểm soát PH 2 mức để luôn đảm bảo nồng độ PH luôn ở trong khoảng cho phép để tối ưu khả năng xử lý nước thải của vi sinh vật.

Quá trình chuyển hóa như sau:

Nitrat hóa

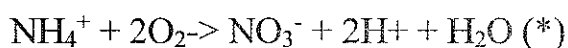
Nitrat hoá là một quá trình tự dưỡng năng lượng cho sự phát triển của vi khuẩn được lấy từ các hợp chất ôxy hoá của Nitơ, chủ yếu là Amôni. Ngược với các vi sinh vật dị dưỡng các vi khuẩn nitrat hoá sử dụng CO₂ (dạng vô cơ) hơn là các nguồn các bạn hữu cơ để tổng hợp sinh khối mới. Sinh khối của các vi khuẩn nitrat hoá tạo thành trên một đơn vị của quá trình trao đổi chất nhỏ hơn nhiều lần so với sinh khối tạo thành của quá trình dị dưỡng.

Quá trình Nitrat hoá từ Nitơ Amôni được chia làm hai bước và có liên quan tới hai loại vi sinh vật, đó là vi khuẩn Nitrosomonas và Vi khuẩn Nitrobacter. Ở giai đoạn đầu tiên amôni được chuyển thành nitrit và ở bước thứ hai nitrit được chuyển thành nitrat:



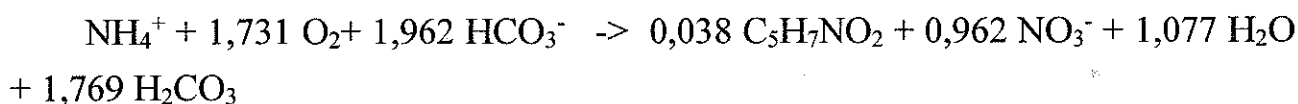
Quá trình Nitrat hóa

Các vi khuẩn Nitrosomonas và Vi khuẩn Nitrobacter sử dụng năng lượng lấy từ các phản ứng trên để tự duy trì hoạt động sống và tổng hợp sinh khối. Có thể tổng hợp quá trình bằng phương trình sau:



Cùng với quá trình thu năng lượng, một số ion Amoni được đồng hoá vận chuyển vào trong các mô tế bào. Quá trình tổng hợp sinh khối có thể biểu diễn bằng phương trình sau: $4\text{CO}_2 + \text{HCO}_3^- + \text{NH}_4^+ + \text{H}_2\text{O} \rightarrow \text{C}_5\text{H}_7\text{NO}_2 + 5\text{O}_2$

CH₇NO₂ tạo thành sinh khối. Toàn bộ quá trình ôxy hoá và phản ứng tổng hợp được thể hiện qua phản ứng sau:



Lượng oxy cần thiết để oxy hoá amôni thành nitrat cần 3.96 mg O₂/ 1mg NH₄⁺.

Khử nitrit và nitrat

Trong môi trường thiếu oxy các loại vi khuẩn khử nitrit và nitrat Denitrificans (dạng kị khí tùy tiện) sẽ tách oxy của nitrat (NO₃⁻) và nitrit (NO₂⁻) để oxy hoá chất hữu cơ. Nito phân tử N₂ tạo thành trong quá trình này sẽ thoát ra khỏi nước.

Khử nitrat:



Khử nitrit:



Như vậy để khử nito công trình xử lý nước thải cần :

- Điều kiện thiếu khí (thiếu oxy tự do);
- Có nitrat (NO₃⁻) hoặc nitrit (NO₂⁻);
- Có vi khuẩn kị khí tùy tiện khử nitrat;
- Có nguồn cacbon hữu cơ
- Nhiệt độ nước thải không thấp.

Khử photpho Vi khuẩn sử dụng photpho để tổng hợp thành tế bào. Khử photpho được thực hiện bằng cách lắng thành cặn để loại bỏ các tế bào chứa photpho trong quá trình sinh sản và hoạt động.

* **Bể sinh học MBBR:** Tại bể sinh học hiếu khí MBBR, các vi sinh vật có trong bùn hoạt tính được cung cấp oxy thông qua quá trình sục khí sẽ có nhiệm vụ xử lý các thành phần ô nhiễm còn lại có trong nước thải bằng cách dùng những chất ô nhiễm hữu cơ này làm thức ăn và thải ra chất thải ít nguy hại hơn chính là bùn sinh khối. Sau đó nước thải sẽ được đưa đến bể lắng sinh học. Giá thể sinh học di động được đưa vào bể để tăng diện tích bề mặt và khả năng dính bám của vi sinh vật để tăng mật độ vi sinh.

Giải thích chi tiết cơ chế chuyển hóa:

Cơ sở lý thuyết của quá trình xử lý sinh học hiếu khí là sử dụng các vi sinh vật hiếu khí phân hủy các chất hữu cơ trong nước thải bằng bùn hoạt tính có đầy đủ oxy hòa tan ở nhiệt độ, pH... thích hợp.

Bùn hoạt tính có thể được tạo thành từ nước thải có huyền phù cao như nước thải sinh hoạt cho đến nước thải có nhiều hóa chất tổng hợp như nước thải công nghiệp. Sự hình thành bùn hoạt tính sẽ xảy ra khi nước thải có đủ các chất dinh dưỡng cho vi

khuẩn. Đa số các loại nước thải đều có đủ dinh dưỡng để hình thành bùn hoạt tính, nếu không người ta có thể bổ sung chất dinh dưỡng (thường là đối với nước thải công nghiệp).

Khi bắt đầu thổi khí, tỉ số F/M (tỉ số thức ăn/ sinh khối) rất cao, như vậy vi sinh vật sẽ có dư thừa thức ăn và chúng sẽ tăng trưởng theo pha log. Khi vi khuẩn bắt đầu thì nguyên sinh động vật cũng sẽ bắt đầu tăng trưởng theo. Trong pha log, thì các chất hữu cơ trong nước thải sẽ được loại bỏ với tốc độ tối đa hay nói cách khác đi là các chất hữu cơ được chuyển hóa nhiều nhất thành sinh khối tế bào. Mức năng lượng trong hệ thống đủ lớn để giữ cho tất cả vi sinh vật lơ lửng trong hỗn dịch. Không thể có bông bùn hoạt tính được tạo thành với vi sinh vật đang tăng trưởng trong pha log.

Khi vi sinh vật tiêu thụ quá nhiều thức ăn để tạo sinh khối mới, tỉ số F/M giảm nhanh. Khi vi sinh vật bắt đầu tăng trưởng chậm lại, cả vi khuẩn và nguyên sinh động vật. Một số bắt đầu chết và bông bùn bắt đầu tạo thành. Khi vi khuẩn có đầy đủ năng lượng, chúng nhanh chóng phân chia hay nói cách khác là chúng tồn tại riêng rẽ để duy trì hoạt động trao đổi chất bình thường. Khi năng lượng trong hệ thống giảm dần, ngày càng có nhiều vi khuẩn không có đủ năng lượng để vượt qua lực hấp dẫn giữa chúng với nhau, chúng kết cum lại với nhau: 2, 3, 4... và cứ thế bông bùn nhỏ được tạo thành.

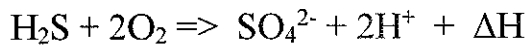
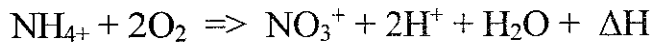
Tỷ số F/M tiếp tục giảm, vi sinh vật qua hết pha ổn định. Khi chúng bắt đầu vào pha trao đổi chất nội bào, tỉ số F/M sẽ duy trì không đổi trong pha này. Có thể nói, hệ thống rất ổn định trong pha trao đổi chất nội bào. Chỉ một lượng rất nhỏ chất dinh dưỡng được trao đổi chất và vi sinh vật cần một năng lượng rất ít để duy trì hoạt động sống. Dần dần vi khuẩn không còn đủ năng lượng để lấy thức ăn xung quanh nữa và chúng bắt đầu sử dụng các chất dinh dưỡng dự trữ trong tế bào, đặc biệt ở giai đoạn này, bông bùn hình thành rất nhanh.

Thông thường, khi pha trao đổi chất nội bào bắt đầu, các bông bùn nhỏ được tạo thành và chúng được tách ra khỏi nước thải (lắng). Một lượng bông bùn đậm đặc được cho vào bể xử lý sẽ làm cho tỷ số F/M trong bể giảm đi và vi khuẩn sẽ nhanh chóng tăng trưởng. Duy trì thổi khí liên tục để cho phép hệ chất nội bào ở mỗi chu kỳ.

Chủng loại vi sinh vật có trong bùn tảo, nguyên sinh động vật có trong bùn hoạt tính là: vi khuẩn, protozoa, rotifer, nấm ...

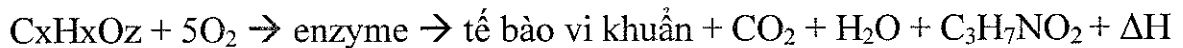
Quá trình phân hủy chất hữu cơ của vi sinh vật hiếu khí có thể mô tả bằng sơ đồ:
 $(\text{CHO})_n\text{NS} + \text{O}_2 + \text{CO}_2 + \text{H}_2\text{O} + \text{NH}_4 + \text{H}_2\text{S} + \text{tế bào VSV} + \dots + \Delta\text{H}$

Trong điều kiện hiếu khí NH₄ và H₂S cũng bị phân hủy nhờ quá trình nitrat hóa, sunfat hóa bởi vi sinh vật tự dưỡng:



Quá trình phân hủy các chất hữu cơ bằng vi sinh vật trong điều kiện có oxy để cho sản phẩm là CO₂, H₂O, NO₃⁻ và SO₄²⁻. Khi xử lý hiếu khí các chất bản phức tạp như protein, tinh bột, chất béo... sẽ bị thủy phân bởi các men ngoại bào cho các chất đơn giản là các axit amin, các axit béo, các axit hữu cơ, các đường đơn... Các chất đơn giản này sẽ thấm qua màng tế bào và bị phân hủy tiếp tục hoặc chuyển hóa thành các vật liệu xây dựng tế bào mới bởi quá trình hô hấp nội bào cho sản phẩm cuối cùng là: CO₂ và H₂O.

Tổng hợp tế bào mới (đồng hóa)



Phân hủy nội bào (dị hóa)



Trong bể MBBR, việc thổi khí tạo ra điều kiện tối ưu cho quá trình sinh hóa nên tốc độ và hiệu suất xử lý cao hơn so với điều kiện tự nhiên.

Trong suốt quá trình oxy hóa chất hữu cơ, lượng oxy luôn được duy trì ở mức DO = 2 - 3 mg/l. Nồng độ bùn hoạt tính trong bể nên được kiểm soát duy trì MLVSS = 2.500 - 3.500mg/l. Từ bể thổi khí nước thải được dẫn qua bể lắng sinh học.

Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình xử lý sinh học hiếu khí là: Nhiệt độ, pH, lượng oxy hòa tan, tỷ lệ chất dinh dưỡng, các độc tố...

Nhiệt độ của nước thải là một trong những thông số quan trọng vì trong quá trình sinh học nhiệt độ ảnh hưởng đến đời sống của thủy sinh vật, đến sự hòa tan của oxy trong nước. Nhiệt độ còn là một thông số công nghệ quan trọng liên quan đến quá trình lắng của hạt cặn. Nhiệt độ còn ảnh hưởng đến độ nhớt của chất lỏng. Do đó, liên quan đến lực cản của quá trình lắng.

Oxy hòa tan (DO) là một trong những chỉ tiêu quan trọng trong quá trình xử lý sinh học hiếu khí. Lượng oxy hòa tan trong nước thải ban đầu dẫn vào trạm XLNT thường bằng không hoặc rất nhỏ. Trong khi đó, đối với các công trình xử lý sinh học hiếu khí thì lượng oxy hóa hòa tan không nhỏ hơn 2 mg/l.

* **Bể lắng sinh học:** Có nhiệm vụ tách các bông bùn sinh học có trong nước thải làm trong nước thải hơn. Dưới tác dụng của lắng trọng lực và thời gian lắng lớn. Các

GPMT dự án: “Xây dựng nhà máy sản xuất ngành may mặc BGG”

cặn cũng như bùn sinh học sẽ lắng xuống đáy bể, sẽ được bơm tuần hoàn bùn về bể Anoxic và về bể chứa bùn. Nước sau lắng chảy qua bể khử trùng.

* **Bể khử trùng:** Tại đây, hóa chất khử trùng clorin sẽ được châm vào bể để loại bỏ các vi sinh vật, vi khuẩn gây bệnh tồn tại trong nước thải và, đảm bảo nước thải đạt QCVN 14:2008/BTNMT, Cột B .

Bể chứa bùn: Bùn thải từ bể sinh học sẽ được chứa trong bể chứa bùn. Bể chứa bùn có tác dụng lưu trữ bùn và giảm thể tích bùn, một phần bùn hoạt tính được bơm hồi lưu trở lại bể Anoxic để đảm bảo nồng độ xử lý, còn phần bùn thừa được thải bỏ theo định kỳ.

Bảng 3.1. Danh mục vật tư phục vụ hoạt động trạm XLNT

STT	Tên thiết bị	Thông số	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ
1	Song chắn rác	- Kích thước khe: 10mm - Vật liệu: Inox 304	Cái	1	Việt Nam
2	Bơm nước thải bể điều hòa	Loại: Bơm chìm nước thải - Công suất 0,25kw/1pha/220V/50Hz	Cái	2	Đài Loan
3	Phao báo mức	- Cảm biến mức nước	Cái	2	Italia
4	Rọ chắn rác bơm	- Chất liệu: SUS 304 - Kích thước: 10mm	Cái	2	Việt Nam
5	Hệ thống sục khí thô	- Chất liệu: PVC	Hệ	1	Việt Nam
6	Máy thổi khí	- Công suất 0,2kw	Cái	2	Nhật Bản
7	Đĩa thổi khí	- Kích thước: 270mm - Vật liệu: EPDM - Kết nối ren ngoài PVC 27	Hệ	2	Việt Nsm
8	Bơm nước thải bể SBR	- Loại: Bơm chìm nước thải - Công suất: 0,25kw/1pha/220V/50Hz	Cái	2	Đài Loan
9	Bơm tuần hoàn bùn	- Loại bơm: Airlift - Chất liệu: PVC - Thiết kế theo bản vẽ	Hệ	1	Việt Nam

GPMT dự án: “Xây dựng nhà máy sản xuất ngành may mặc BGG”

STT	Tên thiết bị	Thông số	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ
10	Van điện từ	- Van điện từ đóng mở lượng khí	Cái	1	Trung Quốc
11	Bộ khử trùng Clo	- Bộ khử trùng + hóa chất khử trùng clo 5kg. - Vật liệu uPVC.	Gói	1	Việt Nam
12	Tủ điều khiển	- 220V/50Hz	Cái	1	Việt Nam

(Đơn vị tư vấn thiết kế trạm XLNT cung cấp)

Nguyên liệu, hóa chất phục vụ xử lý nước thải: Clo khô: 50 kg/tháng, methanol 75kg/tháng.

*** Quy trình vận hành trạm XLNT:**

- Sau khi tiến hành các bước kiểm tra và chuẩn bị hóa chất, tiến hành cho hệ thống đi vào hoạt động theo các quy trình sau:

Bước 1: Mở cửa tủ điều khiển (TĐK) trung tâm, kéo các công tắc trên các aptomat CB con để chuyển tất cả aptomat CB con sang vị trí ON (nếu trước đó chưa bật). Điều này cho phép điện đã sẵn sàng ở các tiếp điện vào cửa tất cả các khởi động từ.

Bước 2: Đóng cửa tủ điều khiển

Bước 3: Sau khi đã chuẩn bị xong TĐK, chuyển sang bước 4 bắt đầu tiến hành cho hệ thống đi vào hoạt động. Trường hợp có sự cố, dừng và kiểm tra, tìm nguyên nhân và khắc phục, sau khi giải quyết xong thì chuyển sang bước 4.

- Vận hành ở chế độ tự động:

Bước 4: Bật công tắc của các thiết bị tại vị trí “AUTO”. Lúc này các thiết bị sẽ được điều khiển hệ thống tự động SCADA, các thiết bị sẽ hoạt động theo chương trình cài đặt như đã nêu tại bảng trên.

- Vận hành ở chế độ không tự động:

Chế độ vận hành không tự động chỉ sử dụng trong trường hợp thử máy. Khi đó chỉ cần bật máy sáng chế độ vận hành bằng tay MAN. Lưu ý trong khi vận hành các máy bơm ở chế độ không tự động, cần theo dõi mực nước, không để bị cạn, có thể cháy bơm.

2. Công trình xử lý bụi, khí thải

Hiện tại, Công ty đang sử dụng 121 lò hơi chạy bằng điện công suất sinh hơi 25 kg/h và đã dừng hoạt động của lò hơi đốt than công suất 3.000 kg hơi/h, đồng thời không vận hành hệ thống xử lý khí thải lò hơi đốt than.

Nguyên lý hoạt động của lò hơi điện: Nước cấp cho bồn chứa của lò hơi điện phải đảm bảo yêu cầu về chất lượng, được bơm hút về và đẩy vào lò hơi. Bộ phận cung cấp nhiệt được gia nhiệt bằng điện năng và nguồn nhiệt đạt được đến khoảng 160° – 220°C. Với mô hình thiết bị như trên, khói lò sau khi đi qua 3 pass và ra khỏi lò nhiệt độ hạ xuống còn 90° – 130° C. Hơi được cung cấp cho các thiết bị trao đổi nhiệt và sau khi ra khỏi các thiết bị này sẽ bị ngưng tụ thành lỏng và quay trở lại bồn chứa nước cấp cho lò hơi điện.

Ưu điểm: Loại lò hơi điện chất lượng này hoàn toàn không có khói bụi, thân thiện với môi trường và vận hành hoàn toàn tự động. An toàn, tự động ngắt khi có trục trặc.

Lò hơi đốt điện có ưu điểm không sử dụng nhiên liệu đốt do vậy không phát sinh bụi, khí thải từ đốt cháy nhiên liệu, do vậy không phải đầu tư hệ thống xử lý khí thải lò hơi. Quá trình sử dụng lò hơi cho công đoạn là hơi sản phẩm phát sinh nhiệt dư thừa. Công ty đã thực hiện các biện pháp xử lý nhiệt dư, bảo vệ môi trường lao động như sau:

- Nhà xưởng được thông thoáng tự nhiên, lắp đặt các hệ thống làm mát cục bộ như quạt gió, quạt làm mát.

- Khu vực là hơi được bố trí tăng cường quạt hơi nước và quạt làm mát. Công nhân làm việc tại công đoạn này được điều chuyển luân phiên để giảm tác hại của nhiệt đến sức khỏe người lao động.

- Kiểm định an toàn theo quy định về an toàn khi sử dụng nồi hơi, thực hiện các biện pháp theo khuyến nghị của cơ quan về an toàn lao động.

*** Biện pháp xử lý bụi, khí thải khác:**

- Để hạn chế bụi, khí thải từ phương tiện giao thông và quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm. Cơ sở đã và đang thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường sau:

+ Bố trí bãi đậu xe và nhận viên hướng dẫn xe ra vào hợp lý, tránh ùn tắc gây ô nhiễm môi trường;

+ Có chế độ điều tiết xe vận tải chở nguyên liệu, sản phẩm đi tiêu thụ hợp lý để tránh hiện tượng tắc nghẽn giao thông tại tuyến đường ra vào cơ sở.

GPMT dự án: “Xây dựng nhà máy sản xuất ngành may mặc BGG”

+ Tất cả các phương tiện vận tải tham gia vận chuyển phải được kiểm tra định kỳ đạt tiêu chuẩn của cơ quan đăng kiểm có thẩm quyền về mức độ an toàn môi trường mới được phép hoạt động.

+ Trồng cây xanh ở khu vực khuôn viên, đất trống để giảm thiểu tác động của bụi và khí thải.

- Để hạn chế ô nhiễm khí thải từ các phương tiện vận chuyển và quá trình sản xuất, cơ sở đã vào đang tập trung thực hiện các biện pháp sau:

+ Không cho xe nổ máy trong khi đang giao nhận hàng.

+ Xe chở đúng trọng tải hàng quy định, sử dụng đúng nhiên liệu với thiết kế của động cơ và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về lưu thông.

+ Trang bị khẩu trang, găng tay, kính mắt... cho những người làm việc tại các khu vực có khả năng phát sinh ô nhiễm không khí.

+ Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyển đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt.

+ Các phương tiện phải đảm bảo đủ các điều kiện lưu hành, trong thời hạn cho phép theo đúng quy định của Bộ Giao thông vận tải.

- Để hạn chế bụi từ quá trình sản xuất, công ty đang thực hiện các biện pháp sau:

+ Trong các xưởng sản xuất (khu vực cắt, may... phát sinh nhiều bụi vải, ...) bố trí hệ thống quạt thổi hút bụi tự động, quạt thông gió có tác dụng hút các khí, bụi vải phát sinh từ các công đoạn sản xuất nhằm đảm bảo môi trường làm việc cho công nhân.

+ Các hệ thống hút bụi lắp trên tường có lưới chắn bụi nhằm thu gom bụi vải, bụi bông trước khi thải ra môi trường. Định kỳ vệ sinh thu gom bụi từ lưới chắn bụi tăng hiệu quả hoạt động hút bụi.

+ Công ty đã đầu tư các thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc trực tiếp trong khu vực này như: Khẩu trang, quần áo bảo hộ... để hạn chế các tác động của bụi đến sức khỏe người lao động.

+ Định kỳ khám sức khỏe công nhân trực tiếp làm việc tại các xưởng sản xuất.

- Để hạn chế khí thải, mùi khu vực nhà ăn, công ty đã và đang thực hiện các biện pháp sau:

+ Khí thải khu vực nhà ăn: Tuy mức độ tác động của khí thải dạng này là không đáng kể, chủ cơ sở sẽ kiểm soát và giảm thiểu tác động bằng cách bố trí các cửa sổ thông gió tự nhiên. Tại khu vực bếp nấu, bố trí chụp hút, khí thải phát sinh từ quá trình đun nấu sẽ được thu gom qua chụp hút và dẫn ra ngoài hệ thống ống khói.

+ Rác thải sinh hoạt sẽ được thu gom vào các thùng đựng rác, hàng ngày được đơn vị có chức năng, thu gom vận chuyển đi xử lý do đó hạn chế lượng mùi phát sinh trong quá trình phân hủy rác.

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.1. Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt.

Căn cứ theo thực tế hoạt động, khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh của cơ sở khoảng 1.350 kg/ngày, tương đương với 40,5 tấn/tháng. Thành phần rác thải sinh hoạt gồm có: thực phẩm thừa, túi nilong, túi giấy, đồ sành sứ (bát đĩa vỡ hỏng), chai lọ thủy tinh, nhựa...

Đội ngũ lao động của công ty làm nhiệm vụ lau dọn sàn khu văn phòng làm việc, kho chứa nguyên liệu, sản phẩm, sân đường nội bộ và thu gom rác thải sinh hoạt phát sinh hàng ngày, cơ sở bố trí các thùng rác nhỏ tại từng khu chức năng. Các thùng chứa rác có dung tích 60-200 lít đặt tại nhà ăn, nhà văn phòng, nhà xưởng sản xuất, hành lang dọc tuyến đường nội bộ trong cơ sở với tổng số lượng 100 thùng.

Các loại chất thải rắn sinh hoạt này được đơn vị có chức năng đến thu gom theo đúng quy định. Hiện tại, chủ cơ sở đã hợp đồng với Hợp tác xã sản xuất kinh doanh, dịch vụ và nông nghiệp Nghĩa Hòa để thu gom, vận chuyển rác thải mang đi xử lý theo quy định với tần suất thu gom 3 lần/tuần.

3.2. Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải rắn công nghiệp

- Chất thải sản xuất phát sinh từ quá trình sản xuất của công ty chủ yếu là đầu vải thừa, mex, chỉ thừa, lõi cuộn chỉ, bìa cát tông, nilong...phát sinh khoảng 150 kg/ngày, tương đương 4,5 tấn/tháng.

- Chất thải được phân loại và xử lý như sau: Bố trí 01 kho chứa chất thải rắn sản xuất, kết cấu kho chứa: Khung kèo thép, tường gạch, mái tôn, nền bê tông xi măng.

+ Đối với phần chất thải là vải vụn, chỉ vụn, mex...phát sinh khoảng 100 kg/ngày được phân loại thu gom vào các thùng chứa dung tích 100 lít với tổng số 30 thùng đặt tại xưởng sản xuất, sau đó các loại vải vụn, chỉ, mex được cho vào các bao chứa đặt tại kho chứa chất thải rắn sản xuất diện tích khoảng 50m². Kho có kết cấu: Khung kèo thép, tường xây gạch, mái lợp tôn, có cửa ra vào, mặt sàn bằng bê tông.

+ Đối với bao bì cát tông, ni lông ...phát sinh khoảng 30 kg/ngày được phân loại thu gom vào các thùng chứa riêng biệt dung tích 100 lít với tổng số 15 thùng đặt tại các khu vực xưởng sản xuất, khi đầy thùng sẽ được vận chuyển về kho chứa chất thải rắn sản xuất diện tích khoảng 50 m² lưu chứa cùng với các bao chứa vải vụn, chỉ vụn,

GPMT dự án: “Xây dựng nhà máy sản xuất ngành may mặc BGG”

mex,... Kho có kết cấu: Khung kèo thép, tường xây gạch, mái lợp tôn, có cửa ra vào, mặt sàn bằng bê tông.

+ Đối với sản phẩm không đạt yêu cầu phát sinh khoảng 20 kg/ngày đưa về kho chứa nguyên liệu của công ty bán thanh lý ra thị trường.

- Bùn thải từ trạm XLNT sinh hoạt: Khoảng 20 kg/ngày. Chủ dự án thuê đơn vị có chức năng tới hút bùn, vệ sinh hệ thống xử lý với tần suất khoảng 6 tháng/lần.

- Bùn cặn bể tự hoại được Chủ cơ sở thuê đơn vị có chức năng dịch vụ thông hút bể phốt, hút mang đi xử lý an toàn, hợp vệ sinh với tần suất khoảng 6 tháng/lần.

Các loại chất thải này được đơn vị có chức năng đến thu gom theo đúng quy định. Hiện tại, chủ cơ sở đã hợp đồng với Công ty TNHH môi trường Việt Tiến (tại số P15, khu đô thị Phú Điền, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh) để thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại mang đi xử lý theo quy định với tần suất khoảng 03 tháng/lần hoặc khi kho chứa đầy.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại chất thải nguy hại theo mã CTNH quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Trong quá trình sản xuất cơ sở phát sinh các loại chất thải nguy hại như: Giẻ lau dính dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang thải, mực in thải, dầu mỡ bôi trơn thải...

Bảng 3.2. Danh mục CTNH phát sinh tại dự án

STT	Tên chất thải nguy hại	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Giẻ lau, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	24	18 02 01
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	28	16 01 06
3	Dầu động cơ và dầu bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	75	17 02 03
4	Sản phẩm vô cơ thải (máy móc thiết bị thải hỏng nhiễm dầu)	Rắn	50	19 03 01
5	Bao bì thải bị nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	20	18 01 01

GPMT dự án: “Xây dựng nhà máy sản xuất ngành may mặc BGG”

Tổng số lượng	197
----------------------	------------

Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại tại nguồn phát sinh với từng loại chất thải nguy hại, các loại chất thải sau khi phân loại thu gom vào các thùng chứa đặt trong kho chứa chất thải nguy hại, thùng có dán mã số chất thải nguy hại. Các thùng chứa được đặt trong kho chứa chất thải nguy hại có dán biển cảnh báo chất thải bên ngoài kho.

Bố trí 05 thùng chứa chất thải nguy hại có nắp đậy loại dung tích 200 lít đặt trong kho chứa chất thải nguy hại. Bố trí kho chứa chất thải nguy hại diện tích khoảng **15m²** được xây dựng cạnh kho chứa chất thải sản xuất. Kết cấu kho chứa: Khung kèo thép, tường xây gạch, mái lợp tôn, có cửa ra vào trên cửa có biển cảnh báo kho chứa CTNH. Mặt sàn trong khu lưu giữ kín khít, không rạn nứt, không bị thấm thấu.

Chủ cơ sở đã hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

Hiện tại, Công ty ký hợp đồng với Công ty TNHH môi trường Việt Tiến (tại số P15, khu đô thị Phú Điền, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh) để thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại mang đi xử lý theo quy định với tần suất 01 năm/lần.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu, tiếng ồn, độ rung.

5.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động vận hành máy móc: máy may, máy khâu...; từ hoạt động của phương tiện giao thông vận chuyển hàng hóa ra vào cơ sở.

5.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Trong quá trình sản xuất của cơ sở không sử dụng các thiết bị cũ lạc hậu gây tiếng ồn, độ rung cao nhằm giảm thiểu sự lan truyền của tiếng ồn, rung động.

- Công ty bố trí trồng cây xanh có tán rộng ở các vị trí trống trong khuôn viên cơ sở sẽ giảm thiểu tiếng ồn lan truyền ra môi trường xung quanh và tạo môi trường khí hậu trong lành, mát mẻ.

- Thường xuyên thực hiện chế độ bảo dưỡng máy móc thiết bị, lau dầu mỡ để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung khi vận hành.

- Kiểm tra bảo dưỡng định kỳ các thiết bị gây ồn, bôi trơn các bộ phận chuyển động để giảm tiếng ồn, độ rung.

- Sử dụng đệm chống ồn, giảm rung chấn được lắp tại chân của máy móc, thiết bị.

- Lắp ống giảm thanh cho các máy móc và các thiết bị gây ồn.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân sản xuất.

- Không cho xe nổ máy, bấm còi khi không cần thiết.

5.3. Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung của cơ sở:

- Nguồn phát sinh tiếng ồn độ rung: Từ hoạt động liên tục của máy may
- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: tại dây chuyền may trong xưởng sản xuất

Tiếng ồn, độ rung bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

+ Tiếng ồn:

TT	Khu vực	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)
1	Khu vực đặc biệt	55	45
2	Khu vực thông thường	70	55

+ Độ rung:

TT	Khu vực	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB	
		6 giờ - 21 giờ	21 giờ - 6 giờ
1	Khu vực đặc biệt	60	55
2	Khu vực thông thường	70	60

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với công trình xử lý nước thải

*** Phương án phòng ngừa sự cố môi trường đối với nước thải**

- Vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật (có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành); tuân thủ định mức hóa chất.
- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi mật độ vi sinh. Bổ sung dinh dưỡng nuôi vi sinh.
- Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng và thay thế các thiết bị hỏng hóc, các thiết bị vật liệu lọc, thiết bị xử lý đạt hiệu quả xử lý nước thải.
- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất, tư vấn thiết kế; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.
- Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.
- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng hóc cao (như:

máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác,...) để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

*** Phương án ứng phó sự cố đối với nước thải**

- Khi gặp sự cố lượng nước thải phát sinh vượt quá công suất của hệ thống xử lý hay sự cố kỹ thuật khác:

+ Phải dừng hoạt động của hệ thống xử lý để sửa chữa và đề ra phương án khắc phục.

+ Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị, máy móc thì phải dừng hoạt động của hệ thống xử lý để khắc phục sự cố trong vòng 01 ngày, đồng thời thuê đơn vị chức năng đến hút nước thải đem đi xử lý theo quy định.

- Khi gặp sự cố nước thải xử lý không đạt quy chuẩn cho phép (QCCP):

+ Nước thải qua hệ thống xử lý được đánh giá có thể gặp các sự cố như một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt QCCP. Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh và đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau.

+ Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý, cần liên hệ ngay với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời.

6.2. Phương án phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường khác

6.2.1. Biện pháp phòng ngừa sự cố chất thải nguy hại

- Đối với việc vận chuyển chất thải nguy hại: Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng chuyên thu gom, vận chuyển và xử lý và có các biện pháp để phòng ngừa, kiểm soát sự cố trong quá trình vận chuyển chất thải nguy hại.

- Dán biển cảnh báo tại các khu vực có các chất thải dễ tràn đổ, dễ cháy nổ,...

- Không bố trí các loại chất thải có nguy cơ dễ phản ứng với nhau.

- Bố trí các rãnh thu gom và các thùng cát tại khu vực kho chứa chất thải nguy hại để phòng ngừa sự cố tràn đổ chất thải nguy hại.

6.2.2. Biện pháp quản lý an toàn trong xưởng

Các cấp lãnh đạo và nhân viên quản lý phải chú trọng về việc an toàn sản xuất, xây dựng hoàn thiện trách nhiệm các cấp về an toàn sản xuất.

Trong xưởng, phải có đội ngũ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm để thực hiện hệ thống quản lý an toàn sản xuất, khi xảy ra sự cố phải thông báo cho cấp trên và phổ biến dưới xưởng. Xây dựng hoàn thiện các chế độ quản lý dự phòng trùng độc, chế độ

phổ biến giáo dục an toàn, chế độ kiểm tra định kỳ, chế độ duy tu thiết bị và các điều kiện cải thiện lao động v.v.

Cán bộ nhân viên mới hoặc nhân viên chuyển đổi vị trí làm việc liên quan đến việc thao tác an toàn hóa chất phải đào tạo qua về kiến thức chuyên nghiệp và an toàn kỹ thuật đạt tiêu chuẩn sau đó mới được vào vị trí làm việc.

Định kỳ phổ biến kiến thức giáo dục an toàn sản xuất đối với toàn bộ cán bộ công nhân viên, gồm giáo dục sức khỏe, biên soạn vị trí thuyết minh và bảng kiểm tra an toàn thiết bị, định kỳ kiểm tra an toàn. Về vị trí thao tác tính nguy hiểm cao phải tiến hành đào tạo công nhân viên và công nhân kỹ thuật trình độ cao.

Trước khi kiểm tra thiết bị sản xuất phải có biện pháp an toàn để loại bỏ và cách ly vật chất nguy hiểm.

- Tăng cường biện pháp bảo vệ sức khỏe công nhân viên, khám sức khỏe định kỳ đối với công nhân viên làm trong khu vực nguy hại, xây dựng hồ sơ sức khỏe cá nhân.

Doanh nghiệp phải định kỳ tổ chức tập huấn cấp cứu an toàn, đăng ký và giám sát nguồn nguy hiểm.

6.2.3. Biện pháp bố trí mặt bằng và an toàn PCCC

- Tổng bố trí mặt bằng, khoảng cách chống lửa phù hợp với quy phạm chống lửa thiết kế xây dựng và quy phạm thiết kế tổng mặt bằng doanh nghiệp công nghiệp và các quy định khác có liên quan. Thiết kế của các kiến trúc trong xưởng sản xuất, kho chứa vật liệu phải có biện pháp chống lửa tương ứng, cấp chống lửa của kiến trúc nên phù hợp với quy phạm thiết kế chống lửa và các quy phạm có liên quan, PCCC được nghiệm thu và phê duyệt.

- Cửa ra vào của nhà xưởng có 02 cửa trở lên và đặt tại vị trí khác nhau. Đường đi bộ trong xưởng phù hợp với yêu cầu về sản xuất, vận chuyển, lắp đặt, sửa chữa, PCCC và vệ sinh môi trường.

- Giữa các phân xưởng có lối thông nhau tiện cho việc sơ tán và PCCC. Giữa các phân xưởng có đường đi lại nhất định và khoảng cách an toàn. Trong xưởng phải có các thiết bị cứu hộ và đường cứu hộ, thiết bị cấp cứu khẩn cấp.

- Dựa vào quy phạm thiết kế chống sét của xây dựng phải có các biện pháp tránh sét đánh thẳng, chống cảm ứng sét, chống sóng điện từ đánh vào.

- Khu vực thuộc khu vực nguy hiểm cháy nổ phải phù hợp với quy định thiết kế trang thiết bị điện môi trường cháy nổ và quy định về khu vực công cộng và các quy định khác.

6.2.4. Biện pháp đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông

*** Biện pháp đảm bảo an toàn lao động:**

Trong giai đoạn vận hành của dự án, chủ đầu tư sẽ triển khai thực hiện tốt các quy định của Pháp luật lao động về an toàn - vệ sinh lao động để đảm bảo an toàn - vệ sinh lao động cho người lao động, phòng tránh tai nạn lao động, sự cố nghiêm trọng, cụ thể như:

- Tổ chức huấn luyện công tác an toàn, vệ sinh lao động theo đúng quy định tại các Điều 36, 37, 38 Nghị định số 39/2016/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động.

- Xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động, kế hoạch ứng cứu khẩn cấp, theo quy định tại các Điều 76, 77, 78 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

- Tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho 06 nhóm đối tượng theo quy định tại Nghị định 44/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động, huấn luyện an toàn lao động và quan trắc môi trường lao động.

- Kiểm tra sức khỏe của người lao động trước khi vào làm việc, khám sức khỏe định kỳ 1 lần/năm cho người lao động;

- Xây dựng và niêm yết nội quy, quy trình vận hành an toàn tại nơi làm việc đối với các loại máy, thiết bị có nguy cơ gây mất an toàn lao động;

- Tại khu vực đặt bình chứa khí nén được bố trí bảng quy trình vận hành an toàn, xử lý sự cố tại vị trí dễ quan sát theo đúng quy tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về sử dụng thiết bị áp lực.

- Thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn đối với các loại máy, thiết bị vật tư, các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn vệ sinh lao động trước khi đưa vào sử dụng, đăng ký sử dụng và kiểm định kỹ thuật định kỳ theo quy định;

- Định kỳ đo, kiểm tra môi trường lao động.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cần thiết, các trang phục này bao gồm quần áo bảo hộ lao động, mũ, găng tay, ủng, kính bảo vệ mắt cho công nhân tại nhà xưởng sản xuất. Kiên quyết đình chỉ công việc của công nhân khi thiếu trang bị bảo hộ lao động.

- Phổ biến các tài liệu hướng dẫn thao tác vận hành máy móc an toàn. Các thiết bị máy móc phải được kiểm tra định kỳ.

- Có rào chắn, các biển báo nguy hiểm tại những nơi có khả năng rơi, ngã, điện giật.

- Thường xuyên có những đợt tập huấn về an toàn lao động cho cán bộ công nhân viên và coi đây là một trong những nhiệm vụ của Công ty.

GPMT dự án: “Xây dựng nhà máy sản xuất ngành may mặc BGG”

- Thường xuyên khám bệnh định kỳ cho tất cả công nhân lao động trực tiếp.
- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, tu sửa máy móc thiết bị, nhà xưởng, nhà kho theo tiêu chuẩn an toàn và vệ sinh lao động.
- Xây dựng nội quy về an toàn và bảo hộ lao động đối với tất cả các hoạt động xưởng sản xuất cũng như trong các khu vực của Nhà máy.

*** Biện pháp đảm bảo an toàn giao thông**

- Cán bộ, công nhân viên của Công ty phải chấp hành nghiêm Luật an toàn giao thông đường bộ.
- Tuyên truyền, phổ biến kiến thức, tập huấn cho các cán bộ công nhân viên làm việc trong Công ty về an toàn giao thông đường bộ.
- Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng các phương tiện, máy móc tham gia giao thông để tránh những tai nạn giao thông khi tham gia trên đường.
- Các loại xe vận tải phải thường xuyên kiểm tra, kiểm định tại các Trung tâm Nhà nước, tuân thủ các nội quy, quy chế vận tải.
- Tuyệt đối không sử dụng lái xe chưa qua đào tạo, chưa có kinh nghiệm vận tải.
- Nghiêm cấm dùng các loại xe vận tải chở người đi đến nơi làm việc hoặc về nơi nghỉ và cấm trở người trên thùng xe trong khi hoạt động.
- Cấm người ngồi trên mui xe hoặc đứng bám sát vào thành xe.
- Cấm người lên xuống xe khi xe chưa dừng hẳn.

Để giảm thiểu tác động do việc gia tăng lưu lượng phương tiện giao thông và đảm bảo an toàn cho người tham gia giao thông, Chủ dự án sẽ ưu tiên tuyển dụng lao động địa phương xung quanh dự án có điều kiện đi làm bằng xe đạp hoặc đi bộ sẽ giảm thiểu đáng kể lượng phương tiện cá nhân góp phần giảm thiểu áp lực lên giao thông khu vực và ô nhiễm môi trường xung quanh. Tuyên truyền nâng cao ý thức chấp hành luật lệ an toàn giao thông khi tham gia giao thông cho các cán bộ, công nhân viên Công ty (không chở 3, 4 người, đội mũ bảo hiểm, bật tín hiệu xin đường khi chuyển hướng đặc biệt tại các nút giao thông, công ra vào Công ty...) sẽ hạn chế được các rủi ro khi tham gia giao thông để bảo vệ chính mình và những người tham gia giao thông trên đường.

6.2.5. An ninh trật tự khu vực

- Có thể xảy ra hiện tượng trộm cắp, đánh cờ bạc và một số tệ nạn khác...
- Chủ dự án sẽ quán triệt và giáo dục nghiêm túc cho cán bộ công nhân trong khu vực giữ gìn trật tự an ninh trong khu vực. Khi có sự cố xảy ra, báo cáo ngay tình hình cho cơ quan Công an khu vực, tiến hành giữ nguyên hiện trường chờ cơ quan chức

năng đến xử lý. Chủ đơn vị và cá nhân thuê sẽ là người chịu trách nhiệm chính trước Pháp luật khi có hiện tượng mất trật tự an ninh trong khu vực có về các vấn đề liên quan đến đơn vị mình.

Chủ dự án kết hợp với chính quyền địa phương trong việc đảm bảo trật tự an toàn xã hội.

6.2.6. Phòng cháy, chữa cháy

- Hệ thống phòng cháy, chữa cháy:

Công ty đã lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy tại nhà xưởng đã được cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC: Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 39/TD-PCCC ngày 02 tháng 2 năm 2010 của Công an tỉnh Bắc Giang.

Công tác phòng cháy, chữa cháy sẽ được thực hiện nghiêm túc theo đúng pháp lệnh PCCC. Căn cứ vào những yêu cầu về nhà xưởng sản xuất, Công ty được lắp đặt các thiết bị PCCC sau:

- Hệ thống báo cháy tự động sử dụng thiết bị trung tâm, thiết bị chuyên dùng cho hệ thống báo cháy tự động. Thiết bị trung tâm này ngoài tính năng xử lý, thông báo chính xác khu vực có cháy xảy ra còn có khả năng kiểm tra và loại trừ những tín hiệu báo cháy giả do nhiễu trên đường cáp, sự cố đứt đường cáp truyền tín hiệu hay đứt các cầu chì. Hệ thống cáp tín hiệu kết nối liên hoàn với các đầu báo cháy khói quang điện, đầu báo cháy nhiệt gia tăng và tổ hợp chuông, đèn cùng nút ấn báo cháy.

- Hệ thống đèn chỉ dẫn thoát nạn và chiếu sáng sự cố được lắp đặt phía trên các cửa ra vào và các vị trí thích hợp trong khu vực dự án..

- Đầu báo khói:

+ Tốc độ gió cho phép tại vị trí đặt đầu báo cháy không quá 5m/giây;

+ Thời gian tác động không lớn hơn 30 giây;

+ Nhiệt độ môi trường làm việc: - 10⁰C đến + 50⁰C;

+ Diện tích bảo vệ của một đầu báo cháy là 40m²; độ cao lắp đặt đầu báo cháy là 4m và 7m; vị trí lắp đặt đầu báo cháy ở mặt trần kỹ thuật.

- Hộp nút ấn tay: Được đặt ở nơi nhiều người qua lại và cách sàn khoảng 1,5m;

- Các yếu tố liên kết: Để truyền tín hiệu từ đầu báo cháy, hộp nút ấn tay chủ động về trung tâm xử lý báo cháy tự động cũng như phát lệnh báo động từ trung tâm làm cho các còi ù và đèn dùng hệ thống dây tín hiệu có biện pháp chống nhiễu. Vì vậy, để tránh sự suy giảm của tín hiệu, cũng như nguồn cấp cho các cảm biến, còi ù, ... cần dùng loại dây lõi đồng có tiết diện từ 0,75 mm² trở lên và có lớp bọc PVC bảo vệ.

- Bố trí các dụng cụ chữa cháy xách tay: Đã trang bị, lắp đặt tủ đựng phương tiện chữa cháy; bình bột chữa cháy tổng hợp loại 4kg (MKZ4), bình chữa cháy CO₂ - MT3; tổ hợp họng nước chữa cháy vách tường (gồm đầy đủ lăng, vòi chữa cháy); bộ nội quy, tiêu lệnh PCCC.

Có đầy đủ phương án, lực lượng phòng chống cháy nổ. Lực lượng phòng chống cháy nổ hoạt động hiệu quả, được tập luyện định kỳ. Có đầy đủ nội quy, tiêu lệnh, dụng cụ, phương tiện phòng cháy chữa cháy, các dụng cụ, phương tiện đều đảm bảo chất lượng.

6.2.7. Biện pháp an toàn khi dùng điện

Chủ Dự án phải có các biện pháp an toàn như sau:

- Bọc kín các điểm tiếp nối điện bằng vật liệu cách điện; Kiểm tra công suất thiết bị phù hợp với khả năng chịu tải của nguồn;

- Treo biển báo khi sửa chữa điện; Công nhân làm việc trong lĩnh vực điện phải có chứng chỉ do cơ quan chức năng cấp;

- Xây dựng và ban hành nội quy an toàn về điện; Tổ chức tuyên truyền, giáo dục, kiểm tra, thanh tra định kỳ về an toàn điện.

- Tiến hành thiết kế hệ thống chống sét, đo kiểm tra điện trở tiếp địa chống sét cho công trình nhà xưởng, nhà văn phòng theo quy định tại Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 9385:2012 chống sét cho công trình xây dựng - Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống.

- Áp dụng biện pháp nối đất thiết bị kết hợp với tự động cắt nguồn cung cấp bằng thiết bị bảo vệ đối với các bộ phận có dẫn điện dễ hở của thiết bị điện, khu kim loại của bảng điện và bàn điều khiển, vỏ kim loại của các máy điện di động và cầm tay theo quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam 9385:2012 lắp đặt hệ thống nối đất thiết bị cho các công trình công nghiệp.

6.2.8. Biện pháp giảm thiểu sự cố do thiên tai

Hàng năm vào mùa mưa lũ, do điều kiện thời tiết cơ sở có thể gặp các sự cố do bão, áp thấp nhiệt đới, lốc sét, mưa lớn... và các loại thiên tai khác (động đất, địa chấn) làm sập đổ các công trình phục vụ sản xuất, trong đó có công trình xử lý nước thải, khí thải làm gián đoạn hoạt động của trạm XLNT, khí thải. Tuy nhiên tại vị trí xây dựng công trình xử lý nước thải, khí thải có nền móng được gia cố chắc chắn, công trình xử lý nước thải xây dựng bằng gạch đặc, vữa xi măng mác cao, các bể trạm xử lý nước thải sinh hoạt được một phần xây dựng ngầm dưới đất, phần xây dựng nổi lên được

GPMT dự án: “Xây dựng nhà máy sản xuất ngành may mặc BGG”

xây dựng kiên cố, nhà vận hành quản lý được xây dựng cao hơn nhưng kết cấu vững chắc, tường gạch, nền bê tông, mái đổ trần.

Trong thời gian qua chưa xảy ra sự cố làm hư hại các công trình xử lý nước thải của dự án. Tuy nhiên khi xảy ra sự cố thì nhà máy cũng phải tạm dừng hoạt động và sửa chữa các công trình phục vụ sản xuất cũng như công trình xử lý nước thải, khí thải kịp thời. Chủ cơ sở cam kết chỉ đưa dự án vào tiếp tục hoạt động sản xuất khi trạm xử lý nước thải sinh hoạt và công trình xử lý khí thải lò hơi được sửa chữa và đi vào vận hành hoạt động.

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

1.1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn phát sinh nước thải: 02 nguồn.
- + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh;
- + Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ nhà ăn ca;

1.2. Lưu lượng xả thải tối đa

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 135 m³/ngày, tương đương 5,625 m³/giờ (tính theo 24 giờ). Do đó lượng nước thải tối đa đề nghị xin cấp phép là 135 m³/ngày.

1.3. Dòng nước thải

- Dòng nước thải: có 01 dòng nước thải sau xử lý tại trạm xử lý nước thải (công suất 200 m³/ngày đêm) đạt QCVN 14:2008, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi xả ra rãnh xây phía Đông Bắc dự án thuộc hệ thống thoát nước chung của cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, sau đó đổ ra sông Cầu Đồng cách điểm xả thải khoảng 300m.

1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm của dòng nước thải sau xử lý và trước khi xả ra rãnh xây phía Đông Bắc dự án thuộc hệ thống thoát nước chung của cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, sau đó đổ ra sông Cầu Đồng phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giới hạn theo QCVN 14:2008 /BTNMT cột B	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5-9	Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ theo khoản 2 Điều 97 Nghị định số
2	BOD ₅	mg/l	50	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	
4	Tổng chất rắn hoà tan	mg/l	1000	

GPMT dự án: “Xây dựng nhà máy sản xuất ngành may mặc BGG”

5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0	08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ
6	Amoni(tính theo N)	mg/l	10	
7	Nitrat (NO ₃ -) (tính theo N)	mg/l	50	
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	20	
9	Tổng các chất rắn hoạt động bề mặt	mg/l	10	
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10	
11	Tổng coliforms	MPN/100 ml	5000	

1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải

1.5.1. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả nước thải: Có 01 vị trí sau trạm xử lý nước thải công suất 200 m³/ngày đêm xả ra được xả ra rãnh xây phía Đông Bắc dự án thuộc hệ thống thoát nước chung của cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, sau đó đổ ra sông Cầu Đồng cách điểm xả thải khoảng 300m.

- Tọa độ vị trí điểm xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107°, múi chiếu 3⁰): X=2350629; Y=489062.

1.5.2. Phương thức xả nước thải

- Phương thức xả thải: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý tại trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 200m³/ngày đêm được xả thải phương thức tự chảy theo đường ống uPVC D200 sau đó xả thải ra nguồn tiếp nhận.

1.5.3. Chế độ xả nước thải

- Chế độ xả thải: xả nước thải liên tục (24 giờ)

1.5.4. Nguồn tiếp nhận nước thải

- Nguồn tiếp nhận nước thải dòng thải: rãnh xây phía Đông Bắc dự án thuộc hệ thống thoát nước chung của cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, sau đó đổ ra sông Cầu Đồng cách điểm xả thải khoảng 300m.

2. Nội dung cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

2.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 01 nguồn phát sinh từ hoạt động của máy móc của dây chuyền may.

2.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: 02 vị trí

+ Vị trí số 01: 01 vị trí giữa nhà xưởng số 1, vị trí dây chuyền may. Tọa độ vị trí gây ồn (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107^0 , múi chiều 3^0): X=2369705,979; Y=422960,137.

+ Vị trí số 02: 01 vị trí giữa nhà xưởng số 2, vị trí dây chuyền may. Tọa độ vị trí gây ồn (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107^0 , múi chiều 3^0): X=2369830,582; Y=423013,595.

2.3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

+ **Tiếng ồn:**

TT	Khu vực	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)
1	Khu vực đặc biệt	55	45
2	Khu vực thông thường	70	55

+ **Độ rung:**

TT	Khu vực	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB	
		6 giờ - 21 giờ	21 giờ - 6 giờ
1	Khu vực đặc biệt	60	55
2	Khu vực thông thường	70	60

3. Thời gian đề nghị cấp phép:

Theo điểm b, khoản 4 Điều 40 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020: Đối với các dự án không thuộc nhóm I thời gian cấp phép của dự án là 10 năm.

Do vậy, Chủ dự án đề nghị thời gian cấp phép của cơ sở là 10 năm.

CHƯƠNG V: KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường đối với nước thải.

- Công ty cổ phần may BGG Lạng Giang đã thực hiện quan trắc môi trường định kỳ quý I năm 2024 đối với nước thải của dự án. Kết quả quan trắc nước thải quý I năm 2024, cụ thể như sau:

- Vị trí quan trắc: tại cống thoát nước thải sau xử lý trước khi thải ra môi trường.

+ **Nước thải:** NTSXL: 01 vị trí lấy tại vị trí sau trạm xử lý nước thải công suất 200m³ trước khi thải ra rãnh xây phía Đông Bắc dự án thuộc hệ thống thoát nước chung của cụm công nghiệp Nghĩa Hòa ngày 10/01/2024.

Bảng 5.1. Kết quả quan trắc nước thải của dự án

TT	Thông số	ĐVT	NT	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B)
1	pH	-	7,07	5 - 9
2	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	575	1000
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	48,2	100
4	Nhu cầu oxy sinh học BOD ₅	mg/l	13,6	50
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	<0,09	10
6	Photphat (PO ₄ ³⁻)	mg/l	6,38	10
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (Tính theo N)	mg/l	1,69	50
8	Sunfua (S ²⁻)	mg/l	KPH	4
9	Dầu mỡ ĐTV	mg/l	<0,9	20
10	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	<0,09	10
11	Coliform	MPN/100ml	1.700	5.000

Ghi chú:

Nước thải sau khi xử lý được xả thải ra rãnh xây phía Đông Bắc dự án thuộc hệ thống thoát nước chung của cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, sau đó chảy ra sông Cầu Đông, do vậy nước thải sau xử lý được so sánh với QCVN 14:2008/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt cột B.

Kết quả phân tích mẫu nước thải sinh hoạt cho thấy hàm lượng các chỉ tiêu/thông số phân tích tại các quý đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT cột B.

2. Kết quả quan trắc môi trường đối với không khí làm việc.

- Công ty cổ phần may BGG Lạng Giang đã thực hiện quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí làm việc 6 tháng cuối năm 2023 của dự án. Kết quả quan trắc định kỳ không khí làm việc 6 tháng cuối năm 2023, cụ thể như sau:

2.1. Không khí khu vực nhà cắt

- Vị trí quan trắc:

+ *Không khí làm việc*: 01 vị trí lấy tại khu vực nhà cắt.

Bảng 5.2. Kết quả quan trắc không khí khu vực nhà cắt

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn cho phép	
				Từng lần tối đa (STEL)	Trung bình 8h (TWA)
1	Nhiệt độ	°C	28,6	18 – 32 ⁽¹⁾	-
2	Tiếng ồn chung	dBA	70,4	85 ⁽³⁾	-
3	Bụi tổng lơ lửng (Bụi toàn phần)	mg/m ³	0,426	-	8 ⁽⁶⁾
4	NO ₂	mg/m ³	<0,19	10 ⁽⁷⁾	5 ⁽⁷⁾
5	SO ₂	mg/m ³	<0,26	10 ⁽⁷⁾	5 ⁽⁷⁾
6	CO	mg/m ³	<1,14	40 ⁽⁷⁾	20 ⁽⁷⁾

Ghi chú:

- (1): QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

- (3): QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về tiếng ồn – Mức độ tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

- (6): QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 5 yếu tố bụi tại nơi làm việc.

- (7): QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

- Dấu (-): Không quy định trong quy chuẩn.

- Giá trị “<” là nhỏ hơn giới hạn phát hiện của máy đo.

2.2. Không khí khu vực xưởng may 1

- Vị trí quan trắc:

+ **Không khí làm việc:** 01 vị trí lấy mẫu tại khu vực nhà xưởng 01.

Bảng 5.3. Kết quả quan trắc không khí tại nhà xưởng 01

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn cho phép	
				Từng lần tối đa (STEL)	Trung bình 8h (TWA)
1	Nhiệt độ	°C	28,5	18 – 32 ⁽¹⁾	-
2	Tiếng ồn chung	dBA	76,8	85 ⁽³⁾	-
3	Bụi tổng lơ lửng (Bụi toàn phần)	mg/m ³	0,524	-	8 ⁽⁶⁾
4	NO ₂	mg/m ³	<0,19	10 ⁽⁷⁾	5 ⁽⁷⁾
5	SO ₂	mg/m ³	<0,26	10 ⁽⁷⁾	5 ⁽⁷⁾
6	CO	mg/m ³	<1,14	40 ⁽⁷⁾	20 ⁽⁷⁾

Ghi chú:

- (1): QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

- (3): QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về tiếng ồn – Mức độ tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

- (6): QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 5 yếu tố bụi tại nơi làm việc.

- (7): QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

- Dấu (-): Không quy định trong quy chuẩn.

- Giá trị “<” là nhỏ hơn giới hạn phát hiện của máy đo.

2.3. Không khí khu vực văn phòng

- Vị trí quan trắc:

+ **Không khí làm việc:** 01 vị trí lấy mẫu tại khu vực nhà văn phòng.

Bảng 5.4. Kết quả quan trắc không khí khu vực văn phòng

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn cho phép
----	----------	--------	---------	-------------------

GPMT dự án: “Xây dựng nhà máy sản xuất ngành may mặc BGG”

				Từng lần tối đa (STEL)	Trung bình 8h (TWA)
1	Nhiệt độ	°C	29,6	18 – 32 ⁽¹⁾	-
2	Tiếng ồn chung	dBA	58,2	85 ⁽³⁾	-
3	Bụi tổng lơ lửng (Bụi toàn phần)	mg/m ³	0,335	-	8 ⁽⁶⁾
4	NO ₂	mg/m ³	<0,19	10 ⁽⁷⁾	5 ⁽⁷⁾
5	SO ₂	mg/m ³	<0,26	10 ⁽⁷⁾	5 ⁽⁷⁾
6	CO	mg/m ³	<1,14	40 ⁽⁷⁾	20 ⁽⁷⁾

Ghi chú:

- (1): QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

- (3): QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về tiếng ồn – Mức độ tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

- (6): QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép yếu tố bụi tại nơi làm việc.

- (7): QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

- Dấu (-): Không quy định trong quy chuẩn.

- Giá trị “<” là nhỏ hơn giới hạn phát hiện của máy đo.

2.4. Không khí khu vực nhà máy 2

- Vị trí quan trắc:

+ **Không khí làm việc:** 01 vị trí lấy tại khu vực nhà máy 2.

Bảng 5.5. Kết quả quan trắc không khí khu vực nhà máy 2

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn cho phép	
				Từng lần tối đa (STEL)	Trung bình 8h (TWA)
1	Nhiệt độ	°C	28,4	18 – 32 ⁽¹⁾	-
2	Tiếng ồn chung	dBA	76,0	85 ⁽³⁾	-
3	Bụi tổng lơ lửng	mg/m ³	0,527	-	8 ⁽⁶⁾

GPMT dự án: “Xây dựng nhà máy sản xuất ngành may mặc BGG”

	(Bụi toàn phần)				
4	NO ₂	mg/m ³	<0,19	10 ⁽⁷⁾	5 ⁽⁷⁾
5	SO ₂	mg/m ³	<0,26	10 ⁽⁷⁾	5 ⁽⁷⁾
6	CO	mg/m ³	<1,14	40 ⁽⁷⁾	20 ⁽⁷⁾

Ghi chú:

- (1): QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

- (3): QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về tiếng ồn – Mức độ tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

- (6): QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 5 yếu tố bụi tại nơi làm việc.

- (7): QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

- Dấu (-): Không quy định trong quy chuẩn.

- Giá trị “<” là nhỏ hơn giới hạn phát hiện của máy đo.

3. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo

Công ty cổ phần may BGG Lạng Giang đã thực hiện quan trắc môi trường trong thời điểm lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường. Kết quả quan trắc trong thời điểm lập báo cáo đề xuất cấp phép môi trường, cụ thể như sau:

+ Không khí xung quanh:

Bảng 5.6. Kết quả phân tích mẫu không khí xung quanh dự án

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			QCVN 05:2023/BTNMT
			KXQ.1	KXQ.2	KXQ.3	Bảng 1
						Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ	°C	27,8	29,6	31,0	-
2	Độ ẩm	RH%	72,6	71,5	70,3	-
3	Tốc độ gió	m/s	1,2	0,9	0,8	-
4	Tiếng ồn	dBA	66,4	64,3	65,5	70 ^(a)
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm ³	94	91	93	300
6	NO ₂	µg/Nm ³	95	90	92	200
7	SO ₂	µg/Nm ³	100	95	98	350

Chủ dự án: Công ty cổ phần may BGG Lạng Giang

Đơn vị tư vấn: Công ty cổ phần môi trường xanh TBT

GPMT dự án: “Xây dựng nhà máy sản xuất ngành may mặc BGG”

8	CO	µg/Nm ³	3.095	3.034	3.061	30.000
---	----	--------------------	-------	-------	-------	--------

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ KXQ.1: Mẫu không khí xung quanh tại đường giao thông tiếp giáp phía Tây dự án (vào lúc 7 giờ 40 phút). Tọa độ X: 2369613, Y: 422896.

+ KXQ.2: Mẫu không khí xung quanh tại đường giao thông tiếp giáp phía Tây dự án (vào lúc 9 giờ 00 phút). Tọa độ X: 2369613, Y: 422896.

+ KXQ.3: Mẫu không khí xung quanh tại đường giao thông tiếp giáp phía Tây dự án (vào lúc 10 giờ 30 phút). Tọa độ X: 2369613, Y: 422896.

Nhận xét: Kết quả đo đạc và thử nghiệm môi trường không khí xung quanh các chỉ tiêu phân tích đều nằm trong giới hạn cho phép.

+ Nước mặt:**Bảng 5.7. Kết quả quan trắc nước mặt**

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT	
				Bảng 1	Bảng 2 (Mức B)
1	pH	-	7,3	-	6,0-8,5
2	Oxy hòa tan (DO)	mg/L	5,1	-	≥ 5,0
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	39	-	≤ 100
4	Nhu cầu oxy sinh học (BOD5)	mg/L	6	-	≤ 6
5	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	15	-	≤ 15
6	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	5,55	0,3	-
7	Sắt (Fe)	mg/L	0,346	0,5	-
8	Tổng photpho	mg/L	4,27	-	≤ 0,3
9	Tổng Nito	mg/L	9,18	-	≤ 1,5
10	Coliform	MPN/100ml	2.100	-	≤ 5.000

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ NM.01: Mẫu nước mặt tại ruộng tưới nội đồng tiếp giáp phía Đông dự án. Tọa độ X: 2369914, Y: 423103.

CHƯƠNG VI: TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Dự án không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm đối với nước thải theo Khoản 1 Điều 31, Nghị định 08/2022/NĐ – CP (Trạm xử lý nước thải của dự án không có thay đổi so với Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 1830/GXN – TNMT do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang xác nhận ngày 11/7/2019).

2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật

Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ (Theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Cơ sở không thực hiện quan trắc tự động, liên tục chất thải.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm:

Cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ nên không có kinh phí dự kiến thực hiện quan trắc.

Chủ cơ sở chịu trách nhiệm vận hành hệ thống xử lý khí thải, nước thải đảm bảo chất lượng nước thải, khí thải sau xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

CHƯƠNG VII: KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong 2 năm gần nhất trước đây cơ sở không có đợt thanh tra, kiểm tra của cơ quan chức năng của nhà nước.

CHƯƠNG VIII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

1. KẾT LUẬN

Cơ sở: Nhà máy sản xuất ngành may mặc BGG tại cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, thị trấn Kép, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang trong thời gian qua đã chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường cũng như các quy định pháp luật về tài nguyên nước, đất đai, môi trường lao động và các quy định pháp luật liên quan.

Cơ sở đã có những biện pháp để hạn chế tối đa các tác động xấu của dự án như:

- Đối với nước mưa chảy tràn: Thu gom vào hệ thống thoát nước mưa của dự án rồi thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Đối với nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt sẽ được xử lý qua bằng trạm XLNT công suất 200m³/ngày trước khi xả thải ra môi trường, nước thải đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B trước khi đổ ra rãnh xây phía Đông Bắc dự án thuộc hệ thống thoát nước chung của cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, sau đó chảy ra sông Cầu Đòng cách vị trí điểm xả khoảng 300m.

- Đối với môi trường không khí khu vực làm việc: Đảm bảo môi trường không khí làm việc đạt quy chuẩn cho phép.

- Đối với chất thải rắn trong quá trình sản xuất và chất thải sinh hoạt: Được thu gom, phân loại và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đến nơi xử lý để đảm bảo không gây ảnh hưởng đến môi trường.

- Đối với chất thải nguy hại: Quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định. Chất thải được thu gom, lưu kho chứa chất thải sau và ký hợp đồng thuê đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý đúng quy định.

Đảm bảo trang bị đầy đủ trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân. Thực hiện các biện pháp hạn chế đến mức tối đa các rủi ro và sự cố môi trường như phòng chống cháy nổ, an toàn lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm.

Chủ dự án cam kết triển khai các biện pháp kỹ thuật có hiệu quả cùng với các giải pháp hỗ trợ khác như đã đề xuất trong báo cáo nhằm giảm thiểu tối đa các tác động tiêu cực, thể hiện ý thức chấp hành pháp luật nhà nước, bảo vệ môi trường, đảm bảo sự phát triển bền vững cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho sự thành công của dự án.

2. KIẾN NGHỊ

Với những cam kết BVMT và kết luận nêu trên cho thấy, hoạt động của dự án “Xây dựng nhà máy sản xuất ngành may mặc BGG” cần được các cấp, các ngành ủng hộ và khuyến khích phát triển. Vậy, chủ dự án kính đề nghị:

GPMT dự án: “Xây dựng nhà máy sản xuất ngành may mặc BGG”

- Đoàn kiểm tra xem xét trình UBND huyện Lạng Giang phê duyệt bản Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Xây dựng nhà máy sản xuất ngành may mặc BGG”.

- Chủ dự án đề nghị UBND tỉnh, các đơn vị chức năng tạo điều kiện thuận lợi, ưu đãi trong quá trình hoạt động của dự án “Xây dựng nhà máy sản xuất ngành may mặc BGG” theo đúng qui định của pháp luật.

- Chủ dự án cũng đề nghị các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tỉnh tạo điều kiện hướng dẫn chủ dự án thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm và công tác quan trắc, đánh giá chất lượng môi trường định kỳ theo đúng các nội dung đã cam kết trong báo cáo.

3. CAM KẾT

Nhằm giảm thiểu những nguồn gây ô nhiễm môi trường do việc xây dựng dự án, chủ dự án cam kết thực hiện các chương trình quản lý môi trường, giám sát môi trường đã nêu trong báo cáo.

- Cam kết tuân thủ các quy định chung về bảo vệ môi trường cụ thể như sau:

+ Cam kết thực hiện nghiêm Luật Bảo vệ Môi trường được Quốc hội Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

+ Cam kết không sử dụng máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu thuộc danh mục cấm của Việt Nam trong quá trình hoạt động của dự án.

+ Nội dung bảo vệ môi trường theo đúng nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đã được phê duyệt.

+ Không sử dụng các hoá chất độc hại nằm trong danh mục cấm của Việt Nam và các Công ước Quốc tế mà Việt Nam tham gia trong quá trình hoạt động của dự án.

+ Thực hiện giám sát chất lượng nước thải, khí làm việc theo quy chuẩn hiện hành.

+ Đối với các loại chất thải rắn, chủ dự án cam kết sẽ thu gom xử lý theo đúng quy định.

+ Cam kết tuân thủ các Điều khoản theo Quyết định phê chuẩn báo cáo này.

+ Chấp hành sự kiểm tra giám sát của sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và môi trường và các cơ quan chức năng trong quá trình xây dựng và hoạt động.

+ Chịu trách nhiệm trước Pháp luật nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam nếu vi phạm các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam hoặc để xảy ra sự cố về môi trường, gây ô nhiễm môi trường.

+ Triển khai, thực hiện dự án theo đúng phạm vi, quy mô, công suất của dự án.

GPMT dự án: “Xây dựng nhà máy sản xuất ngành may mặc BGG”

+ Thực hiện đúng các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo được phê duyệt.

+ Đảm bảo xử lý trong quá trình hoạt động đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra môi trường; thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường;

+ Cam kết thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong suốt giai đoạn vận hành Dự án theo quy định của pháp luật.

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 2400889524

Đăng ký lần đầu: ngày 16 tháng 06 năm 2020

Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 04 tháng 01 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY BGG LẠNG GIANG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LANG GIANG BGG GARMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: LANG GIANG BGG GARMENT „JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô A3+A7, Cụm Công Nghiệp Nghĩa Hòa, Thị Trấn Kép, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0935488888

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ: 139.800.000.000 đồng.

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 13.980.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN HỮU HÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 24/06/1981 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu Việt Nam

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: C9130888

Ngày cấp: 19/06/2020 Nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh

Địa chỉ thường trú: Số 29 C1 Tổ 3, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 29 C1 Tổ 3, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



NGUYỄN VŨ ĐIỂN

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 152 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 16 tháng 3 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư;
Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 60/BC-SKHĐT
ngày 23 tháng 02 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp thuận nhà đầu tư:

CÔNG TY CỔ PHẦN IBT

Mã số doanh nghiệp: 2400508465 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế
hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 14 tháng 5 năm 2010 và đăng
ký thay đổi lần thứ 5 ngày 29 tháng 5 năm 2014.

Địa chỉ trụ sở: Lô 18, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Hoàng Văn
Thụ, Thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Họ và tên: NGUYỄN HỮU HÙNG

Chức danh: Giám Đốc.

Sinh ngày: 24/6/1981; Quốc tịch: Việt Nam

CMND số 013122465 do Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày
03/12/2008.

Địa chỉ thường trú: Số 29C1, Tổ 3, phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai,
Thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện tại: Số 29C1, Tổ 3, phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành
phố Hà Nội.

Điện thoại: 0935 488 888.

Thực hiện dự án đầu tư với các nội dung sau:

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư:

1. Tên dự án đầu tư: **XÂY DỰNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT PHỤ KIỆN
NGÀNH MAY.**

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)- Chi tiết Sản xuất các đồ phụ kiện trang phục khác: Tất tay, caravat, Phec-mơ –tuya; Khóa quần áo; cúc quần áo.	1410	
2	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thùng carton, bao bì.	1709	
3	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm Chi tiết: Sản xuất túi đựng	1512	

3. Quy mô dự án:

- Sản xuất Phec-mơ-tuya: 600.000 sản phẩm/năm.
- Sản xuất khóa, cúc quần áo: 500.000 sản phẩm/năm.
- Sản xuất tất tay, caravat: 800.000 sản phẩm/năm.
- Sản xuất bao bì, thùng carton, túi đựng: 100.000 sản phẩm/năm.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Lô A3, Cụm Công nghiệp Nghĩa Hòa, xã Tân Thịnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

5. Diện tích đất thực hiện dự án: 10.636 m².

6. Tổng vốn đầu tư: 20.808.000.000 đồng (Hai mươi tỷ, tám trăm linh tám triệu đồng). Trong đó:

- Vốn góp:

Tên Nhà đầu tư	Số vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
Công ty Cổ phần IBT	10.808.000.000	53	Tiền mặt+ Tài sản gắn liền trên đất	Tháng 02/2016

- Vốn vay: 10.000.000.000 đồng.

7. Thời hạn thực hiện dự án: 40 năm kể từ ngày được chấp thuận chủ trương đầu tư.

8. Tiến độ thực hiện dự án:

- Hoàn thành thủ tục về đất đai: Từ tháng 03/2016 đến tháng 12/2016

- Hoàn thiện xây dựng hạng mục công trình: Tháng 01/2017 đến tháng 01/2018.

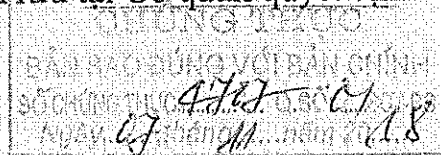
- Đưa dự án vào hoạt động: Tháng 02 năm 2018.

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư: Theo quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 3. Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án: Theo quy định hiện hành của nhà nước và cam kết của nhà đầu tư.

Điều 4. Thời hạn hiệu lực của quyết định chủ trương đầu tư: Kể từ ngày ký cho đến hết thời gian hoạt động của dự án.

Điều 5. Quyết định này được lập thành 04 (Bốn) bản gốc; 01 bản cấp cho nhà đầu tư; 01 bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư; 01 bản gửi UBND huyện Lạng Giang và 01 bản lưu tại Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư./.

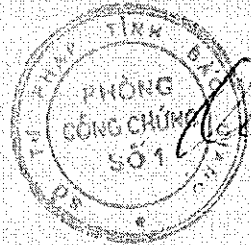


TM. UBND TỈNH
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Linh

CÔNG CHỨNG VIÊN
Đặng Thị Duyên



Số: 570 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 09 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 399/BC-SKHDT
ngày 07 tháng 8 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận điều chỉnh dự án XÂY DỰNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT PHỤ KIỆN NGÀNH MAY Công ty Cổ phần IBT đã được UBND tỉnh cấp Quyết định chủ trương đầu tư số 152/QĐ-UBND ngày 16/3/2016 và được Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận giãn tiến độ thực hiện dự án tại Quyết định số 206/QĐ-SKHDT ngày 06/7/2018, với nội dung sau:

I. Nội dung dự án đã phê duyệt:

1. Tên dự án đầu tư: XÂY DỰNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT PHỤ KIỆN NGÀNH MAY

2. Mục tiêu đầu tư:

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC
1	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) – Chi tiết: Sản xuất các đồ phụ kiện trang phục khác: Tất tay, caravat, Phéc – mơ – tuya; Khóa quần áo; cúc quần áo.	1410
2	Sản xuất các sản phẩm từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thùng carton, bao bì.	1709
3	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên dệm Chi tiết: Sản xuất túi đựng.	1512

3. Quy mô đầu tư:

- Sản xuất Phéc – mơ – tuya: 600.000 sản phẩm/năm.
- Sản xuất khóa, cúc quần áo: 500.000 sản phẩm/năm.
- Sản xuất tất tay, caravat: 800.000 sản phẩm/năm.
- Sản xuất bao bì, thùng carton, túi đựng: 100.000 sản phẩm/năm.



4. Địa điểm thực hiện dự án: Lô A3, cụm Công nghiệp Nghĩa Hòa, xã Tân Thịnh, huyện Lạng Giang.

5. Diện tích đất sử dụng: Khoảng 10.636 m²

6. Tổng vốn đầu tư: 20.808.000.000 đồng. Trong đó:

- Vốn góp: 10.808.000.000 đồng.

- Vốn vay: 10.000.000.000 đồng.

7. Thời hạn thực hiện dự án: 40 năm, kể từ ngày được cấp Quyết định chủ trương đầu tư.

8. Tiến độ thực hiện dự án:

- Xây dựng các hạng mục công trình: Từ tháng 01/2019 đến tháng 12/2019.

- Hoàn thành và đi vào hoạt động: Tháng 01/2020.

II. Nội dung dự án điều chỉnh:

1. Tên dự án: **XÂY DỰNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT NGÀNH MAY MẶC BGG.**

2. Mục tiêu hoạt động:

STT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành	Mã ngành theo VSIC
1	- May áo Jacket - May trang phục - Sản xuất các đồ phụ kiện trang phục khác: Sản xuất các đồ phụ kiện trang phục khác: Tất tay, caravat, Phéc – mơ – tuya; Khóa quần áo; cúc quần áo.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
2	Sản xuất thùng carton, bao bì.	Sản xuất các sản phẩm từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Sản xuất thùng carton, bao bì.</i>	1709
3	Sản xuất túi đựng.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên dề <i>Chi tiết: Sản xuất túi đựng.</i>	1512

3. Quy mô dự án

- Sản xuất Phéc – mơ – tuya: 600.000 sản phẩm/năm.

- Sản xuất khóa cúc quần áo: 500.000 sản phẩm/năm.

- Sản xuất tất tay, caravat: 800.000 sản phẩm/năm.

- Sản xuất bao bì, thùng carton, túi đựng: 100.000 sản phẩm/năm.

- May áo Jacket: 2.000.000 sản phẩm/năm.

- May trang phục: 2.000.000 sản phẩm/năm.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Lô A3, lô A7, cụm Công nghiệp Nghĩa Hòa, xã Tân Thịnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

5. Diện tích đất sử dụng: 25.423 m².

6. Tổng vốn đầu tư: 48.000.000.000 đồng (Bốn mươi tám tỷ đồng).
Trong đó:

- Vốn góp:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiến độ góp vốn
		VND	Tương đương USD			
1	CÔNG TY CỔ PHẦN IBT	10.808.000.000		100	Tiền mặt	Đã góp đủ năm 2018

- Vốn huy động (Vay từ ngân hàng thương mại): 37.192.000.000 đồng (đã vay xong 10.000.000.000 đồng từ năm 2018, còn lại 27.192.000.000 đồng dự kiến vay từ tháng 09/2020 đến tháng 05/2021).

7. Tiến độ thực hiện dự án:

- Hoàn thành thủ tục đất đai: Tháng 9/2019 đến tháng 8/2020.

- Xây dựng các hạng mục công trình: Từ tháng 9/2020 đến tháng 5/2021.

- Hoàn thành và đi vào hoạt động: Tháng 6/2021.

III. Các nội dung khác: Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định chủ trương đầu tư số 152/QĐ-UBND do UBND tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 16/3/2016.

Điều 2. Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án:

- Theo quy định hiện hành của nhà nước và cam kết của nhà đầu tư.

- Công ty Cổ phần IBT có trách nhiệm thực hiện ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư (đối với phần diện tích đất mở rộng) trước khi được Nhà nước cho thuê đất.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm thông báo mức ký quỹ cho Nhà đầu tư (đối với phần diện tích đất mở rộng). Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện ký quỹ của Nhà đầu tư trước khi cho thuê đất.

Điều 3. Quyết định này được lập thành 04 (Bốn) bản gốc; 01 bản cấp cho nhà đầu tư; 01 bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư; 01 bản gửi UBND huyện Lạng Giang và 01 bản lưu tại Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư./v

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số CT: 92630.Số: 01/SCT-BS
Ngày: 12 tháng 8 năm 2019.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Linh

CÔNG CHỨNG VIÊN
Đặng Thị Quyên

QUYẾT ĐỊNH ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 733/BC-SKHĐT ngày 28/10/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án “Xây dựng nhà máy sản xuất ngành may mặc BGG” của Công ty Cổ phần IBT được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 16/3/2016, được Sở Kế hoạch và Đầu tư giãn tiến độ tại Quyết định số 206/QĐ-SKHĐT ngày 06/7/2018, được UBND tỉnh điều chỉnh tại Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 09/8/2019, với nội dung sau:

I. Nội dung dự án đã phê duyệt:

1. Nhà đầu tư: CÔNG TY CỔ PHẦN IBT

Mã số doanh nghiệp: 2400508465, do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 14/5/2010, thay đổi lần thứ 5 ngày 29/5/2014.

Địa chỉ trụ sở chính: Lô 18, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: NGUYỄN HỮU HÙNG; Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 24/6/1981; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 013122465; Ngày cấp: 03/12/2008; Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Đăng ký hộ khẩu thường trú: 29C1 Tổ 3, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện tại: 29C1 Tổ 3, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

2. Diện tích đất sử dụng: 25.423m²

II. Nội dung dự án điều chỉnh:

1. Nhà đầu tư: **CÔNG TY CỔ PHẦN MAY BGG LẠNG GIANG**

Mã số doanh nghiệp: 2400889524, do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 16/6/2020.

Địa chỉ trụ sở chính: Lô A3+A7, Cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, thị trấn Kép, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: NGUYỄN HỮU HÙNG; Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 24/6/1981; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam

Hộ chiếu số: B4090524; Ngày cấp: 02/6/2020; Nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an

Đăng ký hộ khẩu thường trú: 29C1 Tổ 3, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

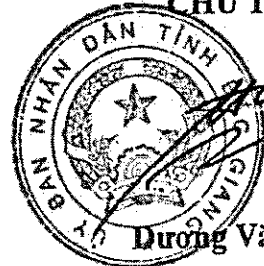
Chỗ ở hiện tại: 29C1 Tổ 3, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

2. Diện tích đất sử dụng: 25.419,7m²

III. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 16/3/2016, Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 09/8/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Quyết định này được lập thành 05 (Năm) bản gốc; 01 (Một) bản cấp cho nhà đầu tư; 01 (Một) bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư; 01 (Một) bản gửi Sở Tài nguyên và Môi trường; 01 (Một) bản gửi UBND huyện Lạng Giang và 01 (Một) bản được lưu tại Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư. //

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Dương Văn Thái

Số: 1625/GXN-UBND

Lạng Giang, ngày 16 tháng 11 năm 2018

**GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ
KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

UBND huyện Lạng Giang xác nhận Công ty cổ phần IBT, địa chỉ trụ sở chính: Lô 18, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang đã đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường của Dự án “*Xây dựng nhà máy sản xuất phụ kiện ngành may, địa chỉ thực hiện: Lô A3, Cụm Công nghiệp Nghĩa Hòa, xã Tân Thịnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang*” tại UBND huyện Lạng Giang vào ngày 15 tháng 11 năm 2018.

Công ty cổ phần IBT có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

1. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, các biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất trong bản Kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký.

2. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký và các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 33, Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.

3. Phải báo cáo với UBND huyện Lạng Giang khi có những thay đổi, điều chỉnh nội dung kế hoạch bảo vệ môi trường và chỉ được thực hiện khi có sự chấp thuận bằng văn bản của UBND huyện Lạng Giang; định kỳ ít nhất 01 lần/năm cung cấp thông tin môi trường liên quan đến hoạt động sản xuất của dự án, gửi về UBND huyện qua phòng Tài nguyên và Môi trường và UBND xã Tân Thịnh.

Kế hoạch bảo vệ môi trường của Dự án “*Xây dựng nhà máy sản xuất phụ kiện ngành may*” kèm theo Giấy xác nhận đăng ký này được cấp cho Công ty cổ phần IBT để thực hiện và được lưu tại cơ quan Nhà nước để kiểm tra, giám sát. /

Nơi nhận: ✓

- Công ty cổ phần IBT;
- Lưu: VT, TNMT.

Bản điện tử:

- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- UBND xã Tân Thịnh;
- LĐVP, THKT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Đình Hoan

Số: 1830 /GXN-TNMT

Bắc Giang, ngày 11 tháng 7 năm 2019

**GIẤY XÁC NHẬN
ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

Công ty cổ phần IBT đã đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án “Xây dựng nhà máy sản xuất ngành may mặc BGG”, địa điểm thực hiện tại Lô A3, A7, cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, xã Tân Thịnh, huyện Lạng Giang với quy mô, công suất 6.000.000 sản phẩm/năm tại Sở Tài nguyên và Môi trường vào ngày 08 tháng 7 năm 2019.

Công ty cổ phần IBT có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau đây:

1. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất trong bản kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký.

2. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký và thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 33 Luật bảo vệ môi trường.

3. Tổ chức thực hiện các công trình quản lý, xử lý chất thải theo nội dung kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký với thời hạn hoàn thành đã đề xuất.

4. Báo cáo kết quả hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường và thực hiện quan trắc chất thải định kỳ với tần suất 06 tháng/01 lần (được tích hợp trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ); bảo đảm nước thải, khí thải phải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải; thực hiện quản lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật.

Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của dự án, cơ sở. /

Nơi nhận:

- Công ty cổ phần IBT;
- Lưu: VT, MT.

Bản điện tử:

- GDS, PGDS -PT;
- UBND huyện Lạng Giang (kèm theo Quyển KHBVMT);
- UBND xã Tân Thịnh;
- CCBVMT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Vũ Văn Tường

UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2149 /TNMT-BVMT
Vv chấp nhận điều chỉnh tên chủ đầu tư tại
Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch BVMT

Bắc Giang, ngày 17 tháng 7 năm 2020

Kính gửi: Công ty cổ phần may BGG Lạng Giang

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được Công văn số 473/CV-BGG ngày 24/6/2020 của Công ty CP may BGG Lạng Giang về việc đề nghị điều chỉnh tên chủ đầu tư trong giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường do thay đổi tên doanh nghiệp (theo Nghị quyết 01/2020/NQ-ĐHCD đại hội cổ đông Công ty CP IBT lần I năm 2020, Công ty cổ phần IBT chia tách, thành lập Công ty CP may BGG Lạng Giang và đã được phòng đăng ký kinh doanh-Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 2400889424 đăng ký lần đầu ngày 16/6/2020).

Sau khi xem xét, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

Dự án “Xây dựng nhà máy sản xuất hàng may mặc BGG” tại lô A3, A7 Cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang do Công ty CP IBT làm chủ đầu tư được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận số 1830/GXN-TNMT ngày 11/7/2019.

Theo quy định tại khoản 6 Điều 19 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 19/5/2019 của Chính phủ thì: Trường hợp có thay đổi chủ dự án, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thì chủ dự án, chủ cơ sở mới có trách nhiệm tiếp tục thực hiện Kế hoạch bảo vệ môi trường được xác nhận đăng ký và thông báo cho cơ quan xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường biết việc thay đổi.

Từ các nội dung trên, Sở Tài nguyên và Môi trường chấp thuận điều chỉnh, thay đổi tên chủ đầu tư dự án “Xây dựng nhà máy sản xuất hàng may mặc BGG” tại Giấy xác nhận kế hoạch Bảo vệ môi trường trên từ Công ty cổ phần IBT thành Công ty cổ phần may BGG Lạng Giang. Yêu cầu Công ty cổ phần may BGG Lạng Giang có trách nhiệm tiếp tục thực hiện Kế hoạch Bảo vệ môi trường của dự án “Xây dựng nhà máy sản xuất hàng may mặc BGG” đã được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận đăng ký tại Giấy xác nhận số 1830/GXN-TNMT ngày 11/7/2019.

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo để Công ty cổ phần may BGG Lạng Giang biết và thực hiện theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, MT (2).

Bản điện tử:

- GĐS; PGĐS - PT;
- Phòng TN&MT H. Lạng Giang
- CCBVMT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Ký bởi Sở Tài nguyên và Môi trường (M)
Tỉnh Bắc Giang
Giờ ký: 2020-07-17T16:57:48.8682015+07:00

Vũ Văn Tường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIÊN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty Cổ Phần IBT

Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 2400508465 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 14/05/2010.

Đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 13/01/2019.

Địa chỉ thường trú: Số 800, Đường Lê Lợi, phường Đình Kế, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

CQ 066850

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: _____, Từ bản đồ số: _____
- b) Địa chỉ thừa đất: Lô A3, Cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.
- c) Diện tích: 10.974,7 m² (bằng chữ: Mười nghìn chín trăm bảy mươi tư phẩy bảy mét vuông)
- d) Hình thức sử dụng đất: riêng: 10.974,7 m², chung: _____ Không _____ m²
- e) Mục đích sử dụng: Đất cụm công nghiệp
- f) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 16/3/2056
- g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

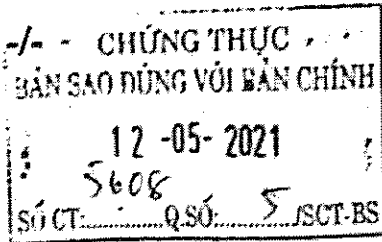
Tên công trình: Nhà xưởng.

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
Nhà xưởng	5.278,9	11.426,2	Sở hữu riêng	-/-	-/-

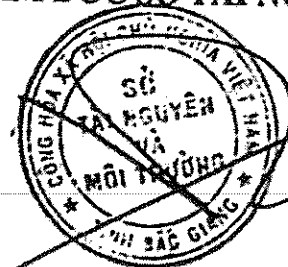
4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/- - CHỨNG THỰC

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:



Bắc Giang, ngày 11 tháng 7 năm 2019
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
TU. CHỦ TỊCH
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



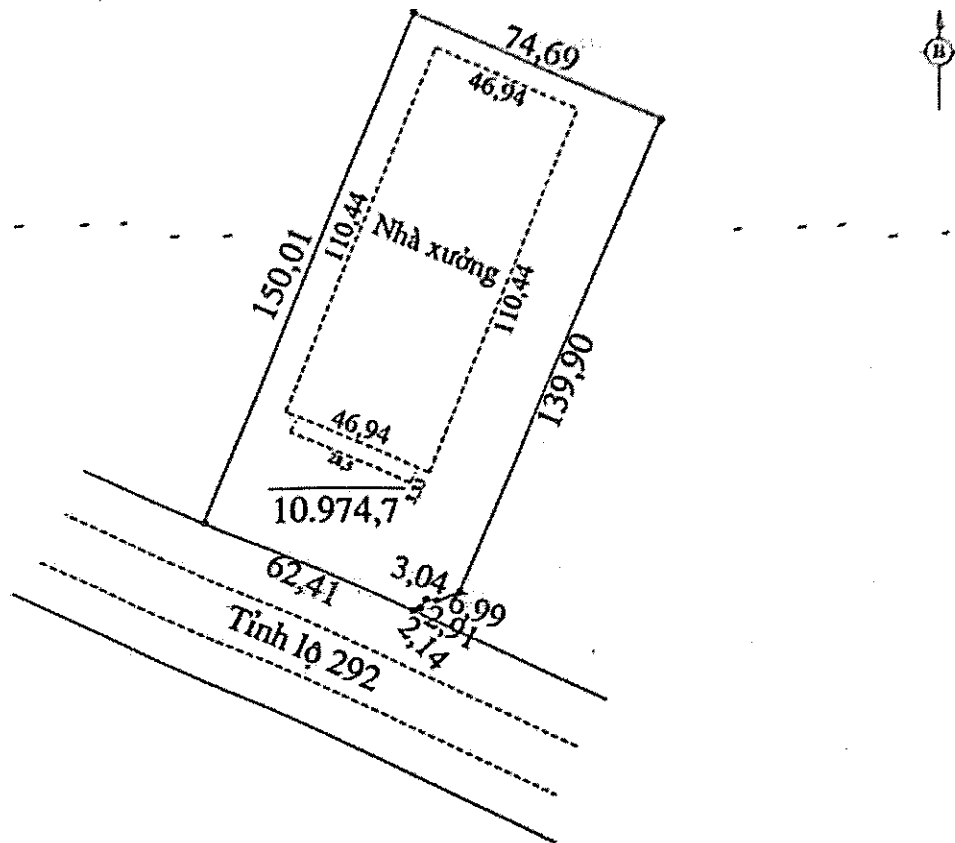
Số vào sổ cấp GCN: CS02291/1001

Vào sổ địa chính trang số: 7 ; Quyển số: 7

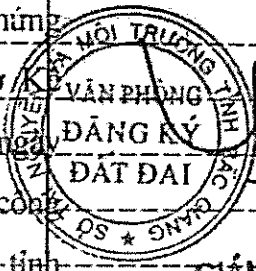
Trang 222/240

Lưu Xuân Vương

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
<p>Người sử dụng đất đổi tên từ Công ty cổ phần IBT thành Công ty cổ phần may BGG Lạng Giang, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400889524 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang đăng ký lần đầu ngày 16/6/2020, địa chỉ trụ sở chính: Lô A3 ± A7 cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, thị trấn Kép, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, theo hồ sơ số 00070.ĐKBD./0</p>	<p>Ngày 29/7/2024</p> <p></p> <p>GIÁM ĐỐC <i>Nguyễn Đình Cường</i></p>



IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

Kèm theo GEN này có cái máy bỏ súng số: 01.



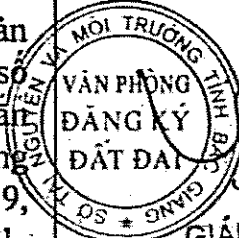
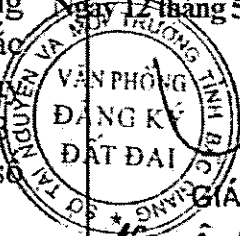

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số:

Tờ bản đồ số:

Số phát hành GCN: CQ 066850

Số vào sổ cấp GCN: CS02291/Q01

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
<p>Công ty cổ phần IBT đã thế chấp bằng tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai tại Ngân hàng Thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang (Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 279/19/HĐTC/BG ngày 17/4/2019) nay tài sản gắn liền với đất đã hình thành và tiếp tục thế chấp công trình nhà xưởng theo đơn đăng ký ngày 12/8/2019, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số PL01-279/19/HĐTC/BG ngày 12/8/2019; hồ sơ ĐKBD số 000218./</p>	<p>Ngày 19 tháng 8 năm 2019</p> <p></p> <p>GIÁM ĐỐC <i>Nguyễn Đình Chăng</i></p>
<p>Đăng ký thay đổi nội dung thế chấp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang theo phiếu yêu cầu đăng ký thay đổi ngày 11/5/2021 (hợp đồng sửa đổi, bổ sung số PL01-279/19/HĐTC/BG ngày 11/5/2021), hồ sơ số 000135./</p>	<p>Ngày 12 tháng 5 năm 2021</p> <p></p> <p>GIÁM ĐỐC <i>Nguyễn Đình Chăng</i></p>
<p></p> <p>CÔNG CHỨNG VIÊN <i>Nguyễn Thị Thảo</i></p>	

Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý



Trang bổ sung số: 01

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
<i>(Chuyển tiếp Trang bổ sung số: ...)</i>	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

Công ty cổ phần may BGG Lạng Giang

**Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2400889524 do Phòng
Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp
ngày 16/6/2020.**

**Địa chỉ trụ sở chính: Lô A3 + A7, cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, thị
trấn Kép, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.**

CY 210660

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- Thừa đất số: 63, tờ bản đồ số: 34
- Địa chỉ: Lô A3, A7 Cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
- Diện tích: 14.445,0 m² (Bằng chữ: Mười bốn nghìn bốn trăm bốn mươi lăm mét vuông)
- Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
- Mục đích sử dụng: Đất cụm công nghiệp
- Thời hạn sử dụng: Đến ngày 16/3/2056
- Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

Tên công trình: Nhà xưởng số 2.

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²)	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
Nhà xưởng số 2	6.621,0	19.863,0	Riêng	-/-	-/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: -/-



Bắc Giang, ngày 07 tháng 5 năm 2021

T.M ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

TUO CHỦ TỊCH

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

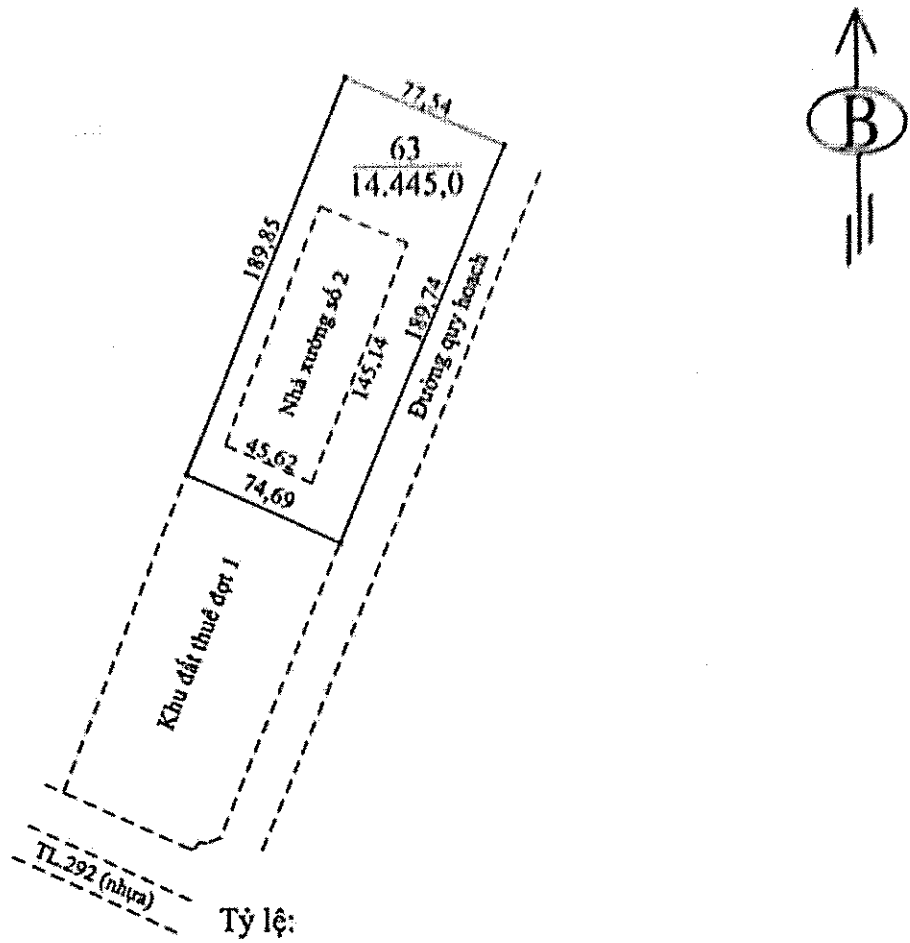


Đào Duy Trọng

Số vào sổ cấp giấy: ...CS.00.870/603

Vào sổ địa chính trang số: 221...; Quyền số: ...400

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền



Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

Kèm theo GCN này có các Trang bổ sung số: 01



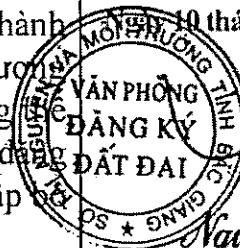
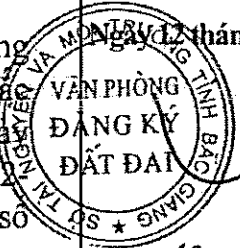

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 01

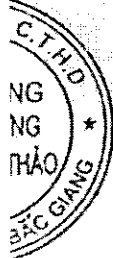
Tờ bản đồ số: TĐ 04-2020

Số phát hành GCN: CY 210660

Số vào sổ cấp GCN: CS 00870/Q03

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
<p>Đã thế chấp bằng tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Giang theo hợp đồng thế chấp số 008/20/HĐTC/BG ngày 20/01/2020 (đã đăng ký trên GCN CT519166) nay cấp đổi GCN do cấp sung quyền sở hữu tài sản./</p> <p>Đăng ký thay đổi nội dung thế chấp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang theo phiếu yêu cầu đăng ký thay đổi ngày 11/5/2021 (hợp đồng sửa đổi, bổ sung số PL02/008/20/HĐTC/BG ngày 11/5/2021), hồ sơ số 000136./</p>	<p>Ngày 12 tháng 5 năm 2021</p> <p></p> <p>GIÁM ĐỐC <i>Nguyễn Đình Chưởng</i></p> <p>Ngày 12 tháng 5 năm 2021</p> <p></p> <p>GIÁM ĐỐC <i>Nguyễn Đình Chưởng</i></p>
<p style="text-align: center;">CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH</p> <p style="text-align: center;">12 -05- 2021</p> <p style="text-align: center;">Số CT 5609 q.số: 5 /SCT-BS</p> <p style="text-align: center;"></p> <p style="text-align: center;">CÔNG CHỨNG VIÊN <i>Nguyễn Thị Thảo</i></p>	

Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý



Trang bổ sung số: 01

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
<i>(Chuyển tiếp Trang bổ sung số: ...)</i>	

Số: 551 /GP-TNMT

Bắc Giang, ngày 30 tháng 9 năm 2020

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Chính phủ Quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, giá hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 768/QĐ-UBND ngày 18/11/2014 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định một số nội dung về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Công ty cổ phần May BGG Lạng Giang và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên nước tại Báo cáo thẩm định số 54/TNN-BCTĐ ngày 28 tháng 9 năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty cổ phần May BGG Lạng Giang (địa chỉ: Lô A3+A7, cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, thị trấn Kép, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang) được xả nước thải vào nguồn nước, với các nội dung như sau:

1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung của khu vực thị trấn Kép, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

2. Vị trí xả nước thải:

- Lô A3, A7, cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, thị trấn Kép, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107⁰, múi chiếu 3⁰):

$$X = 2350\ 629; Y = 489\ 062$$

3. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

4. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn.



5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 145 m³/ngày đêm.

6. Chất lượng nước thải sinh hoạt:

Thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải không vượt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, C_{max} ($C_{max} = C \cdot K$; hệ số $K = 1,0$), cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Giá trị giới hạn tối đa
1	pH	-	5,0 - 9,0
2	BOD5 (20 °C)	mg/l	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4
6	Amoni (NH ₄ ⁺)	mg/l	10
7	Tổng Nitrat (N)	mg/l	50
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20
9	Tổng chất hoạt động bề mặt	mg/l	10
10	Tổng Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000

7. Thời hạn của giấy phép là ba (03 năm), kể từ ngày ký Giấy phép.

Điều 2. Công ty cổ phần May BGG Lạng Giang chỉ được xả nước thải vào nguồn nước theo nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này nếu đảm bảo các yêu cầu sau đây:

1. Thực hiện đúng các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép và Báo cáo hiện trạng đã được phê duyệt; trong quá trình xả nước thải vào nguồn nước nếu có những thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 và nội dung cam kết trong Báo cáo thì chủ cơ sở phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi sau khi được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản.

2. Lắp đặt thiết bị giám sát lưu lượng nước xả thải và lập sổ theo dõi lượng nước xả thải.

3. Thực hiện quan trắc định kỳ chất lượng nước thải và nguồn nước tiếp nhận như sau:

a) Quan trắc chất lượng nước thải tại (02) hai vị trí: 01 điểm trước hệ thống xử lý nước thải (bể thu gom nước thải tập trung), 01 điểm sau hệ thống xử lý nước thải trước khi chảy ra ngoài môi trường.

b) Quan trắc chất lượng nguồn nước tiếp nhận: (01) một điểm tại khu vực tiếp nhận nguồn nước thải của Công ty.

c) Thông số quan trắc:

- Lưu lượng nước thải tại các vị trí quy định tại điểm a, khoản 3, Điều này.

- Chất lượng nước thải sinh hoạt: các thông số quy định theo khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này.

- Chất lượng nguồn tiếp nhận: Các thông số quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08-MT: 2015/BTNMT.

d) Tần suất quan trắc:

- Nước thải trước xử lý và sau xử lý: 04 lần/năm (tháng 3, tháng 6, tháng 9, tháng 12) tại bể thu gom nước thải trước khi vào hệ thống xử lý.

- Nguồn nước tiếp nhận: 02 lần/năm (tháng 6, tháng 12) đối với nguồn nước nơi tiếp nhận nước thải của Công ty.

4. Định kỳ thực hiện việc nạo vét các cống, rãnh thu gom nước thải và các bể xử lý nước thải đảm bảo được hiệu quả của hệ thống xử lý nước thải; thu gom vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình, thiết kế nêu trong hồ sơ, bảo đảm các thông số chất lượng nước thải luôn đạt quy định tại khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này trước khi xả vào nguồn tiếp nhận. Trường hợp có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định thì phải ngừng ngay việc xả nước thải để khắc phục.

5. Thực hiện đúng cam kết như đã nêu trong hồ sơ đề nghị cấp phép xả nước thải vào nguồn nước.

6. Khi những Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt ở trên được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải khi xả ra nguồn tiếp nhận và giá trị giới hạn các thông số chất lượng nước mặt áp dụng theo Quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam hiện hành.

7. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý tài nguyên nước và môi trường ở Trung ương và địa phương. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép và cơ quan chức năng ở địa phương nếu có sự cố bất thường về hệ thống công trình xả nước thải hoặc những ảnh hưởng xấu tới số lượng, chất lượng nguồn nước và môi trường do xả nước thải gây ra.

8. Báo cáo hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường và Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Lạng Giang trước ngày 30 tháng 01 hàng năm tiếp theo; Nội dung, yêu cầu đối với báo cáo hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước thực hiện theo quy định Điều 10 Thông tư số 31/2018/TT-BTNMT ngày 26/12/2018.

9. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước.

10. Xây dựng phương án ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước.

Sau khi được cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, nếu Công ty cổ phần May BGG Lạng Giang vi phạm các quy định của pháp luật về tài nguyên nước và các văn bản pháp luật liên quan hoặc không thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước và trong hồ sơ đã cam kết thì sẽ bị đình chỉ hoặc thu hồi theo quy định và phải chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về các vấn đề có liên quan.

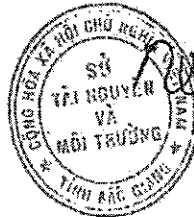
Điều 3. Công ty cổ phần May BGG Lạng Giang được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1, Điều 38 của Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Công ty cổ phần BGG Lạng Giang còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung như Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép xả thải vào nguồn nước theo quy định./.

Nơi nhận: *ĐX*

- UBND tỉnh (b/c);
- Cục quản lý TNN (b/c);
- L&DS (GD, PGD-PT);
- P.TN&MT huyện Lạng Giang (giám sát);
- Công ty CP May BGG Lạng Giang (T/h);
- VPS (K.toán, một cửa), TNN;
- Lưu: VT, Hồ sơ.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Ngô Văn Xuyên

Số: 5142/SGTVT - QLKC

Bắc Giang, ngày 28 tháng 1 năm 2018

V/v Chấp thuận thiết kế và cấp phép thi công công trình: Đầu nối đường vào nhà máy sản xuất phụ kiện ngành may tại Km2+420 bên phải tuyến ĐT.292, huyện Lạng Giang.

Kính gửi: Công ty Cổ phần IBT

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính Phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Thông tư số 50/2015/TT -BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010; Thông tư số 35/2017/TT -BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi một số điều của Thông tư 50/2015/TT - BGTVT;

Căn cứ Quyết định số 05/2018/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành quy định một số nội dung về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh, đường đô thị, đường huyện, đường xã trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định chủ trương đầu tư số 152/QĐ-UBND ngày 16/3/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang;

Sau khi xem xét Đơn xin chấp thuận thiết kế và cấp giấy phép thi công xây dựng công trình ngày 19/11/2018 của Công ty Cổ phần IBT về việc xin chấp thuận xây dựng công trình: Đầu nối đường vào nhà máy sản xuất phụ kiện ngành may tại Km2+420 bên phải tuyến ĐT.292, huyện Lạng Giang và Hồ sơ thiết kế công trình. Qua kiểm tra thực tế hiện trường, đối chiếu với các quy định hiện hành, Sở Giao thông vận tải Bắc Giang có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận thiết kế và cấp phép thi công xây dựng: cho Công ty Cổ phần IBT (địa chỉ: Lô 18, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Hoàng Văn Thụ, TP Bắc Giang, Điện thoại: 0935.488.888) để thực hiện công trình: Đầu nối đường vào nhà máy sản xuất phụ kiện ngành may tại Km2+420 bên phải tuyến ĐT.292, huyện Lạng Giang với các nội dung sau:

a. Quy mô xây dựng: Vị trí đầu nối: ĐT.292 tại Km2+420 bên phải tuyến, xã Tân Thịnh, huyện Lạng Giang.

- Đường nhánh đầu nối có chiều rộng mặt đường $B_m=11,0m$; hè đường lát gạch tự chèn, bó vỉa vát W26x23; bán kính vuốt nối ra đường ĐT.292 là $R_1=R_2=10m$; Dốc ngang mặt đường 1,5%. Kết cấu mặt đường: bê tông xi măng mác 250 dày 24cm, lớp cấp phối đá dăm loại 2 dày 15cm.

- Hệ thống thoát nước: Thiết kế công tròn BTCT D800 kết nối với công dọc hiện trạng ĐT.292 đặt cách mép đường ĐT.292 khoảng cách 2,4m và có hố ga thu nước hai bên khu vực nút giao đảm bảo thoát nước.

- Hệ thống an toàn giao thông: Bố trí biển báo W.207b, W.07c "giao nhau với đường không ưu tiên". Bố trí biển báo W.208 "giao nhau với đường ưu tiên" và giảm tốc trên đường nhánh từ nhà máy ra ĐT.292.

(Chi tiết theo Hồ sơ thiết kế đấu nối)

b. Trong quá trình thi công:

Bố trí biển báo công trường thi công, có người cảnh giới, hướng dẫn giao thông trong quá trình thi công; khi ngừng thi công phải có báo hiệu an toàn theo quy định như: biển chỉ dẫn, cờ và đèn đỏ vào ban đêm. Bố trí cọc sơn phản quang, băng phản quang tại các vị trí thi công tiếp giáp đường giao thông. Cắm biển số W441(a,b,c) "báo hiệu phía trước có công trường thi công" tại hai đầu đoạn đường thi công. Quá trình thi công không được làm ảnh hưởng đến kết cấu chịu lực và chất lượng của tuyến ĐT.292.

Mọi vật tư, vật liệu, máy móc thiết bị thi công được tập kết gọn gàng không để ảnh hưởng đến giao thông, không để ùn tắc giao thông trong quá trình thi công. Không để khói, bụi gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến an toàn giao thông trên đường bộ đang khai thác. Không sử dụng xe quá khổ, quá tải trong quá trình thi công (kể cả xe của các Đơn vị cung cấp vật liệu xây dựng, thiết bị cho dự án).

2. Các yêu cầu đối với đơn vị được cấp Giấy phép và đơn vị thi công công trình:

Trước khi thi công công trình Công ty Cổ phần IBT hoặc đơn vị thi công phải mang Hồ sơ thiết kế được cấp phép đến làm việc trực tiếp với Công ty CP Đường bộ Bắc Giang (địa chỉ: xã Xương Giang, thành phố Bắc Giang; điện thoại: 02043.854.601 hoặc Hạt quản lý đường bộ Lạng Giang) để được hướng dẫn, nhận bàn giao mặt bằng hiện trường và thống nhất các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông trên đường trong quá trình thi công theo quy định của pháp luật.

Sau khi nhận bàn giao mặt bằng hiện trường, đơn vị thi công công trình: tổ chức thi công theo Hồ sơ thiết kế được cấp phép, chịu trách nhiệm tổ chức đảm bảo an toàn giao thông, không để ách tắc giao thông; chịu sự kiểm tra, kiểm soát của đơn vị quản lý đường bộ, Thanh tra giao thông vận tải và cơ quan có thẩm quyền khác; chịu mọi trách nhiệm nếu để xảy ra tai nạn giao thông trên đường bộ tại các vị trí xây dựng và các chi phí thiệt hại khác (nếu có), ngoài ra còn chịu xử lý theo quy định của pháp luật. Nếu đơn vị thi công công trình không thực hiện tổ chức giao thông, gây mất an toàn giao thông trên đường bộ sẽ bị đình chỉ thi công.

Trong quá trình thi công xây dựng công trình, Công ty Cổ phần IBT phải phối hợp chặt chẽ với các đơn vị có công trình ngầm, nổi nằm trong mặt bằng thi công để cùng giải quyết, xử lý các vướng mắc (nếu có); tuyệt đối không được làm ảnh hưởng đến các công trình ngầm, nổi khác đã được lắp đặt trước; khi xây dựng công trình phải bố trí đầy đủ người hướng dẫn giao thông, rào chắn ngăn cách giữa khu vực thi công và phần đường khai thác.

Sau khi thi công công trình xong Công ty Cổ phần IBT thu dọn vật liệu thừa, phế thải tại hiện trường sạch sẽ và lập hồ sơ hoàn công công trình, tổ chức nghiệm thu công trình nêu trên cùng với Công ty CP Đường bộ Bắc Giang.

Sau này khi ngành giao thông mở rộng, nâng cấp cải tạo đường bộ mà phải di chuyển, tháo dỡ hoặc nâng cấp, cải tạo công trình xây dựng nêu trên thì Công ty Cổ phần IBT sẽ tự tháo dỡ, di chuyển, nâng cấp, cải tạo theo yêu cầu của ngành GTVT mà không có bồi thường, hỗ trợ.

Công ty Cổ phần IBT chịu trách nhiệm quản lý và bảo trì công trình nêu trên; việc sửa chữa, bảo trì thường xuyên công trình không phải đề nghị cấp phép thi công nhưng phải báo cáo Sở GTVT Bắc Giang về thời gian sửa chữa bằng văn bản và chịu mọi trách nhiệm nếu để xảy ra tai nạn giao thông.

3. Thời hạn thi công đầu nối công trình: Từ ngày ký ban hành Văn bản này đến ngày 01/6/2019, quá thời hạn quy định này thì phải xin gia hạn.

4. Trách nhiệm của các đơn vị:

a) Công ty CP Đường bộ Bắc Giang: Thường xuyên tổ chức kiểm tra việc chấp hành Giấy phép thi công của đơn vị thi công công trình trong suốt quá trình thi công. Trường hợp đơn vị thi công công trình không thực hiện các nội dung nêu trên, không đảm bảo an toàn giao thông thì báo cáo Sở bằng văn bản để thu hồi Giấy phép thi công. Phối hợp với Thanh tra giao thông vận tải xử lý các vi phạm về an toàn giao thông theo quy định.

Lưu trữ hồ sơ hoàn công công trình và bổ sung, cập nhật công trình nêu trên vào hồ sơ quản lý các tuyến đường.

b) Thanh tra giao thông vận tải: Chánh thanh tra Giao thông vận tải chỉ đạo đội thanh tra kiểm tra, xử lý các vi phạm về an toàn giao thông và bảo vệ công trình giao thông theo quy định hiện hành.

c) Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông: Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện giấy phép thi công này về thời gian và nội dung giấy phép.

Căn cứ vào các nội dung nêu trên, Công ty Cổ phần IBT và các đơn vị có liên quan triển khai, thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

Bản điện tử:

- PGĐ Thanh;
- Phòng QLKCHTGT;
- Thanh tra GTVT;
- Cty CP Đường bộ BG.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Hoàng Văn Thanh

CÔNG TY ĐIỆN LỰC BẮC GIANG
ĐIỆN LỰC LẠNG GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2271 /TT-DLG

Lạng Giang, ngày 09 tháng 11 năm 2018.

THỎA THUẬN ĐẦU NỐI VÀ CÁC YÊU CẦU KỸ THUẬT CƠ BẢN
Giữa Điện lực Lạng Giang và Công ty cổ phần IBT

- Căn cứ thông tư số 39/2015/TT-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quy định hệ thống điện phân phối;
 - Thông tư 24/2016/TT-BCT ngày 30/11/2016 của Bộ Công thương, Quy định một số nội dung về rút ngắn thời gian tiếp cận điện năng.
 - Căn cứ hồ sơ đề nghị đầu nối ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Công ty cổ phần IBT;
 - Căn cứ biên bản khảo sát thỏa thuận phương án đầu nối và cấp điện lập ngày 09/11/2018;
 - Căn cứ hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công do Công ty TNHH xây dựng và thương mại 279 Bắc Giang lập;
 - Căn cứ vào yêu cầu và khả năng cung cấp dịch vụ phân phối điện,
- Hôm nay, ngày 09 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Điện lực Lạng Giang, chúng tôi gồm:

Bên A: Điện lực Lạng Giang

- Người đại diện: Ông **Lại Xuân Phụng** - Chức vụ: Giám đốc.
- Địa chỉ: Số 243 đường Cầu Trạm, Thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Điện thoại: 0204.3.786.378
- Tài khoản: Hiện đang sử dụng một trong số các tài khoản sau:

1- Tên tài khoản : Điện lực Lạng Giang

Số tài khoản : 116000023388

Mở tại : Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam-Chi nhánh Bắc-Giang

2- Tên tài khoản : Điện lực Lạng Giang

Số tài khoản : 2507211000796

Mở tại : Ngân hàng nông nghiệp & PTNT Việt Nam - Chi nhánh Huyện Lạng Giang Bắc Giang II.

3- Tên tài khoản : Điện lực Lạng Giang

Số tài khoản : 43110000666777

Mở tại : Ngân hàng TMCP Đầu tư & PT Việt Nam-Chi nhánh Bắc Giang

4- Tên tài khoản : Điện lực Lạng Giang

Số tài khoản : 0731000710875

Mở tại : Ngân hàng Vietcombank Bắc Giang - Chi nhánh Bắc Giang

- Mã số thuế: 0100100417-007.

Bên B: Công ty cổ phần IBT

- Người đại diện: Nguyễn Hữu Hùng. - Chức vụ: Giám đốc — *Chữ ký Nguyễn Hữu Hùng*

- Địa chỉ: Trụ sở chính: Số 800 đường Lê Lợi, phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Điện thoại: 0935488888.

- Tài khoản số:

- Mã số doanh nghiệp: 2400508465

Hai bên đồng ý ký kết Thỏa thuận đấu nối với các nội dung sau:

Điều 1. Điện lực Lạng Giang thống nhất phương án đấu nối công trình điện “Đường dây 35kV và Trạm biến áp 2x630kVA-35(22)/0,4kV cấp điện cho Công ty cổ phần IBT lô 03A cụm công nghiệp xã Nghĩa Hòa huyện Lạng Giang tỉnh Bắc Giang” vào lưới điện phân phối, cụ thể như sau:

1. Quy mô công trình:

a) Điểm đầu: Cột 41 lộ 371E7.13.

b) Điểm cuối: TBA Công ty cổ phần IBT lô 03A cụm công nghiệp xã Nghĩa Hòa huyện Lạng Giang tỉnh Bắc Giang.

c) Đường dây trung áp:

- Cấp điện áp đấu nối: 35kV.

- Dây dẫn: Dùng cáp bọc ACSR/XLPE/HDPE35kV-1x70mm².

- Số mạch: 01 mạch.

- Chiều dài tuyến: 15m.

- Kết cấu: Đường dây trên không.

- Chế độ vận hành: Mạng hở hình tia.

d) Trạm biến áp: π

- Kiểu trạm: Trạm treo.

- Công suất trạm: 2x630kVA-35(22)/0,4kV (Trước mắt lắp 01 MBA 630kVA).

2. Đo đếm điện năng: Hệ thống đo đếm điện năng 0,4 kV đặt tại đầu cực MBA phía 0,4 kV

3. Ranh giới đầu tư :

- Bên B: Đầu tư toàn bộ các vật tư thiết bị từ điểm đấu nối về phía phụ tải sử dụng điện (trừ công tơ đo bên A đầu tư).

- Bên A: Đầu tư công tơ điện và thực hiện đấu nối mạch nhị thứ hệ thống đo đếm điện năng.

4. Yêu cầu về giải pháp kỹ thuật:

4.1. Đường dây trung áp:

- Dây dẫn: Dùng cáp bọc ACSR/XLPE/HDPE35kV-1x70mm², chiều dài tuyến 15m.

- Xà: chế tạo từ thép hình mạ kẽm nhúng nóng, chiều dày lớp mạ $\geq 80\mu\text{m}$.

- Cách điện: Dùng chuỗi cách điện néo Polymer 35kV và Cách điện đứng PI-45kV/Polymer 35kV.

+ Phụ kiện đường dây sử dụng như sau:

- Ghép trên đường dây: Sử dụng ghép 3 bu lông, loại ghép 35/150, số lượng 02 ghép/1 vị trí. Đối với vị trí điểm đấu nối sử dụng ghép nhôm 3 bu lông bắt lèo kiểu chữ A, mỗi vị trí 02 quả ghép.

- Các phụ kiện sứ chuỗi, sứ đứng trên đường dây: Sử dụng phụ kiện kiểu đúc (không sử dụng kiểu dập) bằng hợp kim nhôm.

4.2 Trạm biến áp:

a) Phía trung áp:

- Sơ đồ nối điện chính: ĐZ 35kV – DCL - 35kV – SI - 35kV – MBA – Tủ 0,4kV.

- Kiểu trạm: Kiểu trạm treo ngoài trời.

- Công suất: 2x630kVA (Trước mắt lắp 01 MBA 630kVA). Điện áp: 35(22)/0,4kV.

- Tiếp địa trạm: Thực hiện một hệ thống nối đất chung cho các thiết bị điện cao và hạ áp của trạm biến áp với $R_{nd} \leq 1\Omega$.

- Trường hợp không thực hiện được hệ thống nối đất trị số $R_{nd} \leq 1\Omega$ thì áp dụng theo phương án như sau:

+ Sử dụng hai hệ thống nối đất riêng rẽ cho các thiết bị điện cao áp và hạ áp của TBA, khoảng cách giữa điện cực đất của thiết bị cao áp và điện cực đất của thiết bị hạ áp (cũng như khoảng cách giữa dây dẫn chôn ngầm nối với các điện cực đất của thiết bị cao áp và dây dẫn chôn ngầm nối với các điện cực đất của thiết bị hạ áp) không nhỏ hơn 2m. Hai hệ thống nối đất riêng rẽ này phải có trị số $R_{nd} \leq 4\Omega$.

+ Các tia nối đất từ mặt đất phải được luồn trong ống nhựa xoắn chịu lực HDPE cách khỏi mặt đất 3,0m (riêng tia nối đất trung tính MBA được luồn toàn bộ trong ống nhựa), toàn bộ các tia nối đất được ép sát vào chân cột và vỏ trạm đảm bảo an toàn trong vận hành.

- Máy biến áp: Công suất máy 630kVA-35(22)/0,4kV; Tổ nối dây Y(Δ)/Yo-12(11). Tổn hao $\Delta P_o \leq 780W$, $\Delta P_n \leq 5.570W$. Các cuộn dây cao thế, hạ thế sử dụng vật liệu đồng; Sứ máy biến áp dùng kiểu sứ gốm.

- Cột điện: Sử dụng cột bê tông ly tâm loại LT14, LT12 được sản xuất theo TCVN 5847-2016.

- Xà, giá đỡ: Các bộ xà đơn dùng sắt V75x75x7, các bộ xà kép dùng sắt V70x70x7. Các bộ xà sau khi chế tạo được mạ kẽm nhúng nóng, chiều dày lớp mạ $\geq 80\mu m$.

- Cách điện: Dùng sứ gốm PI-45kV/Polymer 35kV.

- Đóng cắt không tải TBA sử dụng bộ DCL kiểm chém ngang 35kV loại của Tuấn Ân sản xuất, cách điện bằng Polymer dẻo lắp trên đỉnh cột TBA đón đường dây đến. Bảo vệ MBA sử dụng bộ FCO-35kV loại của Tuấn Ân sản xuất, cách điện bằng Polymer dẻo.

- Chống sét van không khe hở ZnO có điện áp định mức 42kV, In: 10 kA do hãng Cooper hoặc Siemens sản xuất, có bộ phận ngắt kết nối kèm theo chống sét van. Dây nối đất CSV sử dụng dây đồng M50 và bắt đầu cột theo quy định. Bộ CSV được lắp tại mặt MBA.

- Dây dẫn, thanh dẫn xuống MBA: Dùng dây ACSR/XLPE/HDPE-35kV-1x70mm².

- Các đầu ty sứ MBA, CSV được che kín bằng chụp Silicone.

- Đầu nối hệ thống thanh dẫn vào thiết bị dùng trong trạm dùng đầu cốt đồng nhôm Tuấn Ân phù hợp với tiết diện dây dẫn.

b) Phía hạ áp:

- Tủ phân phối trọn bộ: 1000A-500V gồm có 01 ATM tổng 1000A; 01 đồng hồ Voonmet, 03 đồng hồ Ampemet; 03 TI loại 1000/5A. Cấp tổng hạ thế: sử dụng cáp tổng Cu/XLPE/PVC 1x240mm² 0,6/1 kV, 02 sợi cho 01 dây pha và cáp tổng Cu/XLPE/PVC 1x240mm² 0,6/1 kV 01 sợi cho 01 dây trung tính.

- Thanh cái tổng trong tủ dùng thanh đồng dẹt bọc ghen cách điện màu kiểu co ngót nóng, tủ điện có thanh trung tính riêng bằng đồng lắp cách điện với vỏ tủ, chống sét van loại GZ500 để bảo vệ quá điện áp phía 0,4 kV.

4.3. Hệ thống đo đếm:

- Đo đếm phía hạ thế tại đầu cực 0,4kV máy biến áp, vị trí lắp đặt công tơ điện tử cách MBA từ 2m trở lên.

4.4. Yêu cầu về biển báo an toàn:

Công trình điện phải có các loại biển báo an toàn theo quy phạm hiện hành và quy định của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, trong đó:

- Biển tên Trạm biến áp: Đặt tại các Trạm biến áp. Biển được làm bằng thép tấm, độ dày 1,0±0,05mm, kích thước 500x700mm. Biển được treo cố định bằng dây thép không rỉ hoặc bắt vít.

- Biển "CẤM LẠI GẦN! CÓ ĐIỆN NGUY HIỂM CHẾT NGƯỜI": Đặt biển trên vỏ trạm về phía dễ nhìn thấy tại trạm biến áp hợp bộ kiểu kín, trạm đóng cắt hợp bộ ngoài trời. Biển được làm bằng thép tấm, độ dày 1,0±0,05mm, kích thước 240x360mm. Biển được treo cố định bằng dây thép không rỉ hoặc bắt vít.

- Biển báo trên cột điện và các thiết bị điện khác thực hiện theo quy định của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

4.5. Các giải pháp kỹ thuật khác:

- Các yêu cầu kỹ thuật tại điểm đầu nối đáp ứng các quy định tại mục 1, chương 2 Thông tư 39/2015/TT-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

- Máy phát điện dự phòng (nếu có) phải đảm bảo:

+ Thiết bị chuyển nguồn máy phát điện (ATS hoặc cầu dao đảo chiều) phải có 4 cực đảm bảo cách ly cả dây pha và dây trung tính sau MBA ra khỏi phụ tải khi sử dụng máy phát điện dự phòng.

+ Nguồn máy phát điện phải có trung tính riêng (trung tính của máy phát điện, vỏ máy phát phải được nối đất đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật).

- Dầu MBA phải có tài liệu chứng minh không có chất PCB.

- Các vật tư thiết bị của công trình điện được thí nghiệm xác nhận đạt tiêu chuẩn kỹ thuật vận hành tại phòng thí nghiệm của Công ty Điện lực Bắc Giang trước khi lắp đặt và/hoặc sau khi lắp đặt theo quy định hiện hành (danh mục vật tư thiết bị cần thí nghiệm theo phụ lục kèm theo).

- Hành lang an toàn đảm bảo theo nghị định 14/2014/NĐCP ngày 26/02/2014 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện.

- Các giải pháp kỹ thuật khác nhất trí theo nội dung báo cáo KTKT và đảm bảo theo quy phạm trang bị điện ban hành kèm theo quyết định số 19/2006/QĐ-BCN ngày 11/7/2006 của Bộ Công Nghiệp (nay là Bộ Công thương).

5. Các hồ sơ kèm theo:

5.1. Tài liệu đính kèm số 1:

- Hồ sơ đăng ký đấu nối của bên B.
- Biên bản khảo sát thống nhất một số nội dung liên quan đến phương án đấu nối và cấp điện.
- Sơ đồ đấu nối công trình điện (kèm theo phụ lục văn bản này).
- Danh mục vật tư thiết bị cần thí nghiệm (kèm theo phụ lục văn bản này).

5.2. Tài liệu đính kèm số 2: (Bổ sung khi bên B đăng ký nghiệm thu đóng điện vận hành)

- Hồ sơ hoàn công công trình điện.
- Quyết định đặt tên, đánh số thiết bị của Giám đốc Điện lực Lạng Giang.
- Biên bản thoả thuận phân cấp quyền điều khiển, quyền kiểm tra đối với thiết bị giữa Điện lực Lạng Giang với bên B.
- Danh sách nhân viên vận hành của bên B (nếu hồ sơ đăng ký đấu nối chưa có hồ sơ này).
- Biên bản nghiệm thu nguội.
- Biên bản nghiệm thu đóng điện vận hành.
- Các biên bản, thoả thuận bổ sung khác khi đóng điện vận hành (nếu có).

Điều 2. Trách nhiệm của các bên

1. Trách nhiệm của Bên A:

Bên A có trách nhiệm đầu tư xây dựng, cải tạo lưới điện phân phối để kết nối với lưới điện của Bên B theo đúng ranh giới đầu tư xây dựng quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thỏa thuận đấu nối này.

2. Trách nhiệm của Bên B:

a) Bên B có trách nhiệm đầu tư công trình điện của mình để kết nối với lưới điện của Công ty Điện lực Bắc Giang theo đúng ranh giới đầu tư xây dựng quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thỏa thuận đấu nối này. Trước khi triển khai thi công, Bên B có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công công trình theo các nội dung đã thoả thuận tại mục 4, điều 1 văn bản này, tập hợp hồ sơ thiết kế thi công đã hoàn thiện và hồ sơ hoàn công công trình gửi bên A khi đăng ký nghiệm thu đưa công trình vào vận hành.

b) Bên B cam kết quản lý, vận hành công trình điện của mình tuân thủ Thông tư số 39/2015/TT-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quy định hệ thống điện phân phối và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Ngày đấu nối



Ngày đầu nối dự kiến: Tháng 12 năm 2018.

Điều 4. Chi phí kiểm tra và thử nghiệm bổ sung

Chi phí kiểm tra và thử nghiệm bổ sung trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 52 Thông tư số 39/2015/TT-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quy định hệ thống điện phân phối được hai bên thống nhất như sau: Trường hợp kiểm tra phát hiện các vật tư, thiết bị thuộc công trình điện của bên B hư hỏng, xuống cấp không đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn, có nguy cơ xảy ra sự cố, bên A có quyền yêu cầu và bên B có trách nhiệm thực hiện thí nghiệm bổ sung, kiểm tra, sửa chữa, khắc phục.

Điều 5. Các thỏa thuận khác

1. Bên B cam kết:

- Bên B có trách nhiệm đảm bảo công trình điện được xây dựng phù hợp với quy hoạch phát triển Điện lực tỉnh Bắc Giang và các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng hiện hành.

- Bên B cam kết lắp đặt và sử dụng công suất điện, điện áp của MBA đúng theo nội dung đã đăng ký, cam kết. Trường hợp sau khi đưa công trình điện vào vận hành, quá 6 tháng liên tiếp công suất sử dụng điện trung bình hàng tháng nhỏ hơn 30% công suất định mức của máy biến áp thì trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày bên A gửi thông báo, bên B có trách nhiệm thay máy biến áp bằng máy biến áp khác phù hợp với công suất sử dụng hoặc đồng ý cùng bên A tính toán thống nhất phương án bồi thường chi phí tổn thất điện năng cho bên A do non tải máy biến áp gây ra.

2. Khi hệ thống thiếu nguồn điện bên A được quyền tạm ngừng cung cấp điện cho bên B.

3. Trong quá trình vận hành, khi có sự thay đổi hay sửa chữa liên quan tới điểm đầu nối hoặc thiết bị đầu nối, bên có thay đổi phải thông báo bằng văn bản và gửi các tài liệu kỹ thuật liên quan tới bên kia; soạn thảo Phụ lục Thỏa thuận đầu nối để cả hai bên ký làm tài liệu kèm theo Thỏa thuận đầu nối này. Trường hợp do thay đổi sơ đồ lưới điện khu vực, cần đánh lại số hiệu cột điểm đầu, số hiệu lộ xuất tuyến đường dây...nhưng không làm thay đổi kết cấu, tình trạng kỹ thuật điểm đầu nối thì Điện lực sở tại sẽ thông báo cho bên B bằng văn bản để lưu hồ sơ và phối hợp thực hiện, khi đó không cần thiết phải ký lại thỏa thuận đầu nối công trình.

4. Đối với các nội dung khác có liên quan đến việc đầu nối công trình điện không ghi trong bản thỏa thuận này, hai bên cam kết tuân thủ theo quy định tại thông tư số 39/2015/TT-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quy định hệ thống điện phân phối.

Điều 6. Tách đầu nối

1. Bên B có quyền đề nghị tách đầu nối tự nguyện trong các trường hợp cụ thể và phải tuân theo các quy định có liên quan tại thông tư quy định hệ thống điện phân phối do Bộ Công thương ban hành.

2. Bên A có quyền tách đầu nối bắt buộc trong các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 53 thông tư số 39/2015/TT-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quy định hệ thống điện phân phối; khi công trình điện của bên B không đảm bảo tiêu chuẩn vận hành theo thỏa thuận tại Điều 4 văn bản này hoặc các trường hợp phải tách đầu nối bắt buộc khác do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Thỏa thuận đầu nối và các yêu cầu kỹ thuật này có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thời hạn có hiệu lực của thỏa thuận đầu nối:

- Thỏa thuận này có hiệu lực trong suốt thời gian bên B có yêu cầu đầu nối công trình điện vào hệ thống điện hoặc đến thời hạn do 02 bên thống nhất trong văn bản thỏa thuận khác thay thế.

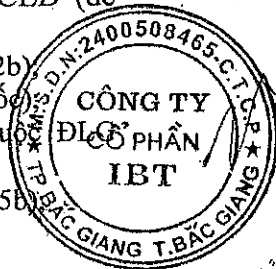
- Trường hợp quá thời hạn 24 tháng kể từ ngày ký thỏa thuận đầu nối này mà bên B chưa thực hiện đầu nối đưa công trình điện vào vận hành, thì 02 bên sẽ xem xét thỏa thuận lại phương án đầu nối khác phù hợp thực tế tại thời điểm đầu nối.

3. Thỏa thuận đầu nối này được làm thành 05 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 02 bản và 01 bản gửi tới cấp điều độ có quyền điều khiển./.

Nơi nhận:

- PCBG (b/c);
- Phân xưởng TN&SCLĐ (để phối hợp);
- Công ty cổ phần IBT (2b);
- P.KHKTAT (lưu HS gốc);
- Các bộ phận trực thuộc (phối hợp);
- Lưu VT, P.KHKTAT (5b).

**ĐẠI DIỆN BÊN B
CÔNG TY CỔ PHẦN
IBT**



**CHỦ TỊCH HĐQT
NGUYỄN HỮU HÙNG**

**ĐẠI DIỆN BÊN A
ĐIỆN LỰC
LANG GIANG
GIÁM ĐỐC**



Lại Xuân Phương

16000
IÊN L
NG GI
TY Đ
C GI
NG-T

1/5/2023

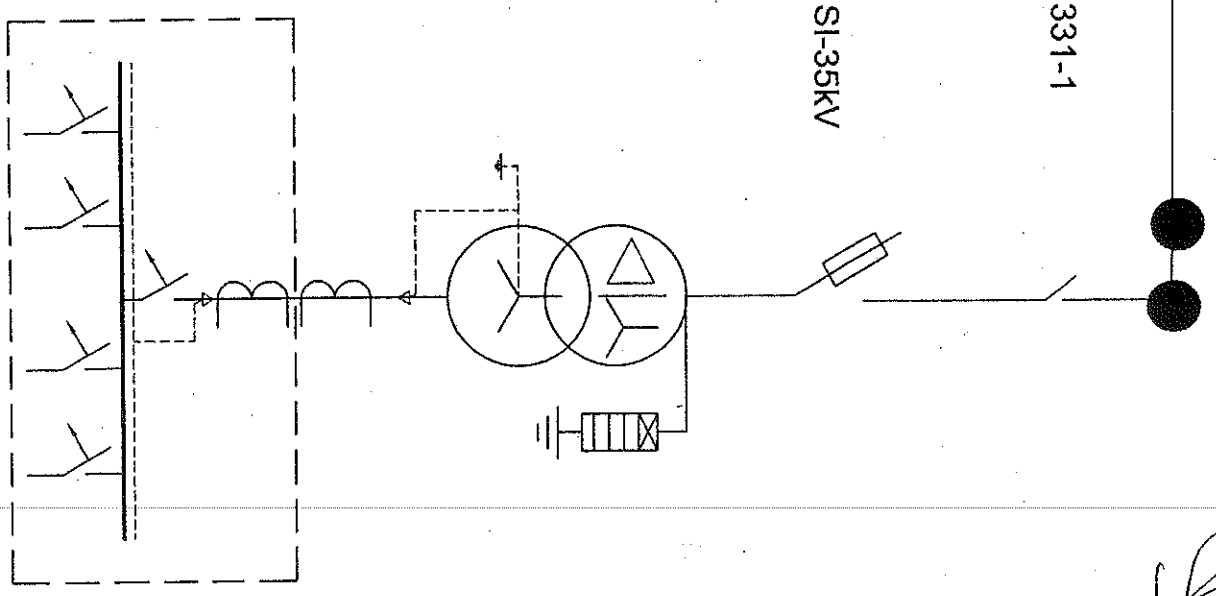
Đường dây 35KV đến
DCL chém ngang
SI-35KV
Chống sét van 42KV
Máy biến áp 630KVA-35(22)/0,4KV
Cấp hạ thế 3x(2xMM240)+1xMM240
TI đo đếm
TI tổng 1000/5A
Aptomat tổng 1000A
Thanh cái 0,4KV
03 ATM nhánh 300A, 01 ATM nhánh 200A

Cột 41
lộ 371 E7.13

Cột TBA

331-1

SI-35KV

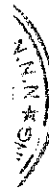


Phụ lục 2.

DANH MỤC THÍ NGHIỆM VTTB CÔNG TRÌNH ĐIỆN

(Kèm theo văn bản thỏa thuận)

TT	Tên VTTB	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Thí nghiệm MBA	cái	01	
2	Thí nghiệm TI hạ thế	Quá	03	
3	Thí nghiệm SI-35kV	Bộ	01	
4	Thí nghiệm CSV trung thế	Bộ	01	
5	Thí nghiệm CSV hạ thế	Bộ	01	
6	Thí nghiệm cáp trung áp, dây bọc phía trung áp ACSR/XLPE/HDPE-35kV-1x70	Sợi	01	
7	Thí nghiệm sứ cách điện			Toàn bộ
8	Thí nghiệm tiếp địa TBA	TBA	01	
9	Thí nghiệm ATM trong tủ PP	cái	05	
10	Thí nghiệm đồng hồ đo lường	cái	04	
11	Thí nghiệm DCL	Bộ	01	




CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Nghĩa Hòa, ngày 02 tháng 05 năm 2023

HỢP ĐỒNG

DỊCH VỤ THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ RÁC THẢI RẮN SINH HOẠT

Số: 02/2023/HĐ-DV

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2005/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13, thông qua ngày 24/11/2015;

Căn cứ Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc quy định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-UBND ngày 04/03/2019 của UBND huyện Lạng Giang về việc phê duyệt giá dịch vụ thu gom vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Lạng Giang;

Căn cứ nhu cầu của Công ty Cổ phần may BGG Lạng Giang và Hợp tác xã sản xuất, kinh doanh, dịch vụ Nông nghiệp Nghĩa Hòa

Hôm nay, ngày 02/05/2023 tại Công ty cổ phần may BGG Lạng Giang, địa chỉ: Lô A3+A7, Cụm Công Nghiệp Nghĩa Hòa, thị trấn Kép, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Chúng tôi gồm có:

BÊN THUÊ: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY BGG LẠNG GIANG

Sau đây gọi tắt là bên A

Đại diện là ông: Nguyễn Hữu Hùng - Chức vụ: Tổng Giám đốc

Địa chỉ: Lô A3+A7, Cụm Công nghiệp Nghĩa Hòa, thị trấn Kép, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Điện thoại: 02046.557.555.

Mã số thuế: 2400889524

Số tài khoản: 0731000866888 tại Ngân hàng Vietcombank Chi nhánh Bắc Giang

BÊN CHO THUÊ: HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT KINH DOANH, DỊCH VỤ VÀ NÔNG NGHIỆP NGHĨA HÒA

Sau đây gọi tắt là bên B

Đại diện là ông: **Đông Văn Chung** - Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ: Xã Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 0972290288 Fax..... Mã số thuế:

Giấy đăng ký kinh doanh số: 2006070000050

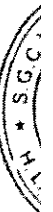
Tài khoản số: 2507201002988 tại Ngân Hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam Chi Nhánh huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Sau khi bàn bạc, hai bên cùng nhau thống nhất ký kết hợp đồng dịch vụ: Thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải rắn sinh hoạt với các nội dung cụ thể như sau:

Điều 1. Nội dung công việc:

1. Nội dung:

Bên A giao khoán cho bên B: Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải rắn sinh hoạt của bên A



Bên B sử dụng nhân công để thu gom rác thải rắn sinh hoạt thông thường và các loại rác thải rắn phát sinh từ sinh hoạt khác tại điểm tập kết của bên A và dùng phương tiện vận chuyển đến bãi rác thải tại khe Ao Muôn, thôn Đình Cầu, xã Nghĩa Hòa để xử lý.

2. Yêu cầu về công việc

+ Bên A: Thu gom, chứa đựng rác thải rắn sinh hoạt vào bao bì; túi nilon hoặc thùng chứa rác chuyên dụng và buộc miệng chắc chắn để tập kết tại bãi rác thải của bên A;

+ Địa điểm thu gom: Tại điểm tập kết rác thải của bên A (Công ty Cổ phần may BGG Lạng Giang tại Lô A3+A7, CCN Nghĩa Hòa, thị trấn Kép, huyện Lạng Giang);

+ Địa điểm xử lý: Tại bãi rác thải tập chung của xã Nghĩa Hòa;

+ Phương pháp thu gom: Thủ công kết hợp cơ giới;

+ Hình thức xử lý: Sử dụng phương pháp chôn lấp.

+ Thời gian: Một tuần 03 lần vào các ngày: Thứ 3; thứ 5 và thứ 7 hàng tuần do 2 bên sắp xếp thời gian phù hợp với lượng công việc thực tế.

3. Thời gian thực hiện hợp đồng: Từ ngày 05/05/2023 đến ngày 05/05/2024

Điều 2. Giá trị Hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá trị hợp đồng: 1.000.000đồng/tháng (Một triệu đồng chẵn).

2. Phương thức thanh toán.

+ Bên A thanh toán cho bên B: Theo kết quả công việc đã nghiệm thu

+ Thời điểm thanh toán: Từ ngày cuối cùng của tháng đến ngày 10 của tháng kế tiếp

+ Giá trị thanh toán: Theo kết quả công việc đã nghiệm thu

+ Phương thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản

Sau khi Hồ sơ quyết toán được người có thẩm quyền của bên A phê duyệt, các bên hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký, hai bên tiến hành ký biên bản thanh lý hợp đồng, Bên A sẽ thanh toán giá trị còn lại theo quyết toán được duyệt cho bên B.

3. Nghiệm thu

+ Căn cứ các quy định hiện hành của Nhà nước về nghiệm thu hợp đồng.

+ Các yêu cầu thực hiện công việc và chất lượng công việc nêu trong hợp đồng.

+ Các biên bản giám sát, kiểm tra và các chứng từ liên quan.

4. Quyền và nghĩa vụ của bên A

- Quyền của Bên A:

+ Giám sát, kiểm tra bên B thực hiện công việc nêu trong hợp đồng;

+ Nghiệm thu công việc đã hoàn thành.

+ Thanh quyết toán theo công việc đã được nghiệm thu.

- Nghĩa vụ của Bên A:

+ Bàn giao khối lượng rác thải sinh hoạt cho Bên B đúng thời gian và địa điểm quy định.

+ Nghiệm thu công việc hoàn thành và thanh toán cho Bên B đúng theo quy định tại hợp đồng đã ký.

5. Quyền và nghĩa vụ của bên B:

- Quyền của bên B:

10000
H
X, KD
ÔNG
NGHI
GIANG

+ Từ chối thu gom rác thải như: Rác thải y tế, rác thải công nghiệp, rác thải xây dựng và các loại rác thải nguy hại khác....

+ Kiến nghị bên A về việc điều chỉnh hợp đồng, giá trị hợp đồng.

+ Được thanh toán đúng hạn và theo quy định

- *Nghĩa vụ của bên B:*

+ Cung cấp cho Bên A giấy tờ cần thiết để thực hiện công việc trong hợp đồng

+ Thông báo về loại rác thải rắn được thu gom, yêu cầu phân loại rác thải tại nguồn thải, phương pháp và tần suất thu gom, thời gian và địa điểm thu gom...

+ Bảo đảm đủ yêu cầu về nhân lực, phương tiện, thiết bị thu gom, vận chuyển và nơi xử lý

6. Tạm dừng và chấm dứt hợp đồng

* **Tạm dừng hợp đồng:** Trường hợp tạm dừng hợp đồng phải được giải quyết theo trình tự thủ tục, thẩm quyền theo quy định Pháp luật hiện hành.

* **Chấm dứt hợp đồng:**

+ *Điều kiện chấm dứt hợp đồng:* Một trong hai bên không thực hiện hoặc vi phạm bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng mà không sửa chữa hoặc khắc phục việc vi phạm đó trong khoảng thời gian 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của bên kia.

+ *Thủ tục thực hiện chấm dứt hợp đồng:*

- Bên muốn chấm dứt hợp đồng gửi thông báo bằng văn bản trước 15 ngày cho bên kia.

- Nếu bên nào vi phạm dẫn đến phải chấm dứt Hợp đồng sẽ bị phạt số tiền bằng 30% giá trị của Hợp đồng đã ký cho bên kia.

7. Xử lý tranh chấp:

Trường hợp có tranh chấp liên quan đến Hợp đồng, hai bên có trách nhiệm gặp gỡ, trao đổi thảo luận với nhau để giải quyết.

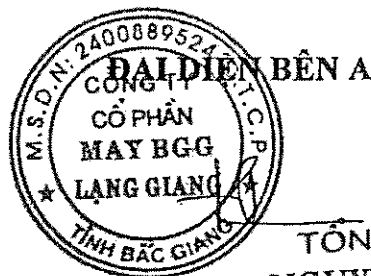
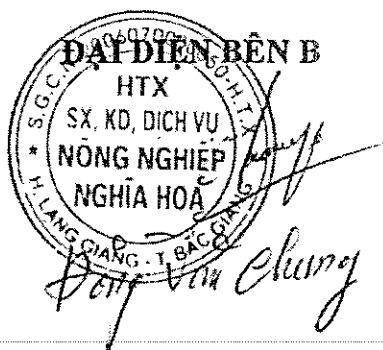
Trong trường hợp đàm phán giữa hai bên không thành thì phải đưa sự việc ra trọng tài kinh tế để giải quyết.

Trường hợp trọng tài kinh tế giải quyết không thành công, thì phải đưa ra tòa án của cấp có thẩm quyền để giải quyết theo quy định.

8. Hiệu lực của hợp đồng:

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ký.

Hợp đồng này được làm thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản để làm căn cứ thực hiện.



TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN HỮU HÙNG

UCCSL
H VU
HIỆP
CA
TRC

HỢP ĐỒNG
THU GOM, VẬN CHUYỂN, LƯU GIỮ VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI
Số: 07.03.2024/CNK-BGG

- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.
- Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường có hiệu lực từ ngày 10 tháng 01 năm 2022.
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài Nguyên Môi Trường Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường có hiệu lực từ ngày 10 tháng 01 năm 2022.
- Căn cứ năng lực của Công ty TNHH Môi trường Việt Tiến.
- Căn cứ nhu cầu của Công ty cổ phần may BGG Lạng Giang về việc vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại.

Hôm nay, ngày 25 tháng 03 năm 2024, chúng tôi gồm:

1. Bên A:

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN MAY BGG LẠNG GIANG**
- Địa chỉ : Lô A3+A7, Cụm Công Nghiệp Nghĩa Hòa , Thị Trấn Kép, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam.
- Đại diện : Ông Nguyễn Hữu Hùng Chức vụ : Tổng Giám đốc
- Điện thoại : 0935488888
- Mã số thuế : 2400889524
- Số tài khoản : 19166010666666 tại Ngân hàng MSB-CN Bắc Giang

2. Bên B:

- Tên giao dịch : **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VIỆT TIẾN**
- Địa chỉ : P15, Khu Đô Thị Phú Điền, Phường Đồng Nguyên, Thành phố Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh.
- Đại diện : Ông Đỗ Ngọc Sơn Chức vụ : Giám đốc
- Điện thoại : 0222.3624399
- Mã số thuế : 2300945951
- Số tài khoản : 8688988888 Tại NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hạ Long

Sau khi bàn bạc, trao đổi hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại với các nội dung sau đây:

ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG:

1. Bên A thuê Bên B và Bên B đồng ý thực hiện thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp, chất thải không nguy hại, chất thải nguy hại (Sau đây gọi tắt là chất thải) phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh từ nơi lưu chứa chất thải của Bên A đến khu lưu giữ và xử lý chất thải của Bên B.

2. Hợp đồng này có thời hạn kể từ ngày 01 tháng 04 năm 2024 đến ngày 01 tháng 04 năm 2025.

ĐIỀU 2. ĐỊA ĐIỂM GIAO NHẬN VÀ VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI:

1. Địa điểm giao nhận chất thải:

Tại kho lưu giữ chất thải nguy hại của :

- Công ty cổ phần may BGG Lạng Giang.
- Địa điểm: Lô A3+A7, Cụm Công Nghiệp Nghĩa Hòa, Thị Trấn Kép, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam.

2. Thời gian giao nhận: theo sự thống nhất của hai bên.

3. Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển.

4. Địa điểm xử lý chất thải: Toàn bộ chất thải y tế nguy hại Bên A giao cho Bên B được vận chuyển về tập trung, xử lý tại Nhà máy xử lý chất thải công nghiệp của Công ty TNHH Môi trường Việt Tiến - địa chỉ: Thôn Đồng Sài, xã Phù Lãng, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

ĐIỀU 3. ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN:

1. Đơn giá thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải tính bằng tiền Việt Nam đồng (chưa bao gồm thuế GTGT) được áp dụng như sau:

TT	Danh mục	Mã CTNH	Số lượng (Kg)	Đơn giá (VNĐ)	Phương Pháp xử lý
1	Dầu động cơ, hộp số bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	01	10.000	Theo quy định
2	Giẻ lau dính các TPNH	18 02 01	01	10.000	Theo quy định
3	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	01	10.000	Theo quy định
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	01	10.000	Theo quy định
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	01	10.000	Theo quy định
6	Ấc quy chỉ thải	19 06 01	01	10.000	Theo quy định
7	Pin thải	19 06 05	01	10.000	Theo quy định
8	Hộp mực in thải	08 02 04	01	10.000	Theo quy định
9	Mực in thải	08 02 01	01	10.000	Theo quy định
10	Bông băng, gạc y tế	13 01 01	01	10.000	Theo quy định
11	Rác thải công nghiệp		01	10.000	Theo quy định

2. Phí vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại được tính như sau (đã bao gồm thuế GTGT):

a) Nếu chỉ phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải tại một cơ sở phát sinh chất thải ≤ 14.000.000 đồng/01 lần vận chuyển (Mười bốn triệu đồng trên một lần vận chuyển) thì Bên B vẫn tính là 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng).

b) Nếu chi phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải tại một cơ sở phát sinh chất thải > 14.000.000 đồng/01 lần vận chuyển (*Mười bốn triệu đồng trên một lần vận chuyển*) khi nhân với đơn giá ở bảng đơn giá thì bên A phải chịu mức giá theo đơn giá bảng đơn giá trên.

3. Hai bên sẽ lập biên bản giao nhận chất thải cho từng chuyến làm cơ sở để hai bên thanh quyết toán hợp đồng. Trường hợp bên A phát sinh chất thải mới hai bên sẽ thống nhất phương án xử lý và đơn giá bổ sung tại phụ lục hợp đồng.

4. Đơn giá trên sẽ được điều chỉnh lại theo sự thay đổi của thị trường thông qua đàm phán và nhất trí giữa hai bên bằng văn bản.

5. Trường hợp Bên A không bàn giao chất thải cho Bên B thì Bên A vẫn phải chịu chi phí duy trì hợp đồng là 14.000.000 đồng/ 01 lần vận chuyển/trong thời hạn hợp đồng (*Mười bốn triệu đồng*) (đã bao gồm thuế GTGT).

ĐIỀU 4: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN:

1. Bên A thanh toán tiền tạm ứng cho bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản số tiền là: 14.000.000 đồng (*Mười bốn triệu đồng*) ngay sau khi hai bên ký kết Hợp đồng. Bên B sẽ không hoàn lại tiền tạm ứng cho bên A khi hết hạn hợp đồng (kể cả trong trường hợp Bên A không chuyển giao chất thải).

2. Bên A thanh toán phí phát sinh theo *Điều 3 (2)* bằng chuyển khoản hoặc bằng tiền mặt vào tài khoản của Bên B, chậm nhất sau bảy (07) ngày kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu khối lượng phát sinh.

ĐIỀU 5. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN A:

1. Bên A có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên B theo *ĐIỀU 3* của Hợp đồng.

2. Bên A có trách nhiệm cung cấp cho Bên B hồ sơ chất thải bao gồm nguồn gốc xuất xứ, mẫu biên bản bàn giao chất thải (nếu có).

3. Bên A có trách nhiệm bàn giao chất thải theo đúng quy định về lưu giữ chất thải nguy hại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT có hiệu lực từ ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4. Trước khi giao cho Bên B, Bên A có trách nhiệm thu gom, phân loại chất thải tại cơ sở phát sinh chất thải bên A theo đúng quy định pháp luật. Trong trường hợp có sự thay đổi về thành phần chất thải, Bên A phải thông báo trước cho Bên B để có phương án giải quyết kịp thời và điều chỉnh giá thành xử lý cho phù hợp.

5. Bên A tạo điều kiện cho Bên B trong việc thu gom và vận chuyển chất thải trong phạm vi của Bên A, hỗ trợ bên B xe nâng và công nhân vận hành xe nâng (nếu cần) xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển.

6. Bên A cử cán bộ xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển, xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng.

7. Bên A chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về các chất thải không bàn giao cho bên B vận chuyển và xử lý.

ĐIỀU 6. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN B:

1. Bên B có trách nhiệm thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật và Hợp đồng.

2. Bên B bố trí nhân công bốc xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển.

3. Bên B có trách nhiệm thông tin đầy đủ cho Bên A bằng văn bản về các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý.

4. Bên B hoàn thành đầy đủ chứng từ chất thải nguy hại theo quy định của luật pháp và giao lại chứng từ lưu cho bên A đúng thời hạn.

5. Trong trường hợp Bên B phát hiện một số hoặc toàn bộ chất thải không phù hợp với hồ sơ chất thải thì hai bên sẽ cùng nhau thỏa thuận giải quyết số chất thải đó theo đúng quy định hiện hành. Việc tiếp tục xử lý phần chất thải phát sinh trên thực hiện theo thỏa thuận giữa hai bên theo đúng quy định hiện hành và Bên A phải chịu hoàn toàn chi phí.

6. Bên B có quyền từ chối vận chuyển chất thải khi Bên A không có người bàn giao và xác nhận khối lượng.

7. Cán bộ, nhân viên của Bên B khi làm việc trong phạm vi của Bên A phải thực hiện tuân thủ các nội quy, quy định đối với nhà thầu của bên A.

ĐIỀU 7. BẢO MẬT:

1. Các Bên có trách nhiệm phải bảo mật tất cả những thông tin mà mình nhận được từ Bên kia trong suốt thời hạn và sau khi hết hạn của Hợp đồng này và phải thực hiện mọi biện pháp cần thiết duy trì tính bảo mật của thông tin này.

2. Mỗi Bên sẽ đối xử với các thông tin hợp đồng như là các thông tin mật, có giá trị và độc quyền, và sẽ không tiết lộ và đảm bảo rằng các nhân viên của mình cũng sẽ không tiết lộ bất kì thông tin Hợp đồng nào cho bất kỳ bên thứ ba nào khác nếu như không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên kia.

ĐIỀU 8. SỬA ĐỔI VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG:

1. Hợp đồng này và các phụ lục (nếu có) của Hợp đồng này có thể sửa đổi theo thỏa thuận bằng văn bản của các bên.

2. Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong trường hợp sau:

- Hợp đồng hết hạn;

- Hai Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng bằng văn bản;

ĐIỀU 9. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP:

1. Bất kỳ và mọi tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại phát sinh từ hoặc có liên quan đến Hợp đồng này trước hết sẽ được hai bên giải quyết bằng thương lượng và hòa giải trên cơ sở tinh thần hữu nghị và cùng có lợi.

2. Trong trường hợp không thể giải quyết được thông qua thương lượng và hòa giải, mỗi bên sẽ có quyền đệ trình tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại đó lên tòa án có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết.

ĐIỀU 10. BẤT KHẢ KHÁNG:

1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên, không dự đoán được hoặc không khắc phục được như động đất, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh và các thảm họa khác không lường trước được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

2. Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

- Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 07 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng;

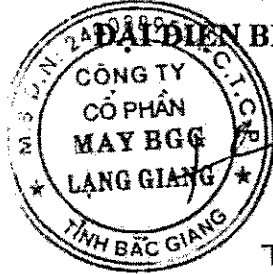
- Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

3. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng đúng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được các nghĩa vụ theo Hợp đồng của mình.

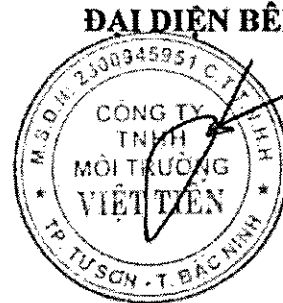
ĐIỀU 11. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG:

- Hai Bên chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ triển khai Hợp đồng, nếu có vấn đề gì cần giải quyết, hai bên kịp thời thông báo cho nhau bằng văn bản và chủ động bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo lợi ích của hai Bên.

- Hợp đồng được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau.



TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN HỮU HÙNG



GIÁM ĐỐC
Đỗ Ngọc Sơn



**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ETECH**

Đ/c: Số 172, đường Ngô Quyền, p.Kinh Bắc, tp. Bắc Ninh, Bắc Ninh

ĐT: 02223 858 256 - 0988 411 115 Email: etech@moitruongetech.vn

Số hiệu chứng nhận hoạt động môi trường: VIMCERTS 222

Số phiếu: 240122.01.0153

KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG**

Khách hàng:	Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn công nghệ môi trường ETECH - Chi nhánh Bắc Giang
Địa chỉ:	Thôn An Phong, xã Tân Tiến, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam
Địa điểm lấy mẫu:	Công ty Cổ phần may BGG Lạng Giang
Địa chỉ lấy mẫu:	Lô A3+A7, CCN Nghĩa Hòa, thị trấn Kép, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
Tọa độ:	N: 21°25'21,79 E: 106°15'33,54
Loại mẫu:	Nước thải
Ký hiệu mẫu:	NTSXL: Tại cống thoát nước thải sau xử lý trước khi thải ra ngoài môi trường
Ngày quan trắc:	10/01/2024
Tình trạng hoạt động sản xuất:	Đang hoạt động
Ngày thí nghiệm:	10/01/2024
Ngày trả kết quả:	22/01/2024

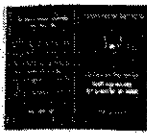
**II. KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

TT	Thông số	Đơn vị	Tên/Số hiệu phương pháp sử dụng	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT
					Cột B
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,07	5 - 9
2	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SOP:ET - 23	575	1000
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	48,2	100
4	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	13,6	50
5	Amoni (Tinh theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	<0,09	10
6	Photphat (PO ₄ ³⁻)	mg/L	TCVN 6202:2008	6,38	10
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (Tinh theo N)	mg/L	SMEWW 4500NO ₃ ⁻ :E:2017	1,69	50
8	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	TCVN 6637:2000	KPH	4
9	Dầu mỡ ĐTV	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	<0,9	20
10	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1-1996	<0,09	10
11	Coliform	MPN/100ml	TCVN 6187-2:1996	1700	5000

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQTAIT lấy về.

2. Quá thời hạn lưu mẫu PTN không giải quyết khiếu nại.

3. Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ETECH

Địa chỉ: Số 172, đường Ngô Quyền, p.Kinh Bắc, tp. Bắc Ninh, Bắc Ninh

ĐT: 02223 858 256 - 0988 411 115 Email: etech@moitruongetech.vn

Số hiệu chứng nhận hoạt động môi trường: VIMCERTS 222

Ghi chú:

- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn Quốc gia về nước thải sinh hoạt
- + Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột B1 và B2 của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt hoặc vùng nước biển ven bờ).
- KPH là không phát hiện (kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp)
- "<" là nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp.

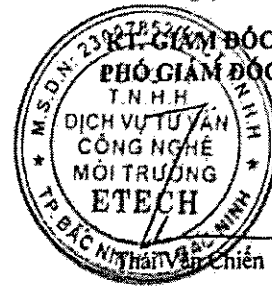
Bắc Ninh, ngày 22 tháng 1 năm 2024

ĐD.P QUAN TRÁC

(Signature)
Nguyễn Văn Phúc

PT.P THÍ NGHIỆM

(Signature)
Nguyễn Ích Tuấn



1. Phân tích mẫu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQTAT lấy về.
 2. Quý khách hoàn lưu mẫu PTN không giải quyết khiếu nại.
 3. Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 Mã file: 10 01

II. Nhận xét và đánh giá kết quả quan trắc

2.1 Chất lượng môi trường không khí làm việc

2.1.1 Không khí khu vực nhà cắt

Bảng 2 - Chất lượng môi trường không khí khu vực nhà cắt

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn cho phép	
					Từng lần tối đa (STEL)	Trung bình 8h (TWA)
1	Nhiệt độ	°C	TCVN 5508:2009	28,6	18 – 32 ⁽¹⁾	-
2	Tiếng ồn chung	dBA	TCVN 9799:2013 (ISO 9612:2009)/1910.95 App G	70,4	85 ⁽³⁾	-
3	Bụi tổng lơ lửng (Bụi toàn phần)	mg/m ³	QCVN 02/2019/BYT	0,426	-	8 ⁽⁶⁾
4	NO ₂	mg/m ³	QCVN 03/2019/BYT	<0,19	10 ⁽⁷⁾	5 ⁽⁷⁾
5	SO ₂	mg/m ³	QCVN 03/2019/BYT	<0,26	10 ⁽⁷⁾	5 ⁽⁷⁾
6	CO	mg/m ³	QCVN 03/2019/BYT	<1,14	40 ⁽⁷⁾	20 ⁽⁷⁾

Ghi chú:

- (1): QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.
- (3): QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về tiếng ồn – Mức độ tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.
- (6) QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 5 yếu tố bụi tại nơi làm việc.
- (7) QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.
- Dấu (-): Không quy định trong quy chuẩn.
- Giá trị “<” là nhỏ hơn giới hạn phát hiện của máy đo.

2.1.2 Không khí khu vực xưởng may 1

Bảng 3 - Chất lượng môi trường không khí khu vực xưởng may 1

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn cho phép	
					Từng lần tối đa (STEL)	Trung bình 8h (TWA)
	Nhiệt độ	⁰ C	TCVN 5508:2009	28,5	18 – 32 ⁽¹⁾	-
2	Tiếng ồn chung	dBA	TCVN 9799:2013 (ISO 9612:2009)/1910.95 App G	76,8	85 ⁽³⁾	-
3	Bụi tổng lơ lửng (Bụi toàn phần)	mg/m ³	QCVN 02/2019/BYT	0,524	-	8 ⁽⁶⁾
4	NO ₂	mg/m ³	QCVN 03/2019/BYT	<0,19	10 ⁽⁷⁾	5 ⁽⁷⁾
5	SO ₂	mg/m ³	QCVN 03/2019/BYT	<0,26	10 ⁽⁷⁾	5 ⁽⁷⁾
6	CO	mg/m ³	QCVN 03/2019/BYT	<1,14	40 ⁽⁷⁾	20 ⁽⁷⁾

Ghi chú:

- (1): QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

- (3): QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về tiếng ồn – Mức độ tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

- (6) QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 5 yếu tố bụi tại nơi làm việc.

- (7) QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

- Dấu (-): Không quy định trong quy chuẩn.

- Giá trị "<" là nhỏ hơn giới hạn phát hiện của máy đo.

2.1.3 Không khí khu vực văn phòng

Bảng 4 - Chất lượng môi trường không khí khu vực văn phòng

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn cho phép	
					Từng lần tối đa (STEL)	Trung bình 8h (TWA)
	Nhiệt độ	⁰ C	TCVN 5508:2009	29,6	18 – 32 ⁽¹⁾	-
2	Tiếng ồn chung	dBA	TCVN 9799:2013 (ISO 9612:2009)/1910.95 App G	58,2	85 ⁽³⁾	-
3	Bụi tổng lơ lửng (Bụi toàn phần)	mg/m ³	QCVN 02/2019/BYT	0,335	-	8 ⁽⁶⁾
4	NO ₂	mg/m ³	QCVN 03/2019/BYT	<0,19	10 ⁽⁷⁾	5 ⁽⁷⁾
5	SO ₂	mg/m ³	QCVN 03/2019/BYT	<0,26	10 ⁽⁷⁾	5 ⁽⁷⁾
6	CO	mg/m ³	QCVN 03/2019/BYT	<1,14	40 ⁽⁷⁾	20 ⁽⁷⁾

Ghi chú:

- (1): QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

- (3): QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về tiếng ồn – Mức độ tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

- (6) QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 5 yếu tố bụi tại nơi làm việc.

- (7) QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

- Dấu (-): Không quy định trong quy chuẩn.

- Giá trị "<" là nhỏ hơn giới hạn phát hiện của máy đo.

2.1.4 Không khí khu vực xưởng may 2

Bảng 5 - Chất lượng môi trường không khí khu vực xưởng may 2

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn cho phép	
					Từng lần tối đa (STEL)	Trung bình 8h (TWA)
1	Nhiệt độ	°C	TCVN 5508:2009	28,4	18 – 32 ⁽¹⁾	-
2	Tiếng ồn chung	dBA	TCVN 9799:2013 (ISO 9612:2009)/1910.95 App G	76,0	85 ⁽³⁾	-
3	Bụi tổng lơ lửng (Bụi toàn phần)	mg/m ³	QCVN 02/2019/BYT	0,527	-	8 ⁽⁶⁾
4	NO ₂	mg/m ³	QCVN 03/2019/BYT	<0,19	10 ⁽⁷⁾	5 ⁽⁷⁾
5	SO ₂	mg/m ³	QCVN 03/2019/BYT	<0,26	10 ⁽⁷⁾	5 ⁽⁷⁾
6	CO	mg/m ³	QCVN 03/2019/BYT	<1,14	40 ⁽⁷⁾	20 ⁽⁷⁾

Ghi chú:

- (1): QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

- (3): QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về tiếng ồn – Mức độ tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

- (6) QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 5 yếu tố bụi tại nơi làm việc.

- (7) QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

- Dấu (-): Không quy định trong quy chuẩn.

- Giá trị "<" là nhỏ hơn giới hạn phát hiện của máy đo.



Số: 2024.95/M.1227...

BIÊN BẢN LẤY MẪU HIỆN TRƯỜNG

Hôm nay, vào hồi 7 giờ 30 phút, ngày 11 tháng 5 năm 2024.

Chúng tôi tiến hành lấy mẫu, đo đạc chất lượng môi trường:

Tên cơ sở/ khách hàng: Công ty Cổ phần Môi trường xanh TBT

Địa chỉ: Số 2 đường Nguyễn Khuyến 5, Phường Đình Kế, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

Địa điểm quan trắc: Dự án: Xây dựng nhà máy sản xuất ngành may mặc BGG tại Lô A3, A7 cụm công nghiệp Nghĩa Hoà, xã Tân Thịnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang của công ty cổ phần IBT

Các bên tham gia bao gồm:

1. ĐẠI DIỆN: Công ty Cổ phần Môi trường xanh TBT.

Đại diện: Ông (bà) Ông Thi Thụy Chức vụ: Nhân viên

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

2. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ QUAN TRẮC: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT:

Đại diện: Ông (bà) Nguyễn Tiến Quyết Chức vụ: Trưởng nhóm quan trắc

Đại diện: Ông (bà) Nguyễn Văn Trung Chức vụ: Nhân viên quan trắc

3. ĐẠI DIỆN: Công ty cổ phần IBT

Đại diện: Ông (bà) Nguyễn Đức Thuận Chức vụ: Nhân viên

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

4. ĐẠI DIỆN:

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường như sau:

I. Số lượng các loại mẫu:

STT	Loại mẫu	Ký hiệu mẫu	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Thông số cần quan trắc	Toạ độ
1	Không khí xung quanh	KXQ.01	Mẫu không khí xung quanh tại đường giao thông tiếp giáp phía Tây dự án. (các lúc phác)	Nhiệt độ, độ ẩm, Vận tốc gió, tiếng ồn, tổng bụi lơ lửng (TSP), SO ₂ , NO ₂ , CO.	2369613 11.422.196



II. Điều kiện thu mẫu:

Tình trạng hoạt động của Công ty (cơ sở):

Điều kiện thời tiết: *Đã nắng*

Biên bản gồm *03*...trang, được lập thành lập *01*.....bản có chữ ký xác nhận của các bên tham gia.

Thời gian bắt đầu làm việc, *7* giờ *30* phút

Kết thúc, *11* giờ *15* phút, ngày *11* tháng *05* năm 2024

Đại diện: Công ty Cổ phần Môi trường xanh

TBT

(ký, ghi rõ họ tên)

Uông
Đông Thị Chung

Đại diện: Công ty TNHH Dịch vụ

Tư vấn Môi trường Nam Việt

(ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Tuấn Quyết

Đại diện: Công ty Cổ phần TBT

(ký, ghi rõ họ tên)

Nhài
Nguyễn Đức Nhài

Đại diện:

(ký, ghi rõ họ tên)

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT**

ĐC: Số 43, đường Ngô Văn Cảnh, Phường Hoàng Văn Thụ

thành phố Bắc Giang

Hotline: 0911.119.995

Email: moitruongnamviet@gmail.com

STT	Loại mẫu	Ký hiệu mẫu	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Thông số cần quan trắc	Toạ độ
2	Không khí xung quanh	KXQ.02	Mẫu không khí xung quanh tại đường giao thông tiếp giáp phía Tây dự án (lưu lúc 9h 00p)	Nhiệt độ, độ ẩm, Vận tốc gió, tiếng ồn, tổng bụi lơ lửng (TSP), SO ₂ , NO ₂ , CO.	X: 2369613 Y: 422896...
3		KXQ.03	Mẫu không khí xung quanh tại đường giao thông tiếp giáp phía Tây dự án (lưu lúc 10h 30p)		X: 2369613 Y: 422896...
4	Nước mặt	NM.01	Mẫu nước mặt tại mương tưới tiêu nội đồng tiếp giáp phía Đông dự án	pH; BOD ₅ ; COD; DO; Chất rắn lơ lửng; Sắt (Fe); Amoni (tính theo N); Coliform; Tổng N, Tổng P	X: 2369914 Y: 423103...

II. Điều kiện thu mẫu:

BMHT 01



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT

PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG - VIMCERTS 317

Địa chỉ: số 43, đường Ngô Văn Cảnh, P. Hoàng Văn Thụ, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

SĐT: 0911.119.995

Gmail: moitruongnamviet@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 249/2024.05.11/227.KXQ

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên cơ sở/ khách hàng:	Công ty cổ phần Môi Trường Xanh TBT Địa chỉ: Số 2, đường Nguyễn Khuyến 5, phường Đình Kế, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang		
Địa điểm quan trắc:	Dự án: Xây dựng nhà máy sản xuất ngành may mặc BGG tại lô A3, A7 cụm công nghiệp Nghĩa Hoà, xã Tân Thịnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang của công ty cổ phần IBT		
Loại mẫu:	Khí xung quanh	Số lượng mẫu:	03
Ngày quan trắc/ nhận mẫu:	11/05/2024	Ngày trả kết quả:	21/05/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả			QCVN 05:2023/BTNMT
				KXQ.01	KXQ.02	KXQ.03	Bảng 1 Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	27,8	29,6	31,0	-
2	Độ ẩm	RH%	QCVN 46:2012/BTNMT	72,6	71,5	70,3	-
3	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	1,2	0,9	0,8	-
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	66,4	64,3	65,5	70 ^(a)
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	94	91	93	300
6	NO ₂	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	95	90	92	200
7	SO ₂	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	100	95	98	350
8	CO	µg/Nm ³	NV/KK-01	3.095	3.034	3.061	30.000

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ **KXQ.01:** Mẫu không khí xung quanh tại đường giao thông tiếp giáp phía Tây dự án (vào lúc 7 giờ 40). Tọa độ X: 2369613, Y: 422896

+ **KXQ.02:** Mẫu không khí xung quanh tại đường giao thông tiếp giáp phía Tây dự án (vào lúc 9 giờ 00). Tọa độ X: 2369613, Y: 422896

+ **KXQ.03:** Mẫu không khí xung quanh tại đường giao thông tiếp giáp phía Tây dự án (vào lúc 10 giờ 30). Tọa độ X: 2369613, Y: 422896

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc PTN trực tiếp lấy về. PTN không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với mẫu do khách hàng gửi đến.

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời gian lưu mẫu, phòng Phân tích không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG – VIMCERTS 317

Địa chỉ: số 43, đường Ngô Văn Cảnh, P. Hoàng Văn Thụ, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

SĐT: 0911.119.995

Gmail: moitruongnamviet@gmail.com

Số: 249/2024.05.11/227.KXQ

- Quy chuẩn so sánh:

- + QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.
- + Bảng 1: Giá trị giới hạn tối đa các thông số cơ bản trong không khí xung quanh.
- + Trung bình 1 giờ là giá trị trung bình của các giá trị đo được trong khoảng thời gian 1 giờ.
- + (a) QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
- (-): Không quy định.

Bắc Giang, ngày 21 tháng 05 năm 2024

NGƯỜI LÀM PHIẾU

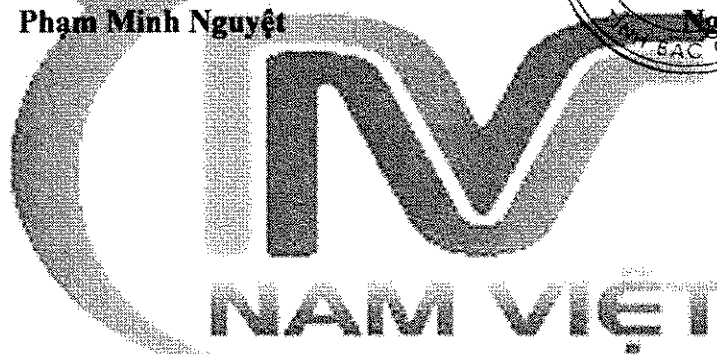
Phạm Minh Nguyệt

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Hải



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc PTN trực tiếp lấy về, PTN không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
3. Quá thời gian lưu mẫu, phòng Phân tích không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT

PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG - VIMCERTS 317

Địa chỉ: số 43, đường Ngô Văn Cảnh, P. Hoàng Văn Thụ, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

SĐT: 0911.119.995

Gmail: moitruongnamviet@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 250/2024.05.11/227.NM

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên cơ sở/ khách hàng:	Công ty cổ phần Môi Trường Xanh TBT Địa chỉ: Số 2, đường Nguyễn Khuyến 5, phường Đình Kê, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang		
Địa điểm quan trắc:	Dự án: Xây dựng nhà máy sản xuất ngành may mặc BGG tại lô A3, A7 cụm công nghiệp Nghĩa Hoà, xã Tân Thịnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang của công ty cổ phần IBT		
Loại mẫu:	Nước mặt	Số lượng mẫu:	01
Ngày quan trắc/ nhận mẫu:	11/05/2024	Ngày trả kết quả:	21/05/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả NM.01	QCVN 08:2023/BTNMT	
					Bảng 1	Bảng 2 (Mức B)
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,3	-	6,0-8,5
2	Ôxy hòa tan (DO)	mg/L	TCVN 7325:2016	5,1	-	≥ 5,0
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	39	-	≤ 100
4	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)	mg/L	SMEWW 5210B:2017	6	-	≤ 6
5	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	15	-	≤ 15
6	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	5,55	0,3	-
7	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	0,346	0,5	-
8	Tổng photpho	mg/L	TCVN 6202:2008	4,27	-	≤ 0,3
9	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	9,18	-	≤ 1,5
10	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	2.100	-	≤ 5.000

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ NM.01: Mẫu nước mặt tại nương tưới tiêu nội đồng tiếp giáp phía Đông dự án.

Toạ độ X: 2369914, Y: 423103

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc PTN trực tiếp lấy về, PTN không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với mẫu do khách hàng gửi đến.

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời gian lưu mẫu, phòng Phân tích không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG – VIMCERTS 317

Địa chỉ: số 43, đường Ngô Văn Cảnh, P. Hoàng Văn Thụ, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

SĐT: 0911.119.995

Gmail: moitruongnamviet@gmail.com

Số: 250/2024.05.11/227.NM

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

+ Bảng 1: Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người

+ Bảng 2: Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước.

+ **Mức B:** Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

- (-): Không quy định

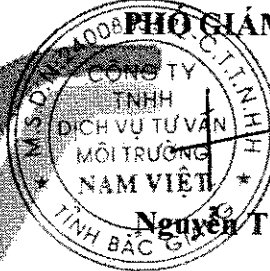
Bắc Giang, ngày 21 tháng 05 năm 2024

NGƯỜI LÀM PHIẾU

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

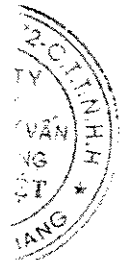
PHÓ GIÁM ĐỐC


Phạm Minh Nguyệt




Nguyễn Thị Hải

NAM VIỆT

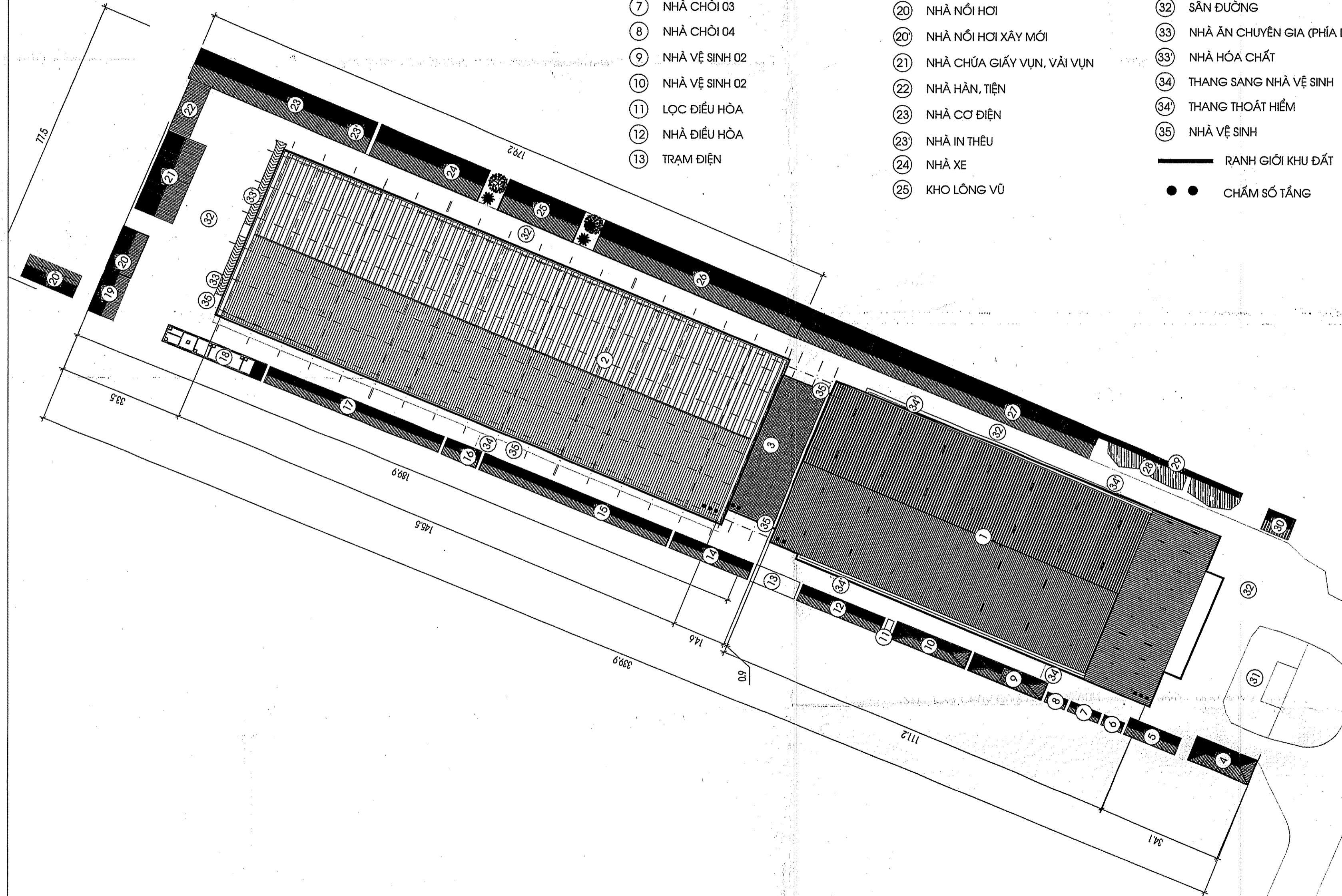



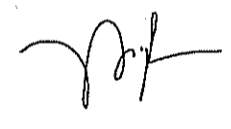

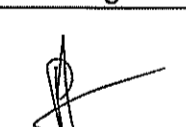
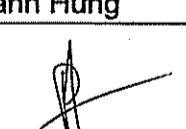
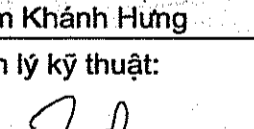
1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc PTN trực tiếp lấy về, PTN không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
3. Quá thời gian lưu mẫu, phòng Phân tích không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.

GHI CHÚ:

- | | | |
|------------------------------|------------------------------|---|
| ① NHÀ XƯỞNG ĐÃ XÂY DỰNG | ⑭ NHÀ KHÍ | ⑳ NHÀ XE |
| ② NHÀ XƯỞNG DỰ KIẾN XÂY DỰNG | ⑮ NHÀ Y TẾ, KHO, CẢNG TIN | ㉑ NHÀ NỔI HƠI XÂY MỚI |
| ③ NHÀ CẦU | ⑯ NHÀ VỆ SINH | ㉒ NHÀ HẦN, TIỆN |
| ④ NHÀ BẢO VỆ | ⑰ NHÀ NẤU | ㉓ NHÀ CƠ ĐIỆN |
| ⑤ NHÀ CHỒI 01 | ⑱ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI | ㉔ NHÀ IN THÊU |
| ⑥ NHÀ CHỒI 02 | ⑲ KHU ĐỂ THAN | ㉕ NHÀ XE |
| ⑦ NHÀ CHỒI 03 | ㉒ NHÀ NỔI HƠI | ㉖ KHO LÔNG VŨ |
| ⑧ NHÀ CHỒI 04 | ㉓ NHÀ CHỨA GIẤY Vụn, VẢI Vụn | |
| ⑨ NHÀ VỆ SINH 02 | ㉔ NHÀ HẦN, TIỆN | |
| ⑩ NHÀ VỆ SINH 02 | ㉕ NHÀ CƠ ĐIỆN | |
| ⑪ LỘC ĐIỀU HÒA | ㉖ NHÀ IN THÊU | |
| ⑫ NHÀ ĐIỀU HÒA | ㉗ NHÀ XE | |
| ⑬ TRẠM ĐIỆN | ㉘ KHO LÔNG VŨ | |
| | | ㉙ NHÀ XE |
| | | ㉚ NHÀ XE |
| | | ㉛ HỒ ĐIỀU HÒA |
| | | ㉜ NHÀ XE |
| | | ㉝ TRẠM BƠM CHỮA CHÁY |
| | | ㉞ KHUÔN VIÊN CÂY XANH, NON BỘ |
| | | ㉟ SÂN ĐƯỜNG |
| | | ㊱ NHÀ ĂN CHUYÊN GIA (PHÍA DƯỚI CẦU XE NẶNG) |
| | | ㊲ NHÀ HÓA CHẤT |
| | | ㊳ THANG SANG NHÀ VỆ SINH |
| | | ㊴ THANG THOÁT HIỂM |
| | | ㊵ NHÀ VỆ SINH |

— RANH GIỚI KHU ĐẤT
● ● CHẤM SỐ TẦNG



Sửa đổi		
TT	Ngày	Nội dung
Chủ đầu tư:		
CÔNG TY CỔ PHẦN IBT		
Công trình:		
XÂY DỰNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT NGÀNH MAY MẶC BGG		
LIÊN DANH CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG NGỌC ĐĂNG VÀ CÔNG TY CPXD SỐ 10  Ngõ 130, Tổ dân phố Giáp Hải Phường Đình Kế, TP. Bắc Giang Điện thoại: 0979503688		
Giám đốc:		
		
Nguyễn Văn Dũng		
Chủ nhiệm		
		
Phạm Khánh Hưng		
Chủ trì:		
		
Phạm Khánh Hưng		
Thiết kế:		
		
Phạm Khánh Hưng		
Quản lý kỹ thuật:		
		
Nguyễn Trọng Trung		
Tên bản vẽ:		
QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG		
Ngày:	Tỷ lệ:	
.../.../2019	1/...	
Ký hiệu:	QH-04	



SỞ XÂY DỰNG BẮC GIANG
 HỒ SƠ ĐÃ THẨM ĐỊNH
 Ngày... tháng... năm 20... 19

ĐẤT CÔNG TY THUỐC LÁ LONG HÀ
A1
 32.996
 60% 1/2

ĐẤT CÔNG TY MAY BẮC GIANG
A2
 104.225
 60% 1/2

A7
 14.445
 60% 1/2

A3
 10.978
 60% 1/2

A4
 11.278
 60% 1/2

A5
 13.902
 60% 1/2

A6
 13.581
 60% 1/2

CX-1
 18.702
 1/2

CX-2
 7.811
 1/2

HT
 2.747
 60% 1/2

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT: **SỞ XÂY DỰNG BẮC GIANG**
 KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ... NGÀY... THÁNG... NĂM...

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH: **SỞ XÂY DỰNG BẮC GIANG**
 KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ... NGÀY... THÁNG... NĂM...

CÔNG TY CỔ PHẦN IBT
 CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY CỔ PHẦN IBT
 KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ... NGÀY... THÁNG... NĂM...

ĐỊA ĐIỂM: **XÂY DỰNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT PHỤ KIỆN NGÀNH MAY LỘ A3 VÀ LỘ A7 CỤM CÔNG NGHIỆP NGHĨA HÒA, XÃ TÂN THỊNH, HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG**

TÊN BẢN VẼ: **SƠ ĐỒ VỊ TRÍ KHU ĐẤT XIN ĐIỀU CHỈNH TỔNG MẶT BẰNG**

BẢN VẼ: CH-01	GHEP CH-01A1	TỶ LỆ: 1/500	NGÀY: .../.../2019
TRƯỞNG PHÒNG	TRẦN CHÍ CHUNG		
CHỖ TRỊ	PHẠM KHÁNH HÙNG		
THIẾT KẾ	PHẠM KHÁNH HÙNG		
CHẤM DẤU	PHẠM KHÁNH HÙNG		
LIÊN THUYẾT	NGUYỄN TRỌNG TRUNG		

CHỮ CHỮ ĐÓNG: **NGUYỄN VĂN DỨNG**

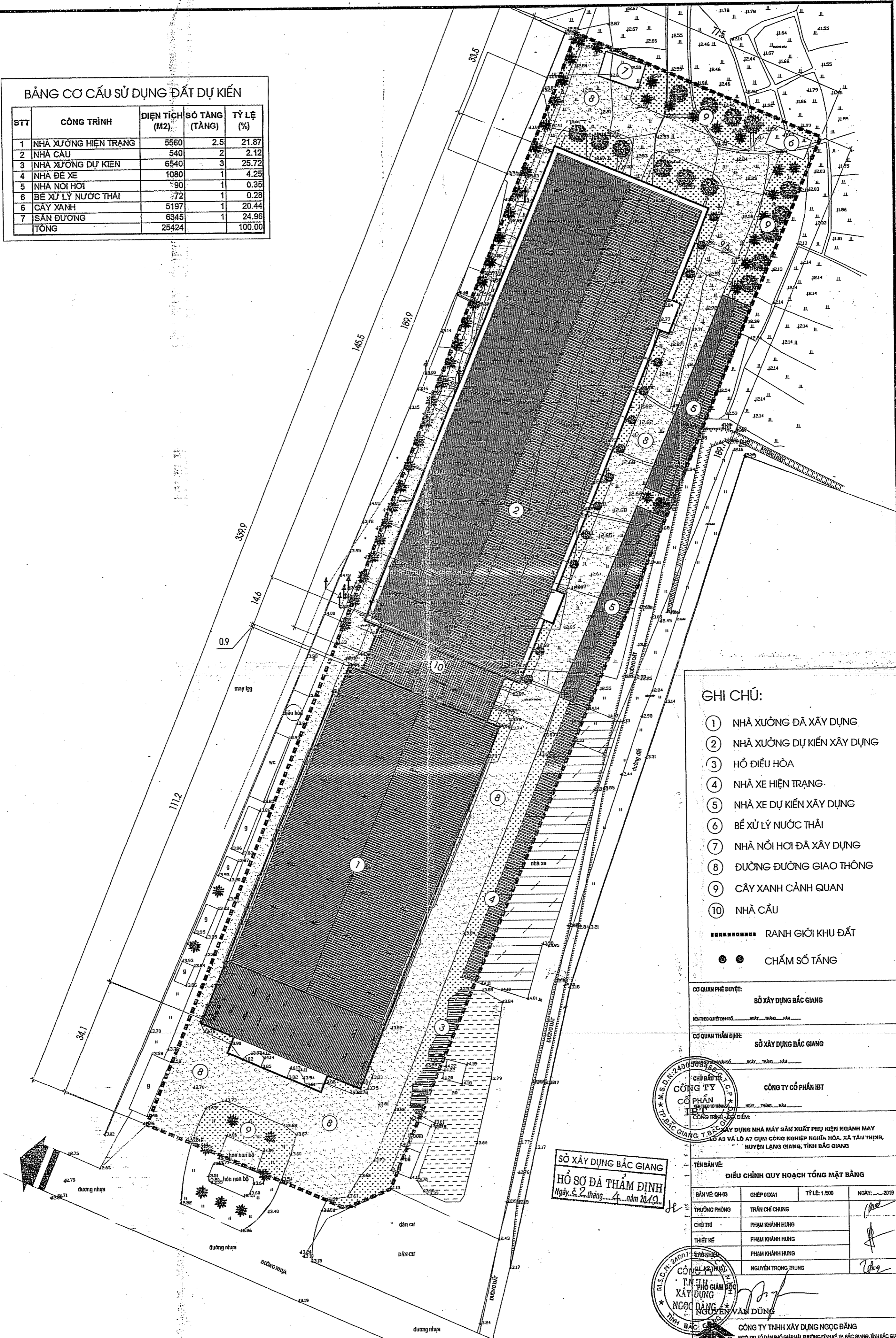
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG NGỌC ĐĂNG
 NGÕ 130, TỐ DÂN PHỐ GIÁP HẢI, PHƯỜNG DĨNH KẾ, TP. BẮC GIANG, TỈNH BẮC GIANG
 ĐIỆN THOẠI: 377953388

GHI CHÚ:

- KHU ĐẤT XIN THỎA THUẬN NẪM PHÍA TÂY BẮC THỊ TRẦN KẾP, NẪM TRONG KHU CÔNG NGHIỆP NGHĨA HÒA
- CÁCH THỊ TRẦN KẾP KHOẢNG 2,5 KM, NẪM GIỮA CÔNG TY BAO BÌ VÀ CÔNG TY MAY LGG
- KHU ĐẤT CÓ DIỆN TÍCH BAO GỒM CẢ LÔ A3 VÀ LÔ A7 LÀ KHOẢNG 2,5 HA

BẢNG CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT DỰ KIẾN

STT	CÔNG TRÌNH	DIỆN TÍCH (M2)	SỐ TẦNG (TẦNG)	TỶ LỆ (%)
1	NHÀ XƯƠNG HIỆN TRẠNG	5560	2.5	21.87
2	NHÀ CẦU	540	2	2.12
3	NHÀ XƯƠNG DỰ KIẾN	6540	3	25.72
4	NHÀ ĐÈ XE	1080	1	4.25
5	NHÀ NỒI HƠI	90	1	0.35
6	BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI	72	1	0.28
6	CÂY XANH	5197	1	20.44
7	SÀN ĐƯỜNG	6345	1	24.96
	TỔNG	25424		100.00



GHI CHÚ:

- ① NHÀ XƯƠNG ĐÃ XÂY DỰNG
- ② NHÀ XƯƠNG DỰ KIẾN XÂY DỰNG
- ③ HỒ ĐIỀU HÒA
- ④ NHÀ XE HIỆN TRẠNG
- ⑤ NHÀ XE DỰ KIẾN XÂY DỰNG
- ⑥ BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
- ⑦ NHÀ NỒI HƠI ĐÃ XÂY DỰNG
- ⑧ ĐƯỜNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- ⑨ CÂY XANH CẢNH QUAN
- ⑩ NHÀ CẦU

■■■■■■■■■■ RANH GIỚI KHU ĐẤT

● ● CHẤM SỐ TẦNG

CƠ QUAN PHÉ DUYỆT:
SỞ XÂY DỰNG BẮC GIANG

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
SỞ XÂY DỰNG BẮC GIANG

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY CỔ PHẦN IBT

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY CỔ PHẦN IBT

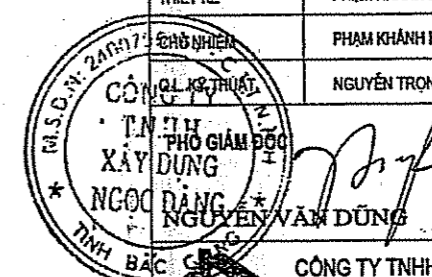
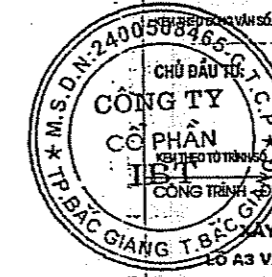
CHỨC VỤ:
CHỦ ĐẦU TƯ

TÊN BẢN VẼ:
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG

BẢN VẼ: CH03	GHEP O1XAI	TỶ LỆ: 1/500	NGÀY: .../.../2019
TRƯỞNG PHÒNG	TRẦN CHÍ CHUNG		
CHỦ TRƯ	PHẠM KHÁNH HÙNG		
THIẾT KẾ	PHẠM KHÁNH HÙNG		
	PHẠM KHÁNH HÙNG		
	NGUYỄN TRONG TRUNG		

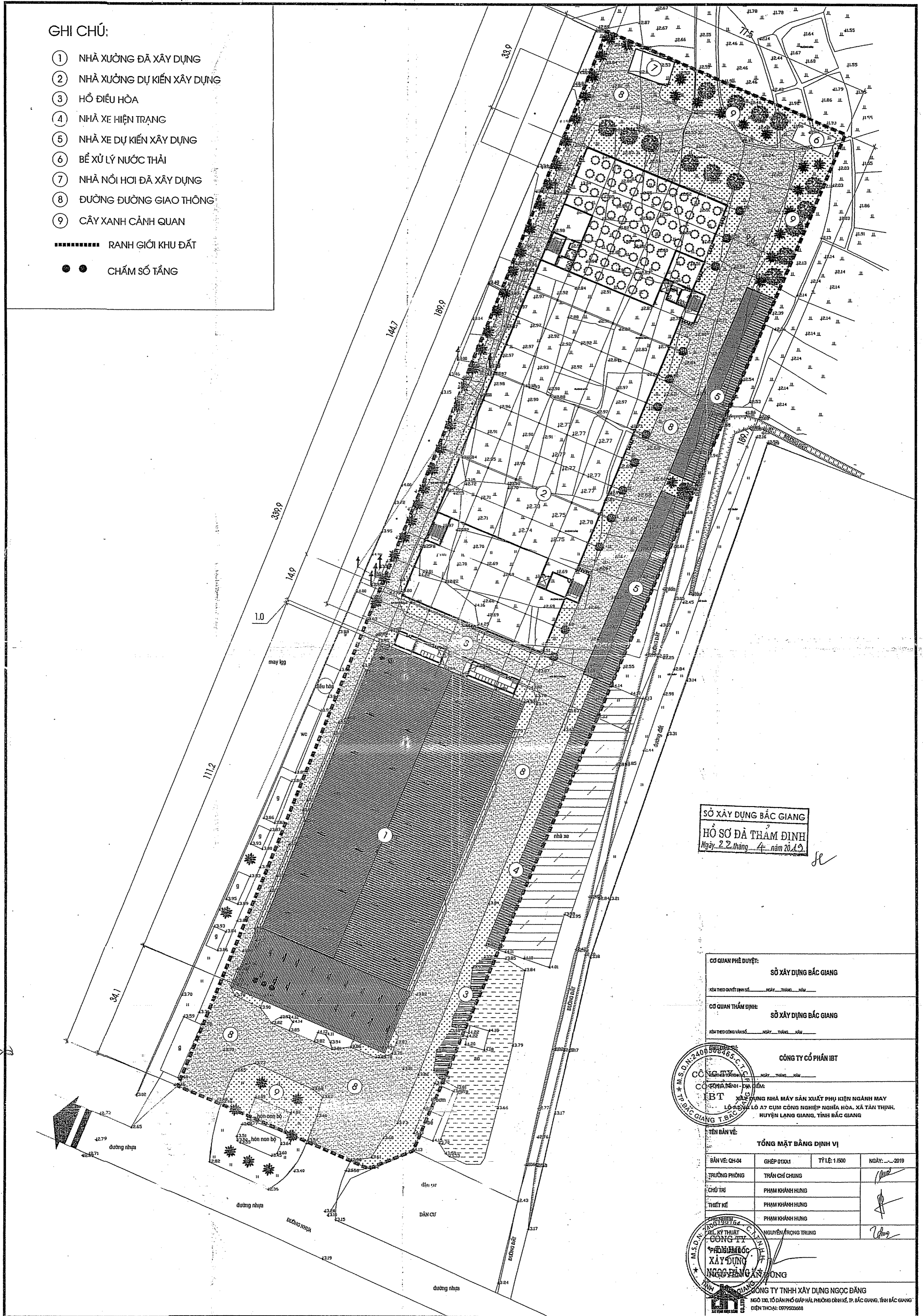
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG NGỌC ĐĂNG
NGO 130, TÓ ĐÀN PHỐ GIÁP HẢI, PHƯỜNG DỪNG KẾ, TP. BẮC GIANG, TỈNH BẮC GIANG
ĐIỆN THOẠI: 0977503888

SỞ XÂY DỰNG BẮC GIANG
HỒ SƠ ĐÃ THẨM ĐỊNH
Ngày: ... tháng ... năm 2019



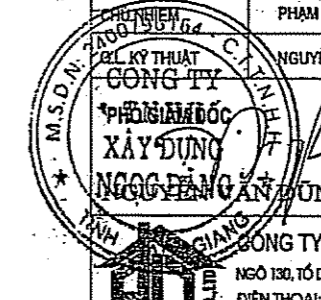
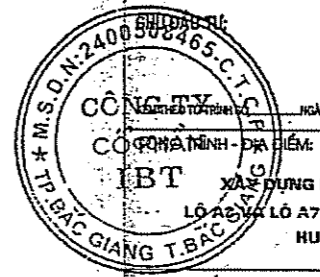
GHI CHÚ:

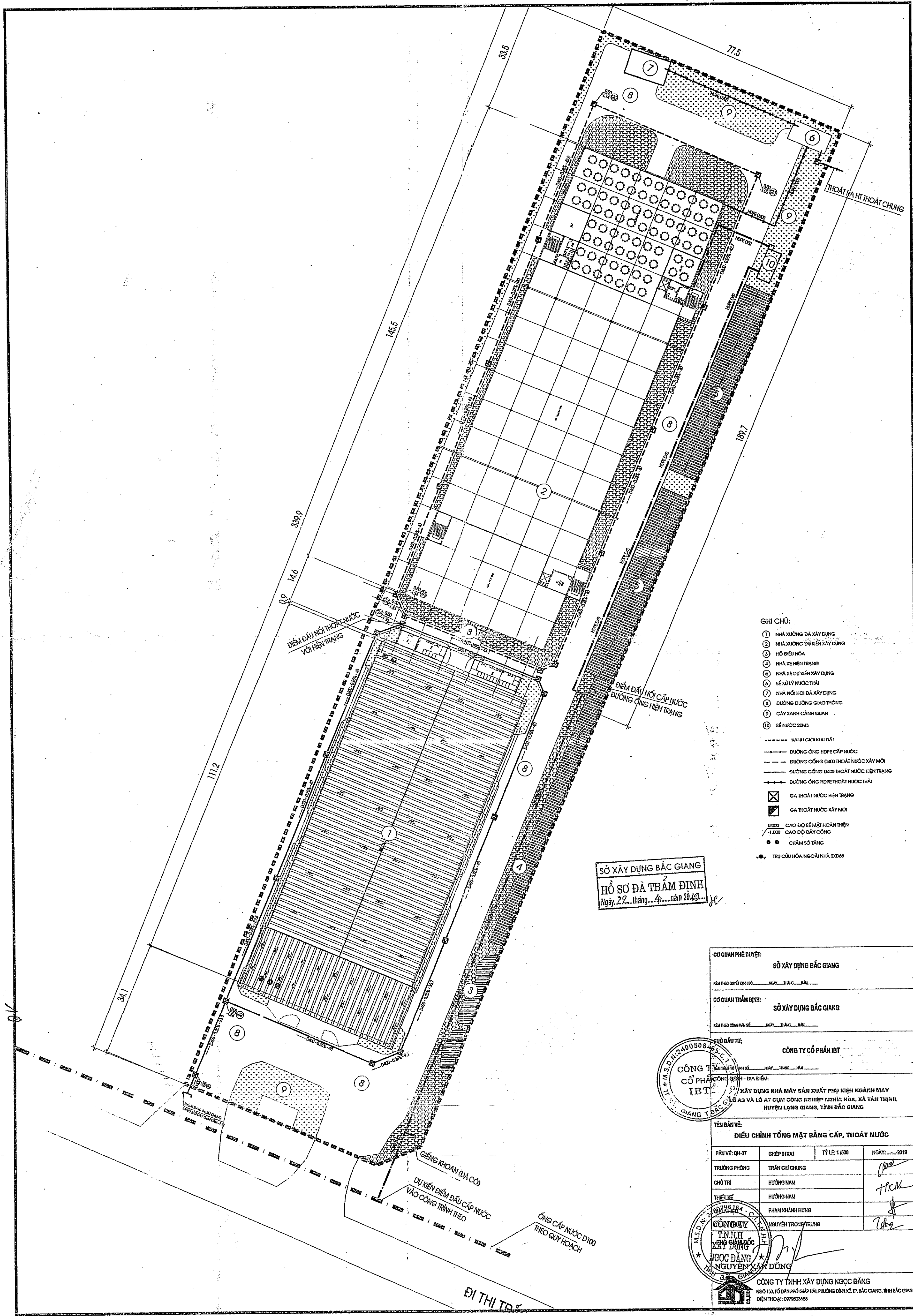
- ① NHÀ XƯỞNG ĐÃ XÂY DỰNG
 - ② NHÀ XƯỞNG DỰ KIẾN XÂY DỰNG
 - ③ HỒ ĐIỀU HÒA
 - ④ NHÀ XE HIỆN TRẠNG
 - ⑤ NHÀ XE DỰ KIẾN XÂY DỰNG
 - ⑥ BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
 - ⑦ NHÀ NỒI HƠI ĐÃ XÂY DỰNG
 - ⑧ ĐƯỜNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG
 - ⑨ CÂY XANH CẢNH QUAN
- RANH GIỚI KHU ĐẤT
- ● CHẤM SỐ TẦNG



SỞ XÂY DỰNG BẮC GIANG
 HỒ SƠ ĐÀ THAM ĐỊNH
 Ngày... tháng... năm 2019

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:		SỞ XÂY DỰNG BẮC GIANG	
Kèm theo quyết định số...		Ngày... tháng... năm...	
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:		SỞ XÂY DỰNG BẮC GIANG	
Kèm theo công văn số...		Ngày... tháng... năm...	
TÊN ĐƠN VỊ:		CÔNG TY CỔ PHẦN IBT	
Số đăng ký doanh nghiệp:		M.S.D.N. 2408092465.C.T.C	
Địa chỉ:		XÂY DỰNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT PHỤ KIỆN NGÀNH MAY LÔ A2 VÀ LÔ A7 CỤM CÔNG NGHIỆP NGHĨA HÒA, XÃ TÂN THỊNH, HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG	
TÊN BẢN VẼ:		TỔNG MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ	
BẢN VẼ: CH-04	GHEP 01X41	TỶ LỆ: 1/500	NGÀY: .../.../2019
TRƯỞNG PHÒNG:	TRẦN CHÍ CHUNG		
CHỦ TRÌ:	PHẠM KHÁNH HƯNG		
THIẾT KẾ:	PHẠM KHÁNH HƯNG		
	PHẠM KHÁNH HƯNG		
	NGUYỄN TRONG TRUNG		
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG NGỌC ĐĂNG		CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG NGỌC ĐĂNG	
Số đăng ký doanh nghiệp:		M.S.D.N. 2408092465.C.T.C	
Địa chỉ:		NGÕ 130, TỔ DÂN PHỐ GIỮP HẢI, PHƯỜNG DĨNH KẾ, TP. BẮC GIANG, TỈNH BẮC GIANG	
Điện thoại:		0775000688	





- GHI CHÚ:**
- ① NHÀ XƯỞNG DÀ XÂY DỰNG
 - ② NHÀ XƯỞNG DỰ KIẾN XÂY DỰNG
 - ③ HỒ ĐIỀU HÒA
 - ④ NHÀ XE HIỆN TRẠNG
 - ⑤ NHÀ XE DỰ KIẾN XÂY DỰNG
 - ⑥ BẾ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
 - ⑦ NHÀ NỒI HƠI DÀ XÂY DỰNG
 - ⑧ ĐƯỜNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG
 - ⑨ CÂY XANH CẢNH QUAN
 - ⑩ BẾ NƯỚC 20M³
- - - - - HẠN CHẾ KINH ĐẤT
 - - - - - ĐƯỜNG ỐNG HDPE CẤP NƯỚC
 - - - - - ĐƯỜNG CỐNG DẠO THOÁT NƯỚC XÂY MỚI
 - - - - - ĐƯỜNG CỐNG DẠO THOÁT NƯỚC HIỆN TRẠNG
 - - - - - ĐƯỜNG ỐNG HDPE THOÁT NƯỚC THẢI
 - ⊠ GA THOÁT NƯỚC HIỆN TRẠNG
 - ⊡ GA THOÁT NƯỚC XÂY MỚI
 - 0.000 CAO ĐỘ BẾ MẶT HOÀN THIỆN
 - 1.000 CAO ĐỘ ĐÁY CỐNG
 - CHẤM SỐ TẢNG
 - ☉ TRỤ CỨU HÓA NGOÀI NHÀ 20M³

SỞ XÂY DỰNG BẮC GIANG
HỒ SƠ DÀ THẨM ĐỊNH
 Ngày...22...tháng...4...năm 2019...

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT: **SỞ XÂY DỰNG BẮC GIANG**
 Kèm theo quyết định số... ngày... tháng... năm...

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH: **SỞ XÂY DỰNG BẮC GIANG**
 Kèm theo công văn số... ngày... tháng... năm...

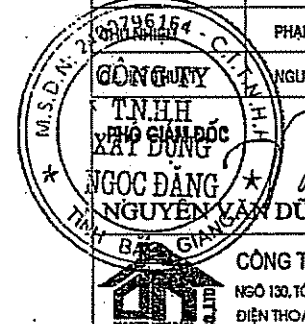
PHỤ ĐẦU TƯ: **CÔNG TY CỔ PHẦN IBT**
 Địa chỉ: ... Tỉnh Bắc Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN IBT
 CÔNG TỈNH - ĐỊA ĐIỂM:
 XÂY DỰNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT PHỤ KIỆN NGÀNH MÁY
 LỘ A3 VÀ LỘ A7 CỤM CÔNG NGHIỆP NGHĨA HÒA, XÃ TÀI THỊNH,
 HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

TÊN BẢN VẼ: **ĐIỀU CHỈNH TỔNG MẶT BẰNG CẤP, THOÁT NƯỚC**

BẢN VẼ: CH-07	GHÉP ĐƠN VỊ	TỶ LỆ: 1/500	NGÀY: .../.../2019
TRƯỞNG PHÒNG	TRẦN CHÍ CHUNG		
CHỦ TRƯ	HƯƠNG NAM		
THIẾT KẾ	HƯƠNG NAM		
	PHẠM KHÁNH HÙNG		
	NGUYỄN TRỌNG TRUNG		

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG NGỌC ĐĂNG
 NGƯỜI THIẾT KẾ: NGUYỄN VĂN ĐÌNH





Trao bạn niềm tin - Cùng bạn phát triển

CÔNG TY CỔ PHẦN EJC

SỐ 129, ĐƯỜNG THÂN ĐỨC LUẬN, P. NGÔ QUYÊN,
TP. BẮC GIANG, TỈNH BẮC GIANG

Điện thoại: 0204.385.4848

Email: moitruongejc@gmail.com



BÁN VẼ HOÀN CÔNG

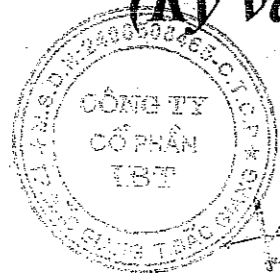
**HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT XÍ NGHIỆP MAY BGG LẠNG GIANG,
CÔNG SUẤT: 200 M³/NGÀY ĐÊM.**

CHỦ ĐẦU TƯ: XÍ NGHIỆP MAY BGG LẠNG GIANG

ĐỊA ĐIỂM : CỤM CÔNG NGHIỆP NGHĨA HÒA, HUYỆN LẠNG GIANG, BẮC GIANG.

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT XÍ NGHIỆP MAY BGG LẠNG GIANG,
CÔNG SUẤT: 200 M³/NGÀY ĐÊM.

CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký và đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN HỮU HÙNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
(Ký và đóng dấu)

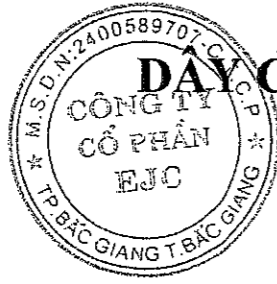


GIÁM ĐỐC CÔNG NGHỆ
LÊ ĐỨC PHI

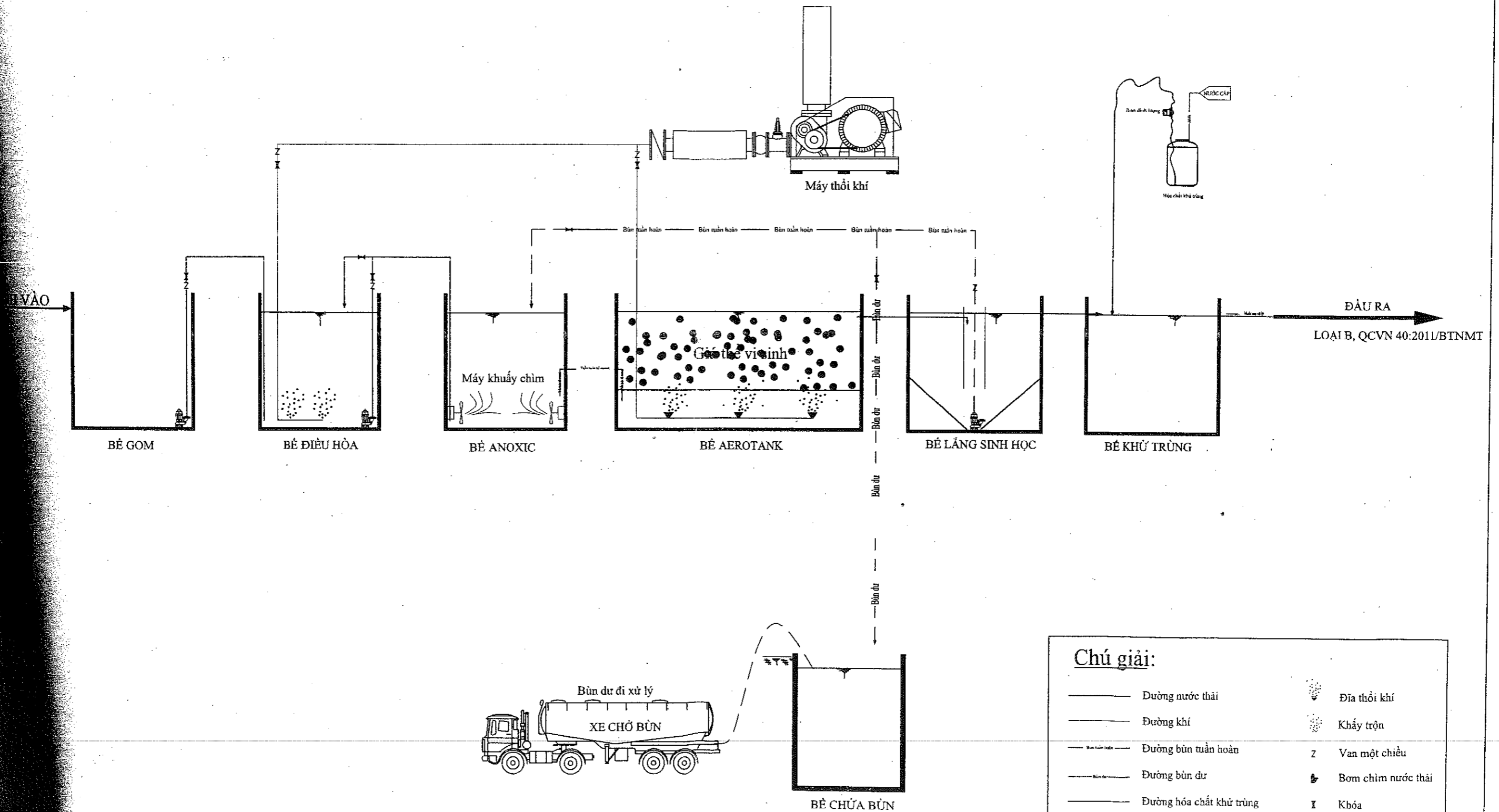


DANH MỤC BẢN VẼ

STT	MÃ	HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
1	DCCN	DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ HTXL NƯỚC THẢI SINH HOẠT
2	CN-01	SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HTXL NƯỚC THẢI SINH HOẠT
3	CN-02	MẶT BẰNG LẮP ĐẶT THIẾT BỊ TẠI MẶT BỀ
4	CN-03	MẶT BẰNG LẮP ĐẶT THIẾT BỊ TẠI ĐÁY BỀ
5	CN-04	MẶT CẮT A-A
6	CN-05	MẶT CẮT B-B
7	CN-06	MẶT CẮT C-C
8	CN-07	MẶT CẮT D-D
9	CN-08	MẶT CẮT E-E
10	CN-09	MẶT CẮT F-F
11	CN-10	MẶT CẮT G-G
12	CN-11	MẶT CẮT H-H



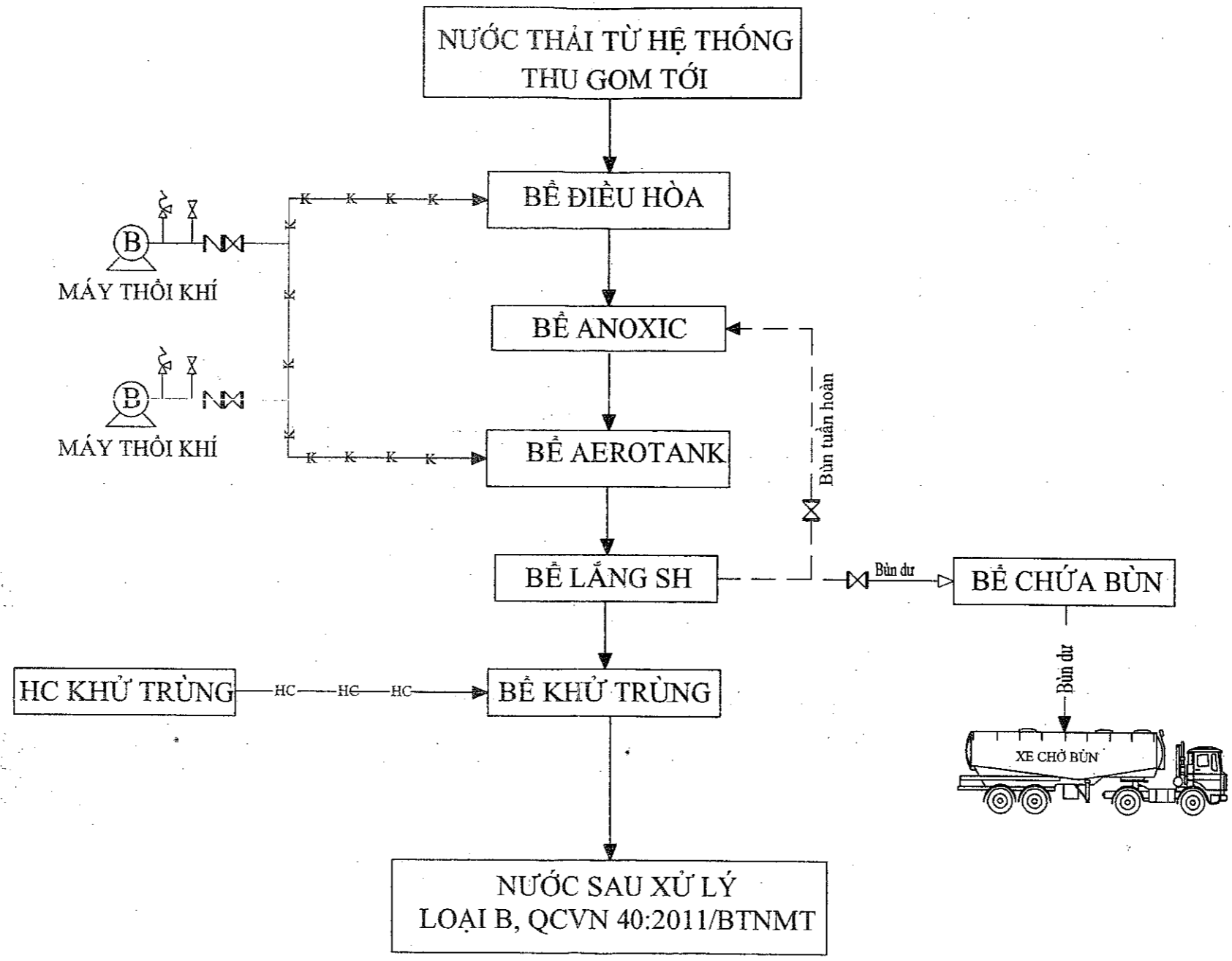
DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT;
Công suất 200 m³/ngày.đêm



Chú giải:

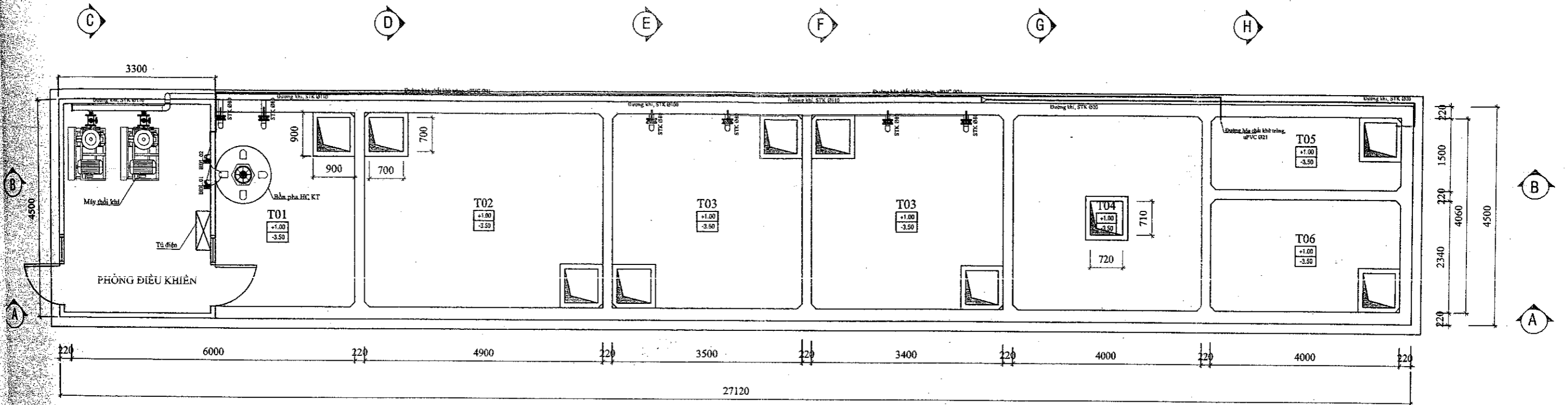
—	Đường nước thải		Đĩa thổi khí
—	Đường khí		Khấy trộn
—	Đường bùn tuần hoàn	Z	Van một chiều
—	Đường bùn dư		Bơm chìm nước thải
—	Đường hóa chất khử trùng	I	Khóa

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG TY CỔ PHẦN MAY À THƯƠNG MẠI LẠNG GIANG,
CÔNG SUẤT: 200 M³/ NGÀY ĐÊM



ĐẦU TƯ: XÍ NGHIỆP MAY BGG LẠNG GIANG <small>Cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang.</small>	CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT, CÔNG SUẤT: 200M ³ /NGÀY ĐÊM HẠNG MỤC: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI BƯỚC: BẢN VẼ HOÀN CÔNG ĐỊA ĐIỂM: XÍ NGHIỆP MAY BGG LẠNG GIANG	Thiết kế	Phạm Thị Hồng Mai	 	Bắc Giang, ngày 08 tháng 04 năm 2019 Giám đốc công nghệ EJC Lê Đức Phi	TÊN BẢN VẼ:	
		Vẽ	Phạm Thị Hồng Mai			SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HTXL	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN EJC <small>Số 129, Đường Thân Đức Luân, P. Ngô Quyền, Tp. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang</small> <small>Điện thoại: 0204.385.4848 Email: mosthangjco@gmail.com</small>		Kiểm tra	Lê Đức Phi			TỈ LỆ: 1:75	BẢN VẼ SỐ: CN-01
		Q.L.D.A	Lê Đức Phi			MÃ SỐ :	

MẶT BẰNG LẮP ĐẶT THIẾT BỊ & ĐƯỜNG ỐNG CÔNG NGHỆ TẠI MẶT BẾ, Công suất 200 m³/ngày.đêm



GHI CHÚ:

- | | |
|-----------------|----------------------|
| T01 Bể Điều hòa | T04 Bể lắng sinh học |
| T02 Bể Anoxic | T05 Bể khử trùng |
| T03 Bể Aerotank | T06 Bể chứa bùn |

ĐẦU TƯ:
XÍ NGHIỆP MAY BGG LẠNG GIANG
Cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang.

UNIT VẤN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN EJC
Số 129, Đường Thân Đức Luận, P. Ngô Quyền, Tp. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 0204.385.4848 Email: maicuongejc@gmail.com

CÔNG TRÌNH
XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT,
CÔNG SUẤT: 200M³/NGÀY ĐÊM
HẠNG MỤC: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
BƯỚC: BẢN VẼ HOÀN CÔNG
ĐỊA ĐIỂM: XÍ NGHIỆP MAY BGG LẠNG GIANG

Thiết kế	Phạm Thị Hồng Mai	<i>[Signature]</i>
Vẽ	Phạm Thị Hồng Mai	<i>[Signature]</i>
Kiểm tra	Lê Đức Phi	<i>[Signature]</i>
Q.L.D.A	Lê Đức Phi	<i>[Signature]</i>

Bắc Giang, ngày 08 tháng 04 năm 2019

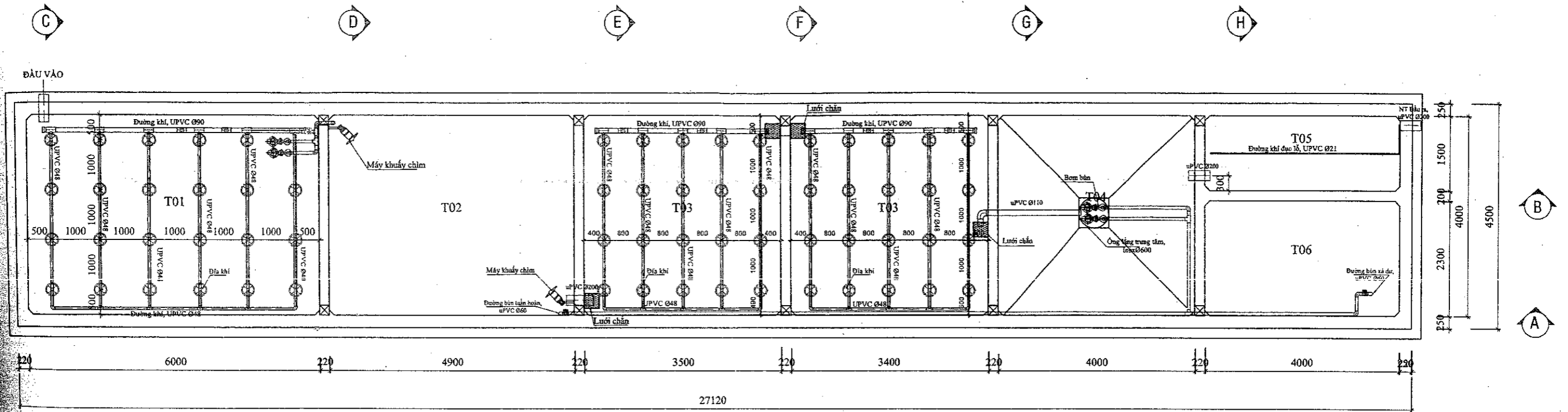
Giám đốc công nghệ
EJC
Lê Đức Phi

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG LẮP ĐẶT
THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ TẠI MẶT BẾ

TỈ LỆ: 1:100 BẢN VẼ SỐ: CN-02

MÃ SỐ :

MẶT BẰNG LẮP ĐẶT THIẾT BỊ & ĐƯỜNG ỐNG CÔNG NGHỆ TẠI ĐÁY BỂ, Công suất 200 m³/ngày.đêm

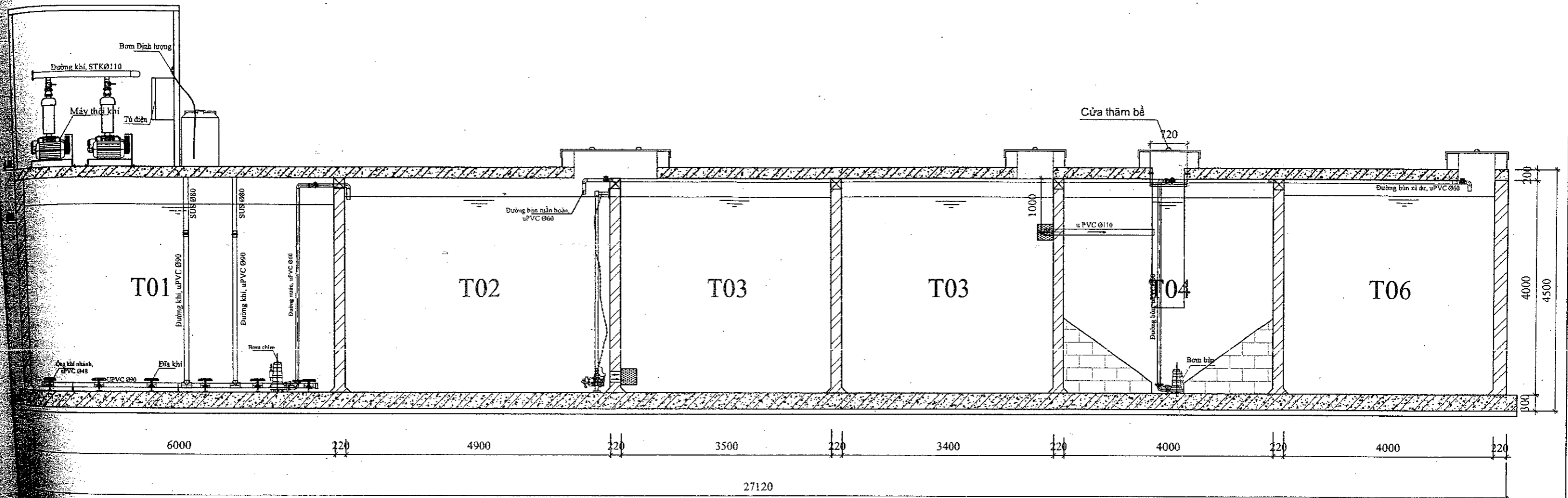


GHI CHÚ:

- | | |
|-----------------|----------------------|
| T01 Bể Điều hòa | T04 Bể lắng sinh học |
| T02 Bể Anoxic | T05 Bể khử trùng |
| T03 Bể Aerotank | T06 Bể chứa bùn |

XI NGHIỆP MAY BGG LẠNG GIANG Công ty Cổ phần EJC Địa chỉ: 139 Đường Trần Đức Luân, P. Ngô Quyền, Tp. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang. Điện thoại: 0204.385.4848 Email: moitruong@ejc.com	CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT, CÔNG SUẤT: 200M ³ /NGÀY ĐÊM HẠNG MỤC: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI BƯỚC: BẢN VẼ HOÀN CÔNG ĐỊA ĐIỂM: XÍ NGHIỆP MAY BGG LẠNG GIANG	Thiết kế Phạm Thị Hồng Mai		Bắc Giang, ngày 08 tháng 04 năm 2019 Giám đốc công nghệ EJC Lê Đức Phi	TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG LẮP ĐẶT THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ TẠI ĐÁY BỂ		
			Vẽ Phạm Thị Hồng Mai			TỶ LỆ: 1:100	BẢN VẼ SỐ: CN-03
			Kiểm tra Lê Đức Phi				
			Q.L.D.A Lê Đức Phi				MÃ SỐ :

MẶT CẮT A-A



GHI CHÚ:

- | | |
|-----------------|----------------------|
| T01 Bể Điều hòa | T04 Bể lắng sinh học |
| T02 Bể Anoxic | T05 Bể khử trùng |
| T03 Bể Aerotank | T06 Bể chứa bùn |

XI NGHIỆP MÁY BGG LẠNG GIANG

XI NGHIỆP NGHĨA HÒA, HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

THIẾT KẾ:

CÔNG TY CỔ PHẦN EJC

Đường Trần Đức Liên, P. Ngô Quyền, Tp. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
Số điện thoại: 0204.385.4848 Email: meintongjcc@gmail.com

CÔNG TRÌNH

XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT,

CÔNG SUẤT: 200M³/NGÀY ĐÊM

HẠNG MỤC: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

BƯỚC: BẢN VẼ HOÀN CÔNG

ĐỊA ĐIỂM: XI NGHIỆP MÁY BGG LẠNG GIANG

Thiết kế

Phạm Thị Hồng Mai

Vẽ

Phạm Thị Hồng Mai

Kiểm tra

Lê Đức Phi

Q.L.D.A

Lê Đức Phi

Bắc Giang, ngày 08 tháng 04 năm 2019

Giám đốc công nghệ

EJC

Lê Đức Phi

TÊN BẢN VẼ:

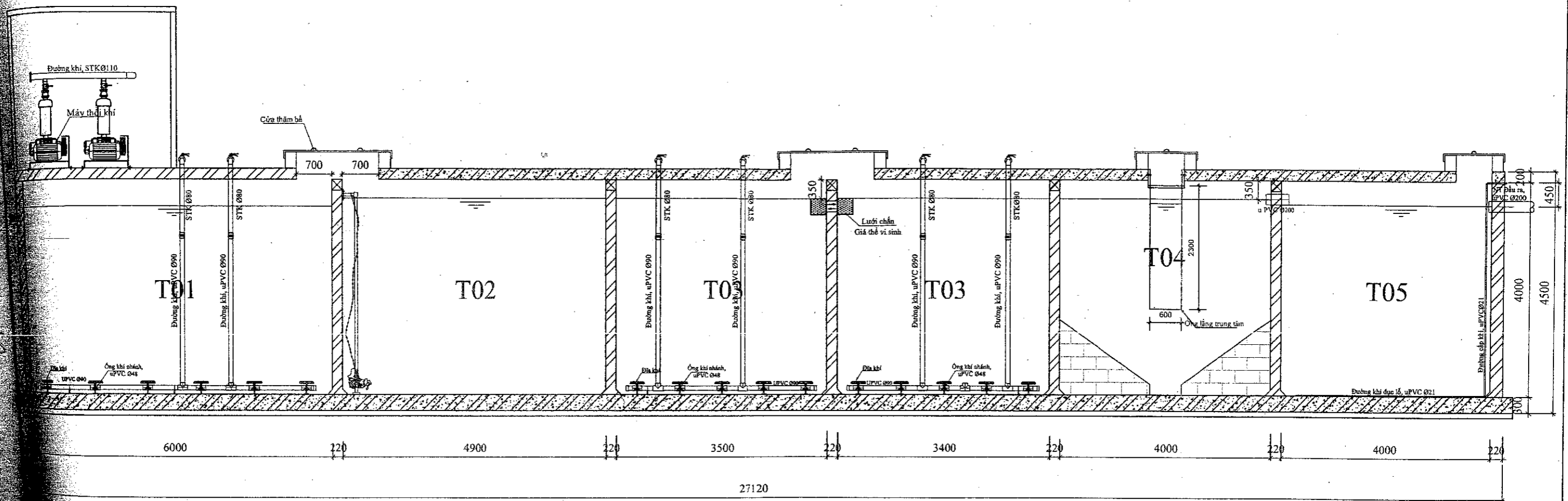
MẶT CẮT A-A

TỈ LỆ: 1:90

BẢN VẼ SỐ: CN-04

MÃ SỐ :

MẶT CẮT B-B



GHI CHÚ:

T01 Bể Điều hòa	T04 Bể lắng sinh học
T02 Bể Anoxic	T05 Bể khử trùng
T03 Bể Aerotank	T06 Bể chứa bùn

CHIẾP MÁY BGG LẠNG GIANG
 Xã Nghiệp Nghĩa Hòa, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang.
THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN EJC
 Đường Trần Đức Luận, P. Ngô Quyền, Tp. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
 Điện thoại: 0204.385.4648 Email: nuan@ngocjci@gmail.com

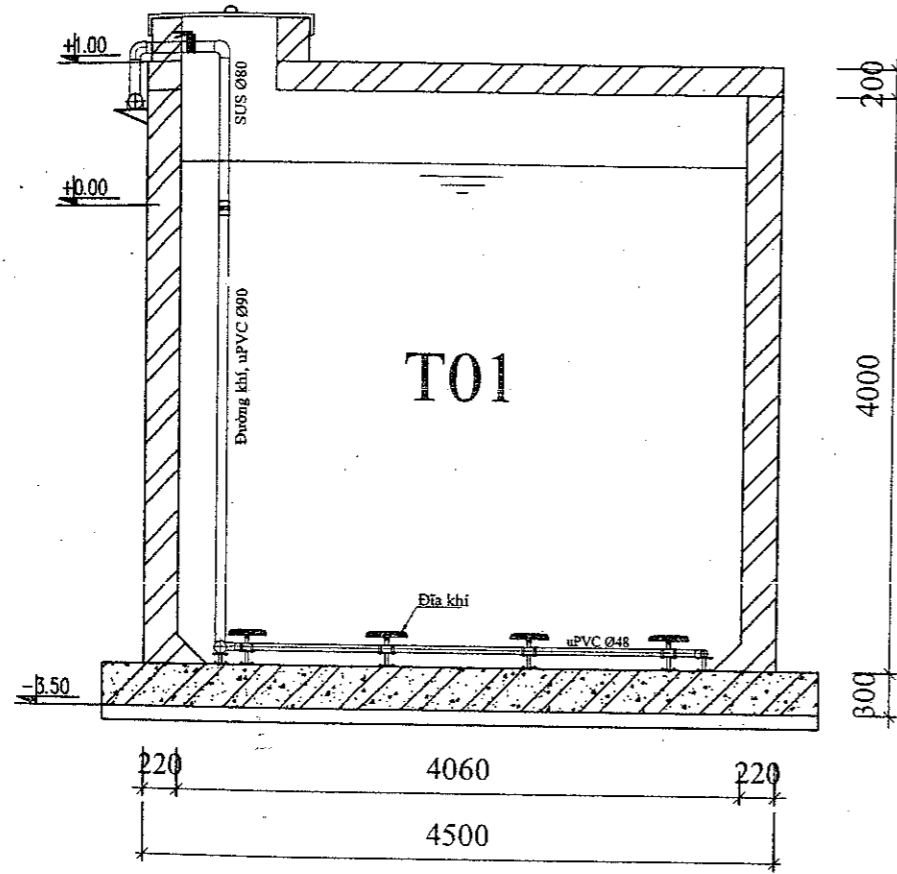
CÔNG TRÌNH
 XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT,
 CÔNG SUẤT: 200M³/NGÀY ĐÊM
HẠNG MỤC: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
 BƯỚC: BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 ĐỊA ĐIỂM: XÍ NGHIỆP MÁY BGG LẠNG GIANG

Thiết kế	Phạm Thị Hồng Mai	<i>[Signature]</i>
Vẽ	Phạm Thị Hồng Mai	<i>[Signature]</i>
Kiểm tra	Lê Đức Phi	<i>[Signature]</i>
Q.L.D.A	Lê Đức Phi	<i>[Signature]</i>

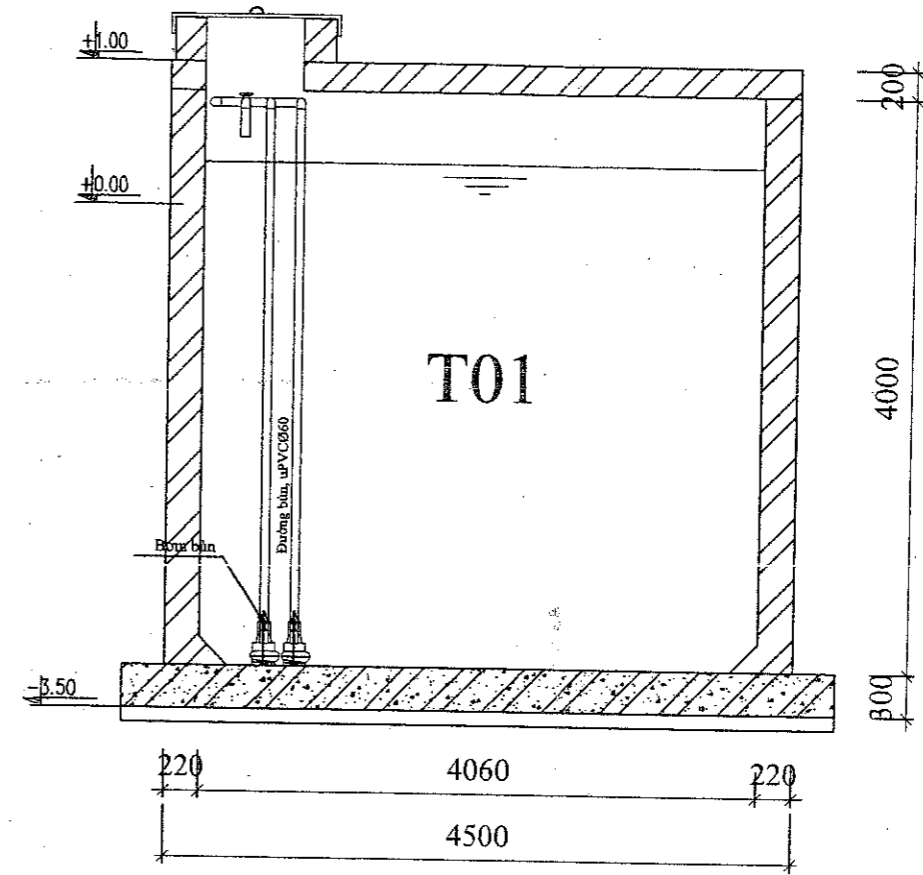
Bắc Giang, ngày 08 tháng 04 năm 2019
Giám đốc công nghệ
CÔNG TY CỔ PHẦN EJC
Lê Đức Phi

TÊN BẢN VẼ:	
MẶT CẮT B-B	
TỈ LỆ: 1:90	BẢN VẼ SỐ: CN-05
MÃ SỐ :	

MẶT CẮT C-C



MẶT CẮT LẮP ĐẶT ĐƯỜNG KHÍ



MẶT CẮT LẮP ĐẶT ĐƯỜNG NƯỚC

GHI CHÚ:

T01 Bể Điều hòa

ĐƠN VỊ ĐẦU TƯ:



XÍ NGHIỆP MAY BGG LẠNG GIANG
Cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang.

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:



CÔNG TY CỔ PHẦN EJC

Số 129, Đường Thân Đức Luân, P. Ngô Quyền, Tp. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 0204 385 4848 Email: meotrung@ejc.com

CÔNG TRÌNH

XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT,
CÔNG SUẤT: 200M³/NGÀY ĐÊM
HẠNG MỤC: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
BƯỚC: BẢN VẼ HOÀN CÔNG
ĐỊA ĐIỂM: XÍ NGHIỆP MAY BGG LẠNG GIANG

Thiết kế Phạm Thị Hồng Mai

Vẽ Phạm Thị Hồng Mai

Kiểm tra Lê Đức Phi

Q.L.D.A Lê Đức Phi

Bắc Giang, ngày 08 tháng 04 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN
Giám đốc công nghệ
EJC
Lê Đức Phi

TÊN BẢN VẼ:

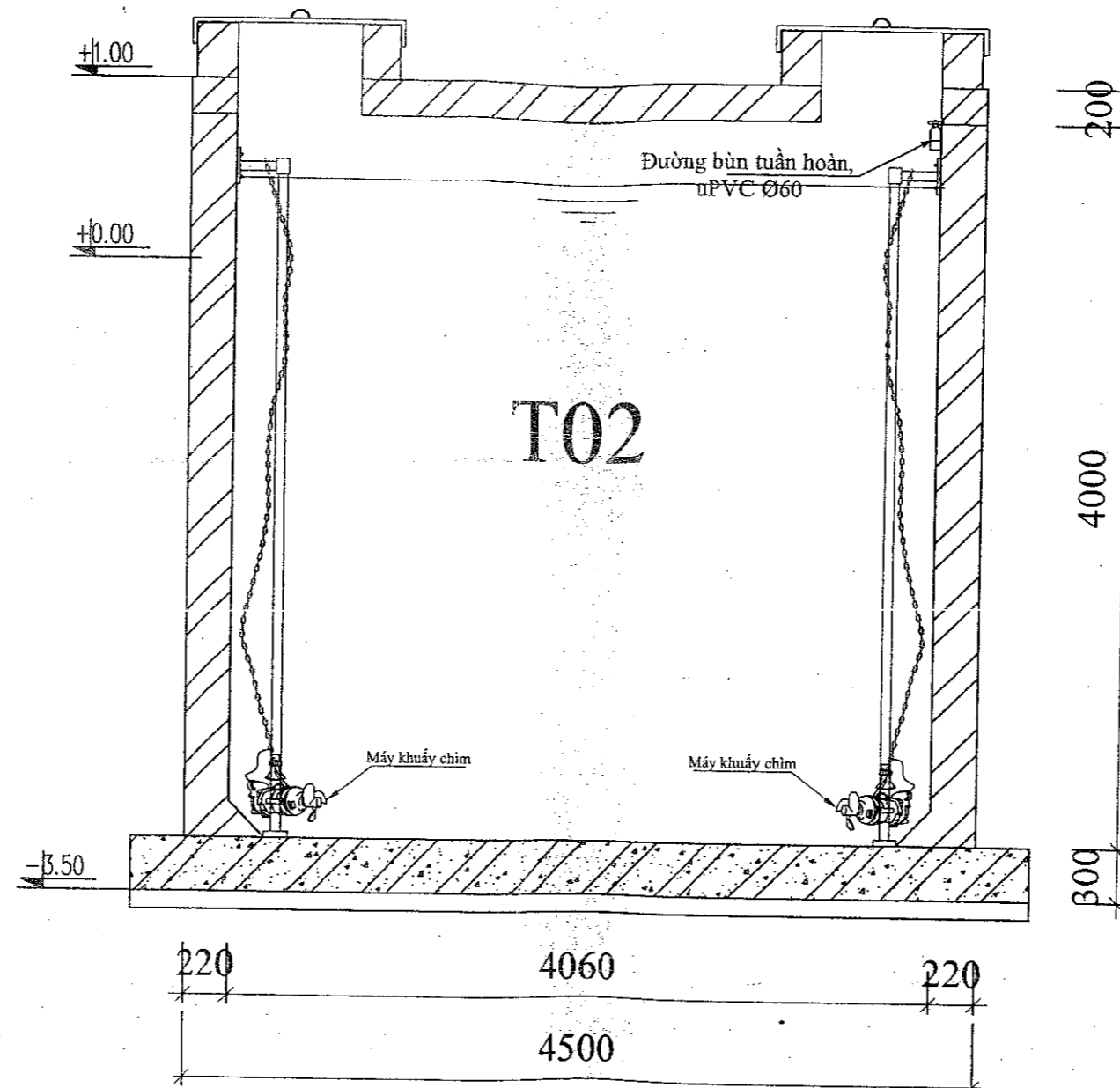
MẶT CẮT C-C

TỈ LỆ: 1:50

BẢN VẼ SỐ: CN-06

MÃ SỐ :

MẶT CẮT D-D



GHI CHÚ:

T02	BỂ Anoxic
-----	-----------

Ủ ĐẦU TƯ:
XÍ NGHIỆP MAY BGG LẠNG GIANG
 Cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang.

ƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN EJC
 Số 129, Đường Trần Đức Luân, P. Ngô Quyền, Tp. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
 Điện thoại: 0204.385.4848 Email: moitrongoc@gmail.com

CÔNG TRÌNH
 XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT,
 CÔNG SUẤT: 200M³/NGÀY ĐÊM
HẠNG MỤC: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
 BƯỚC: BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 ĐỊA ĐIỂM: XÍ NGHIỆP MAY BGG LẠNG GIANG

Thiết kế	Phạm Thị Hồng Mai	<i>[Signature]</i>
Vẽ	Phạm Thị Hồng Mai	<i>[Signature]</i>
Kiểm tra	Lê Đức Phi	<i>[Signature]</i>
Q.L.D.A	Lê Đức Phi	<i>[Signature]</i>

Bắc Giang, ngày 08 tháng 04 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN EJC
 Giám đốc công nghệ

Lê Đức Phi

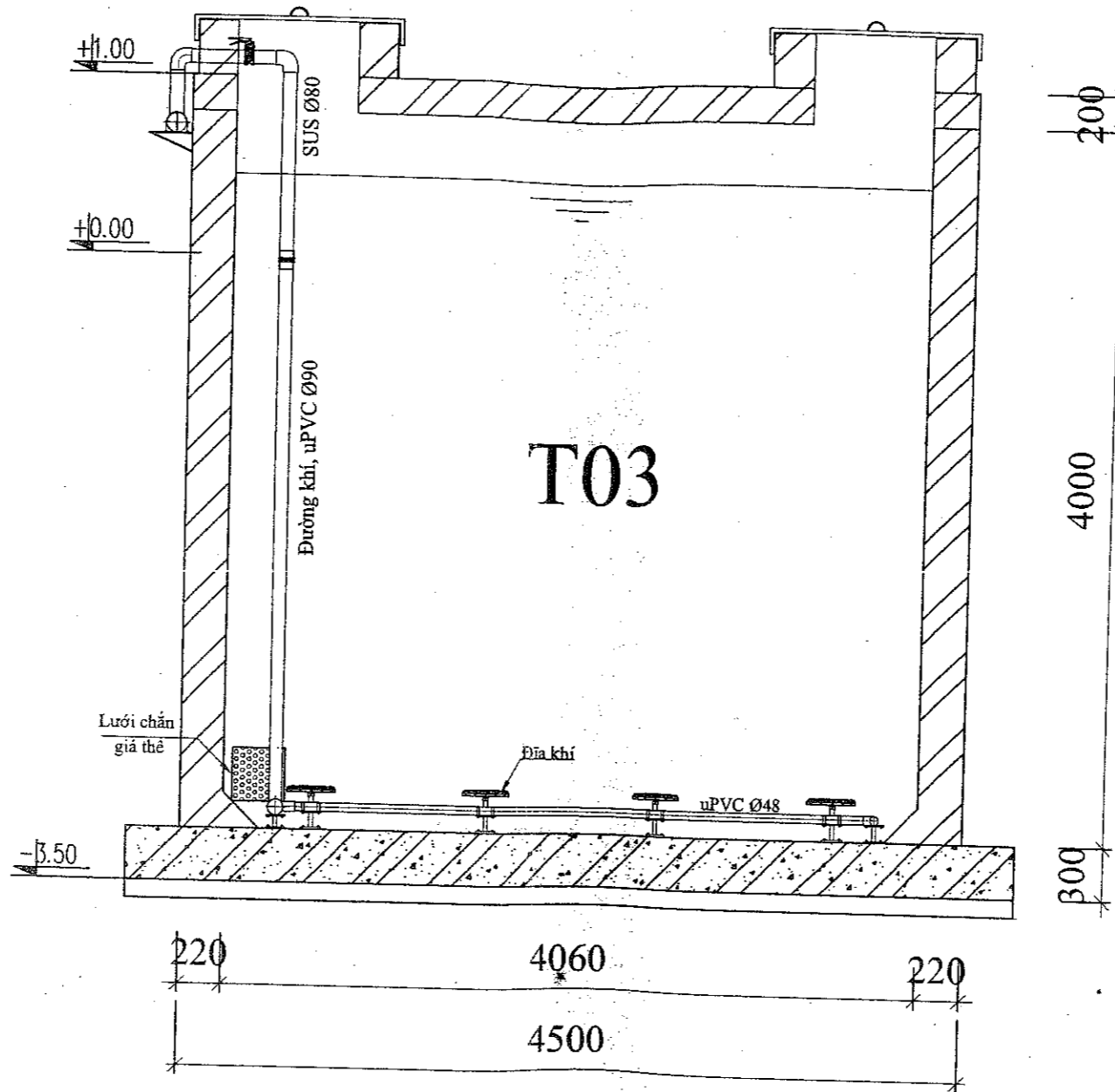
TÊN BẢN VẼ:
 MẶT CẮT D-D

TỈ LỆ: 1:35 BẢN VẼ SỐ: CN-07

MÃ SỐ :

21

MẶT CẮT E-E



GHI CHÚ:

T03 BỂ Aerotank

TỦ ĐẦU TƯ:



XÍ NGHIỆP MÁY BGG LẠNG GIANG
 Công nghiệp Nghĩa Hòa, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang.

IN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:



CÔNG TY CỔ PHẦN EJC

Số 129, Đường Thân Đức Liên, P. Ngô Quyền, Tp. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
 Điện thoại: 0204.355.4848 Email: mastruongejc@gmail.com

CÔNG TRÌNH

XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT,
 CÔNG SUẤT: 200M³/NGÀY ĐÊM
HẠNG MỤC: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
 BƯỚC: BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 ĐỊA ĐIỂM: XÍ NGHIỆP MÁY BGG LẠNG GIANG

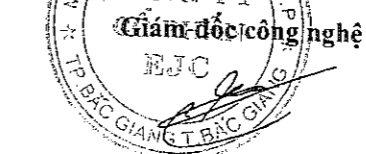
Thiết kế Phạm Thị Hồng Mai

Vẽ Phạm Thị Hồng Mai

Kiểm tra Lê Đức Phi

Q.L.D.A Lê Đức Phi

Bắc Giang, ngày 08 tháng 04 năm 2019



Lê Đức Phi

TÊN BẢN VẼ:

MẶT CẮT E-E

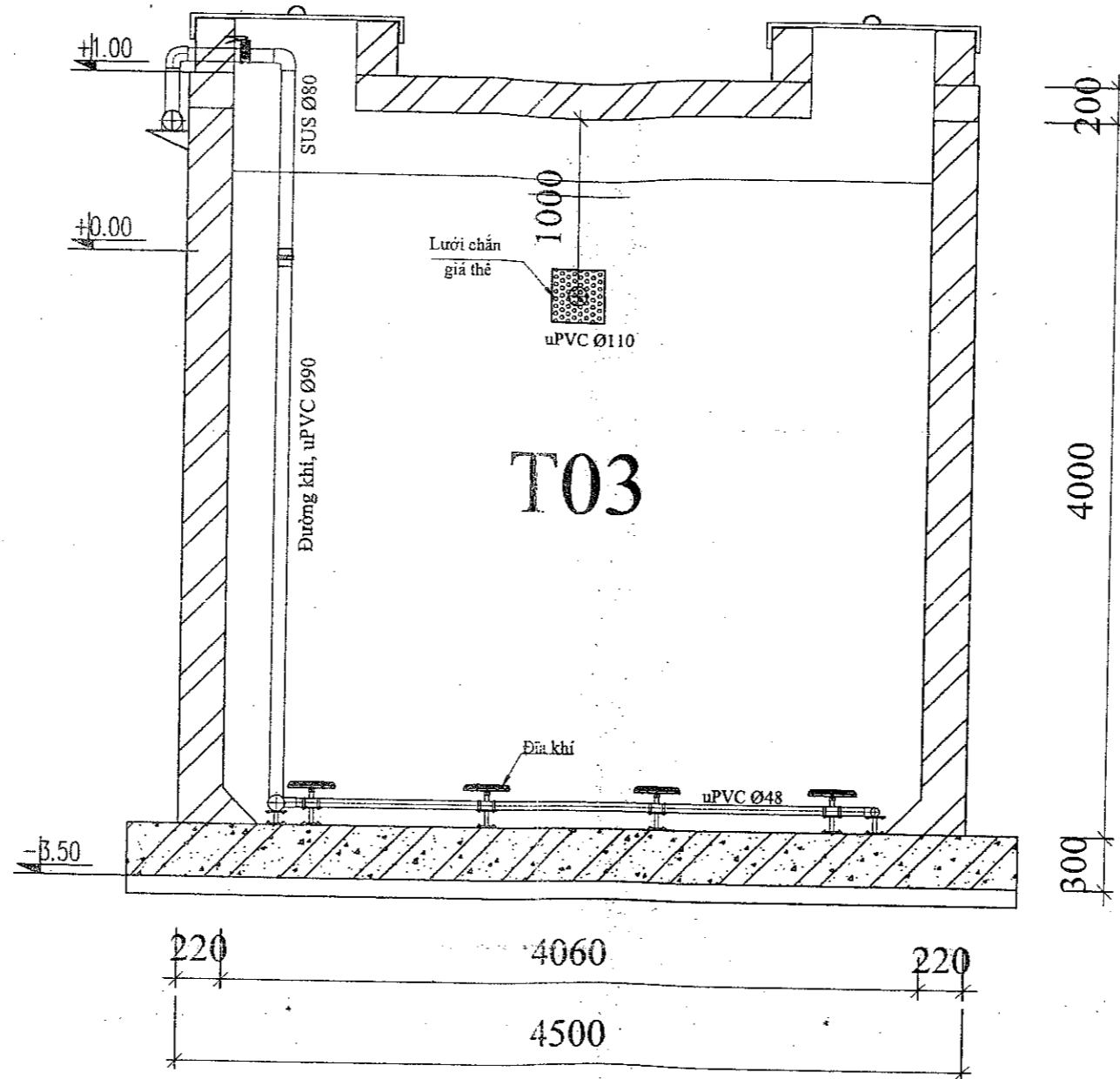
TỈ LỆ: 1:35

BẢN VẼ SỐ: CN-08

MÃ SỐ

22

MẶT CẮT F-F



GHI CHÚ:

T03 Bể Aerotank

ĐẦU TƯ:



XÍ NGHIỆP MAY BGG LẠNG GIANG
Cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang.

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:



CÔNG TY CỔ PHẦN EJC

Số 129, Đường Trần Đức Luán, P Ngô Quyền, Tp Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang.
Điện thoại: 0294.365.3848 Email: nui@nuiengco@gmail.com

CÔNG TRÌNH

XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT,
CÔNG SUẤT: 200M³/NGÀY ĐÊM
HẠNG MỤC: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
BƯỚC: BẢN VẼ HOÀN CÔNG
ĐỊA ĐIỂM: XÍ NGHIỆP MAY BGG LẠNG GIANG

Thiết kế	Phạm Thị Hồng Mai	
Vẽ	Phạm Thị Hồng Mai	
Kiểm tra	Lê Đức Phi	
Q.L.D.A	Lê Đức Phi	

Bắc Giang, ngày 08 tháng 04 năm 2019

Giám đốc công nghệ

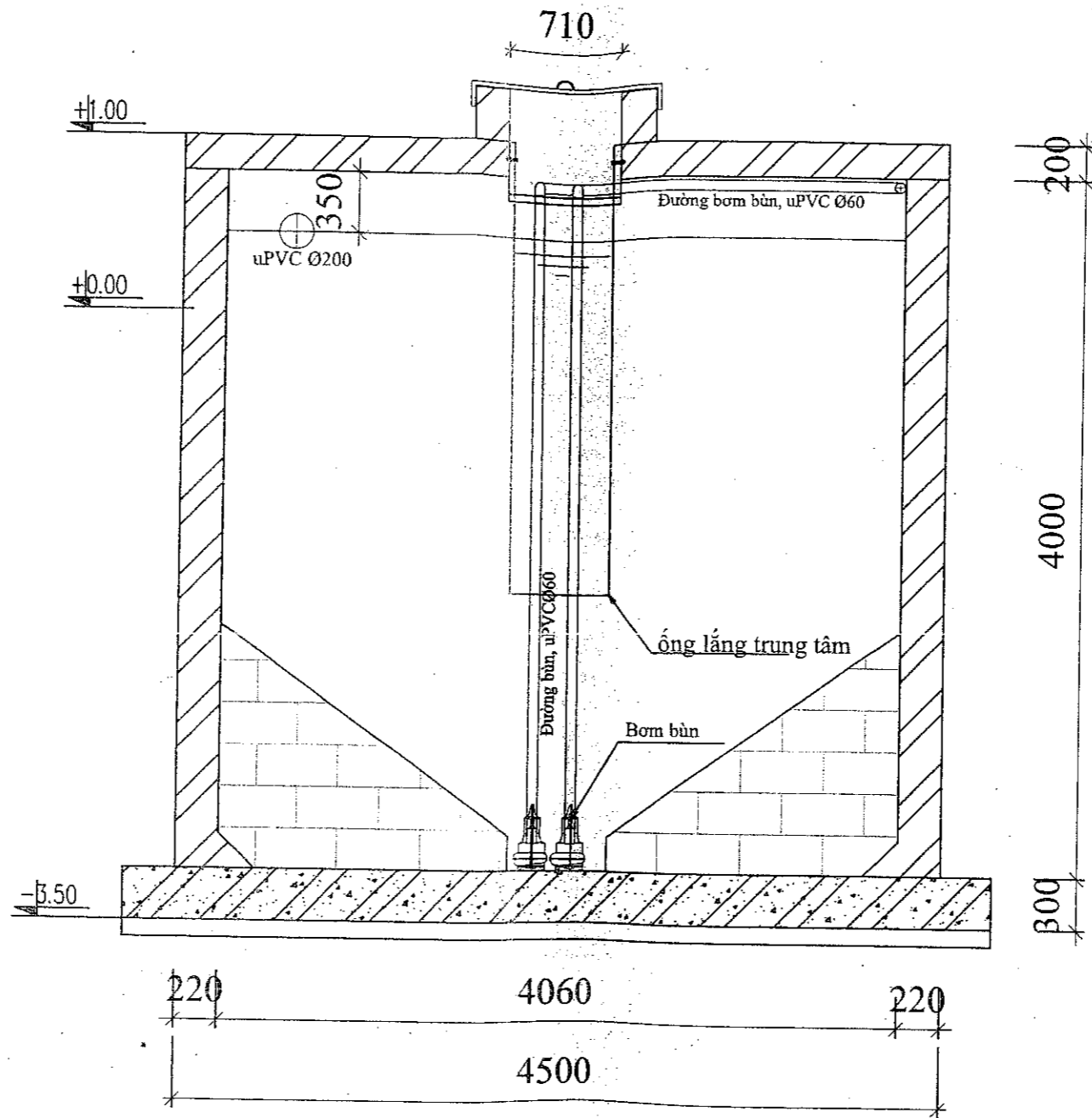
CÔNG TY CỔ PHẦN EJC

Lê Đức Phi

TÊN BẢN VẼ: MẶT CẮT F-F	
TỈ LỆ: 1:35	BẢN VẼ SỐ: CN-09
MÃ SỐ :	

23

MẶT CẮT G-G



GHI CHÚ:

T04 Bể lắng sinh học

HỦ ĐẦU TƯ:



XÍ NGHIỆP MAY BGG LẠNG GIANG

Cm công nghiệp Nghĩa Hòa, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang.

ƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:



CÔNG TY CỔ PHẦN EJC

Số 139, Đường Thái Đức Luân, P. Ngô Quyền, Tp. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 0204.385.4848 Email: moiruongco@gmail.com

CÔNG TRÌNH

XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT,

CÔNG SUẤT: 200M³/NGÀY ĐÊM

HẠNG MỤC: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

BƯỚC: BẢN VẼ HOÀN CÔNG

ĐỊA ĐIỂM: XÍ NGHIỆP MAY BGG LẠNG GIANG

Thiết kế Phạm Thị Hồng Mai

Vẽ Phạm Thị Hồng Mai

Kiểm tra Lê Đức Phi

Q.L.D.A Lê Đức Phi

Bắc Giang, ngày 08 tháng 04 năm 2019

Giám đốc công nghệ

EJC

Lê Đức Phi

TÊN BẢN VẼ:

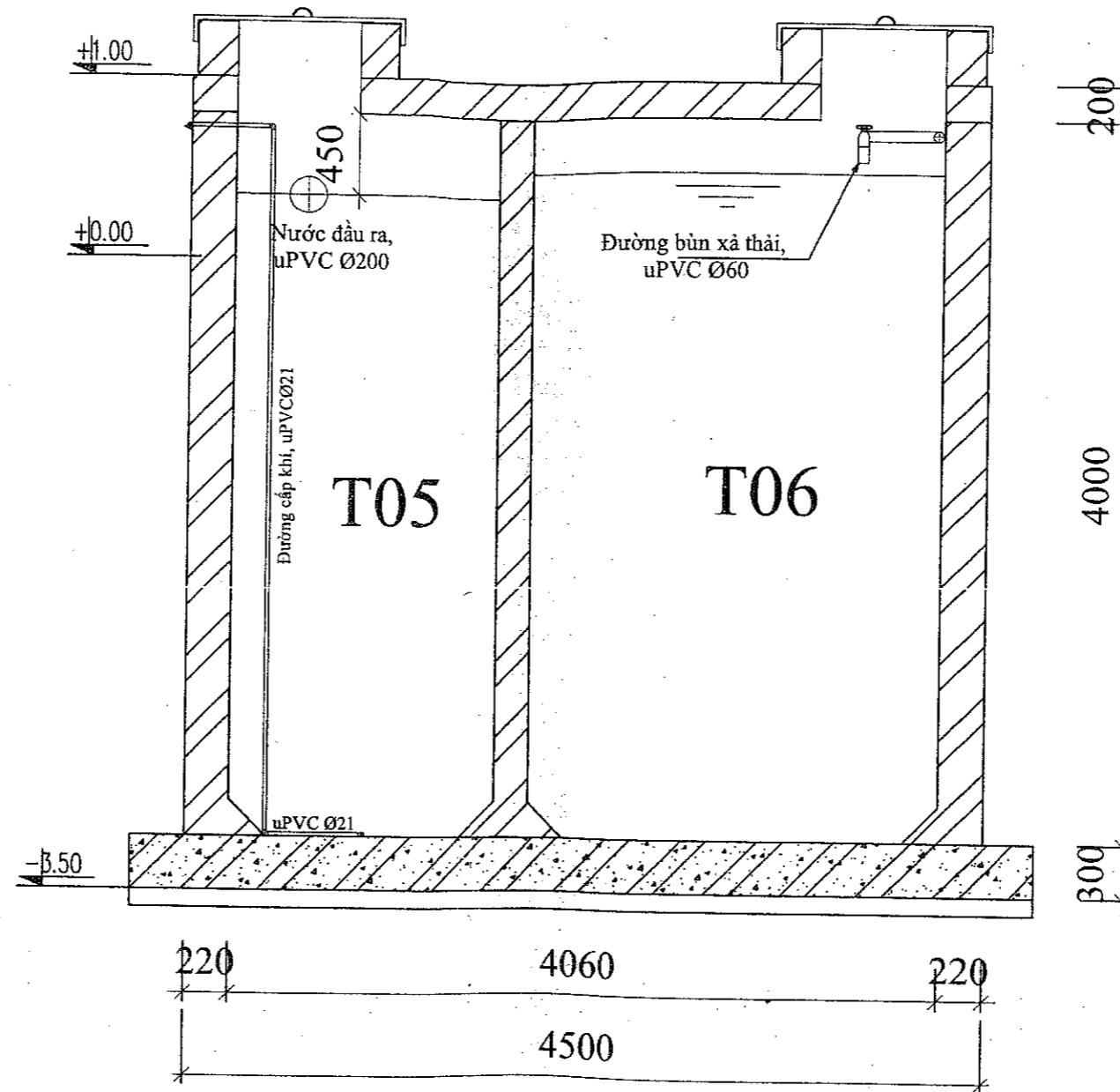
MẶT CẮT G-G

TỈ LỆ: 1:35

BẢN VẼ SỐ: CN-10

MÃ SỐ :

MẶT CẮT H-H



GHI CHÚ:			
T05	Bể khử trùng	T06	Bể chứa bùn

HỦ ĐẦU TƯ:



XÍ NGHIỆP MAY BGG LẠNG GIANG
Cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang.

ON VITU VẤN THIẾT KẾ:



CÔNG TY CỔ PHẦN EJC

Số 119, Đường Thủa Đức Luân, P. Ngại Quyền, Tp Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 0204 385.4848 Email: moitruongejc@gmail.com

CÔNG TRÌNH

XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT,
CÔNG SUẤT: 200M³/NGÀY ĐÊM
HẠNG MỤC: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
BƯỚC: BẢN VẼ HOÀN CÔNG
ĐỊA ĐIỂM: XÍ NGHIỆP MAY BGG LẠNG GIANG

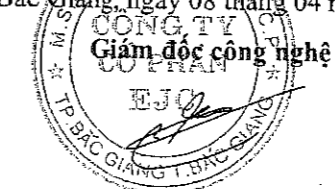
Thiết kế Phạm Thị Hồng Mai

Vẽ Phạm Thị Hồng Mai

Kiểm tra Lê Đức Phi

Q.L.D.A Lê Đức Phi

Bắc Giang, ngày 08 tháng 04 năm 2019



Lê Đức Phi

TÊN BẢN VẼ:

MẶT CẮT H-H

TỈ LỆ: 1:35

BẢN VẼ SỐ: CN-11

MÃ SỐ :